



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2018

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382  
Email: [andiseafood@vnn.vn](mailto:andiseafood@vnn.vn)  
Website: [idiseafood.com](http://idiseafood.com)



**MỤC LỤC**

<b>Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT</b>	4-4
<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG</b>	
<b>I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG</b>	
1.1 Thành lập	5-5
1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ	5-5
1.3 Các sự kiện khác	6-10
<b>II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN</b>	
2.1 Ngành nghề kinh doanh	11-11
2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển	11-13
2.3 Địa bàn kinh doanh	14-14
<b>III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN</b>	
3.1 Các mục tiêu chính của công ty	14-14
3.1.1 Xây dựng trại cá tra giống	14-14
3.1.2 Phát triển vùng nuôi cá của công ty	15-15
3.1.3 Xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3	16-18
3.1.4 Nâng công suất hoạt động của Nhà máy bột cá	19-19
3.1.5 Hoàn thiện Nhà máy tinh luyện dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất	19-24
3.1.6 Xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì thủy sản	25-26
3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	26-26
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH</b>	27-30
<b>II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM</b>	31-31
<b>III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019</b>	31-36
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
<b>I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH &amp; TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>	
1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	37-40
1.2 Tình hình tài chính	41-41
<b>II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	
2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ	41-45
2.2 Nguyên vật liệu	45-47
2.3 Trình độ công nghệ	47-48
2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới	49-56
2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	57-57
2.6 Hoạt động Marketing	57-60
2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)	61-61
2.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	62-62
<b>III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI</b>	
3.1 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018	62-68
3.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	68-80
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	81-131
<b>TỔ CHỨC &amp; NHÂN SỰ CÔNG TY</b>	
<b>I/ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC</b>	
<b>II/ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC</b>	
2.1 Hội đồng quản trị	133-133
2.2 Ban Tổng giám đốc	133-134
2.3 Ban kiểm soát	134-134
2.4 Các phòng ban khác	134-134
<b>III/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH</b>	
3.1 Hội đồng quản trị	135-139
3.2 Ban tổng giám đốc	139-143
3.3 Ban kiểm soát	143-144
<b>IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM</b>	
<b>V/ NGUỒN NHÂN LỰC</b>	
5.1 Lực lượng lao động	144-145
5.2 Chính sách đối với người lao động	146-146
5.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo	146-146
<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
<b>I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
1.1 Hội đồng quản trị	146-146
1.2 Ban kiểm soát	147-147
<b>II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG</b>	



2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	147-147
2.2 Danh sách cổ đông sáng lập	148-148
2.3 Cơ cấu cổ đông	149-149
2.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	149-149
2.5 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI	149-149
2.6 Doanh nghiệp là công ty con của IDI	150-155
<b>BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY</b>	
I/ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU	156-156
II/ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	156-156
III/ TIÊU THỤ NƯỚC	156-156
IV/ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	156-156





**THƯ NGỎ !**  
**THƯ NGỎ CT.HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**

**Kính thưa: Quý Cổ Đông Công ty CP đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia IDI!**

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI , tôi xin gửi lời chào, lời tri ân sâu sắc đến toàn thể quý vị đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua!

Kính thưa Quý cổ đông! Năm 2018 vừa qua, kinh tế Thế Giới có sự chuyển mình phục hồi sau cuộc khủng hoảng kéo dài hơn mười năm nhưng ngành nuôi trồng chế biến và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đặc biệt là lĩnh vực cá tra đã phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Với nền tảng thuận lợi đó kết hợp với sự chuẩn bị chu đáo từ trước mà năm 2018 vừa qua, IDI đã có một năm kinh doanh thành công ngoài mong đợi mang lại lợi ích to lớn cho Quý cổ đông cũng như Công ty chúng ta. Tuy nhiên đó chỉ là bước đầu và sẽ là tiền đề cho một bước phát triển mới của Công ty IDI, minh chứng là trong năm 2018 các nhà máy của chúng ta phải tăng ca liên tục trong khi các nhà máy khác mà chúng ta đang thuê cũng không thể đáp ứng được hết yêu cầu đơn hàng, thị trường phát triển mạnh mẽ, khách hàng tăng liên tục cả về số lượng lẫn chất lượng. Đó là cơ sở, là niềm tin để chúng ta sớm khởi công nhà máy chế biến thủy sản số ba nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và mở rộng chuỗi sản xuất thủy sản khép kín. Chúng ta đã từng chứng kiến sự chuyển mình của nền kinh tế Trung Quốc và sớm trở thành “Đại công trường của Thế Giới”. Việt Nam, với điều kiện tự nhiên thuận lợi có nhiều lợi thế nhất định để sớm có thể trở thành “bếp ăn của Thế Giới”. Đứng trước những cơ hội to lớn như vậy thì chúng ta cần phải phấn đấu và quyết tâm để trở thành một trong những nhà cung cấp sản phẩm uy tín, chất lượng nhất phục vụ cho “bếp ăn” này.

Với tư cách CT.HĐQT cũng là người khai sáng ra Công ty IDI tôi xin hứa sẽ kiến thiết mái nhà của IDI chúng ta phồn thịnh đặt trên một nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững ở tương lai. Tôi hy vọng tất cả các thành viên trong “Đại gia đình IDI” của chúng ta tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận và đồng hành cùng chúng tôi trên con đường phát triển phía trước. Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi chân thành cảm ơn Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác đã luôn ủng hộ và tiếp sức cho Công ty IDI trong suốt chặng đường vừa qua. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong những chặng đường sắp tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành công trong năm 2019!

*Trân trọng!*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Lê Thanh Thuận**



## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

### 1.1 Thành lập

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 18 số 0303141296 ngày 02/01/2019.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Tên tiếng Anh : International Development & Investment Corporation.

- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I

- Vốn điều lệ đăng ký : 1.979.534.200.000 đồng.

- Vốn điều lệ thực góp : 1.979.534.200.000 đồng.

- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại : 0277 3680 383 Fax: 0277 3680 382

- Website : www.idiseafood.com

- Email : idiseafood@vnn.vn

- Mã số thuế : 0303141296

### 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

○ *Đăng ký lần đầu:* Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.

○ *Thay đổi lần 1:* Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.

○ *Thay đổi lần 2:* Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.

○ *Thay đổi lần 3:* Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/6/2008.

○ *Tăng vốn lần 4:* Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 24/8/2010.

○ *Tăng vốn lần 5:* Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014.

○ *Tăng vốn lần 6:* Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 23/01/2015, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

○ *Tăng vốn lần 7:* Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10/05/2015. Nội dung của đợt tăng vốn này là phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2014 và lợi nhuận giữ lại để thực hiện chia cổ tức cho cổ đông 2014 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 05/08/2015, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.



○ *Tăng vốn lần 8:* Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 22/04/2016, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

○ *Tăng vốn lần 9:* Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 17/12/2018, Công ty đã thực hiện báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

### 1.3 Các sự kiện khác

Trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:

- Tháng 10/2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.

- Tháng 03/2010: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

- Tháng 04/2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.

- Tháng 11/2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.

- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.

- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2011.

- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.

- Ngày 22/02/2013: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2012.

- Ngày 31/12/2013: Công ty điện lực Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả năm 2013.

- Ngày 27/04/2014: Bộ Công thương tặng bằng khen cho Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.

- Ngày 09/12/2015: Sở Công thương Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã có thành tích năng động sáng tạo, vượt khó trong sản xuất kinh doanh và có nhiều đóng góp cho sự phát triển ngành Công thương năm 2015.

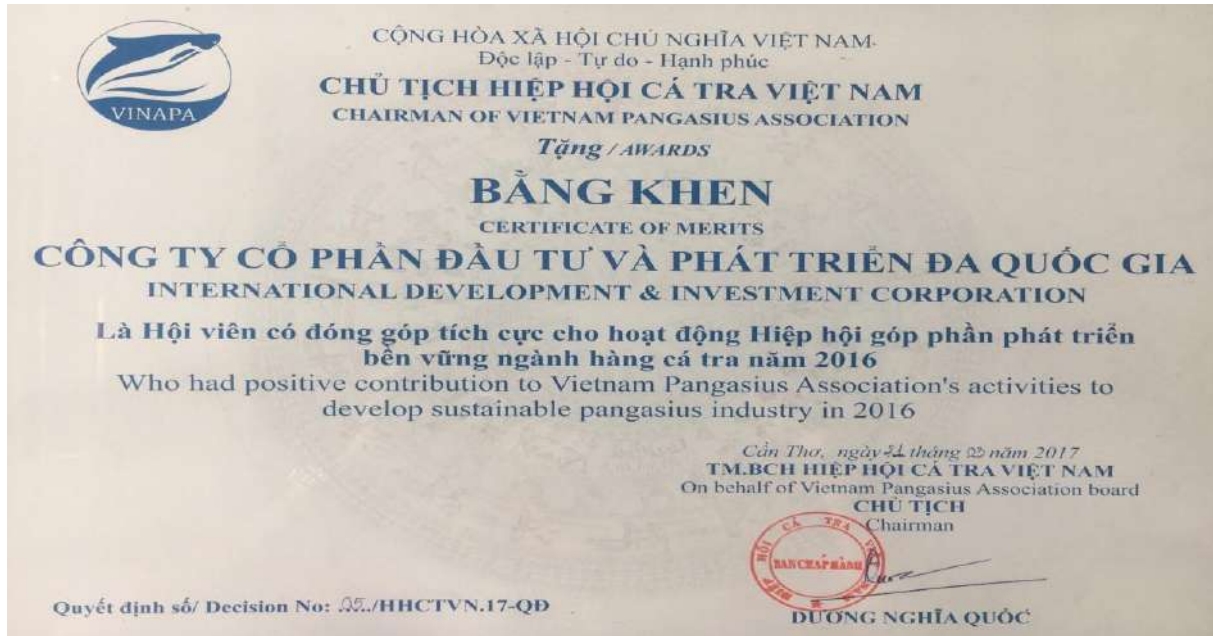
- Năm 2015 IDI được vinh danh là một trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do báo Vietnamnet phối hợp với Công ty CP Báo Cáo Đánh Giá Việt Nam bình chọn.





- Năm 2016 IDI được Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam tặng Bằng Khen là Hội viên có đóng góp tích cực cho hoạt động Hiệp hội góp phần phát triển bền vững ngành hàng cá tra năm 2016.





- Năm 2016 IDI được vinh danh là một trong 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.





- UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua năm 2017.



- Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam tặng Bằng Khen là Hội viên có đóng góp tích cực cho hoạt động Hiệp hội góp phần phát triển bền vững ngành hàng cá tra năm 2017



- UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong Phong trào “Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh dạy nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động” năm 2018.



- Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam chúc mừng là Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản xuất sắc năm 2019.



## II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

○ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.

○ Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.

○ Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.

○ Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.

○ Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

○ Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.

○ Kinh doanh bất động sản.

○ Sản xuất và kinh doanh dầu cá.

### 2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển công ty.

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động. Ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, IDI cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng (giai đoạn I), diện tích sử dụng 10.600m<sup>2</sup>. Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2012 đầu tư Nhà máy tinh luyện dầu cá đến cuối tháng 6/2013 đã hoàn thành đưa vào khai thác. Tháng 12 năm 2014 sản phẩm dầu cá cao cấp Ranee chính thức đi vào hệ thống siêu thị Việt nam.

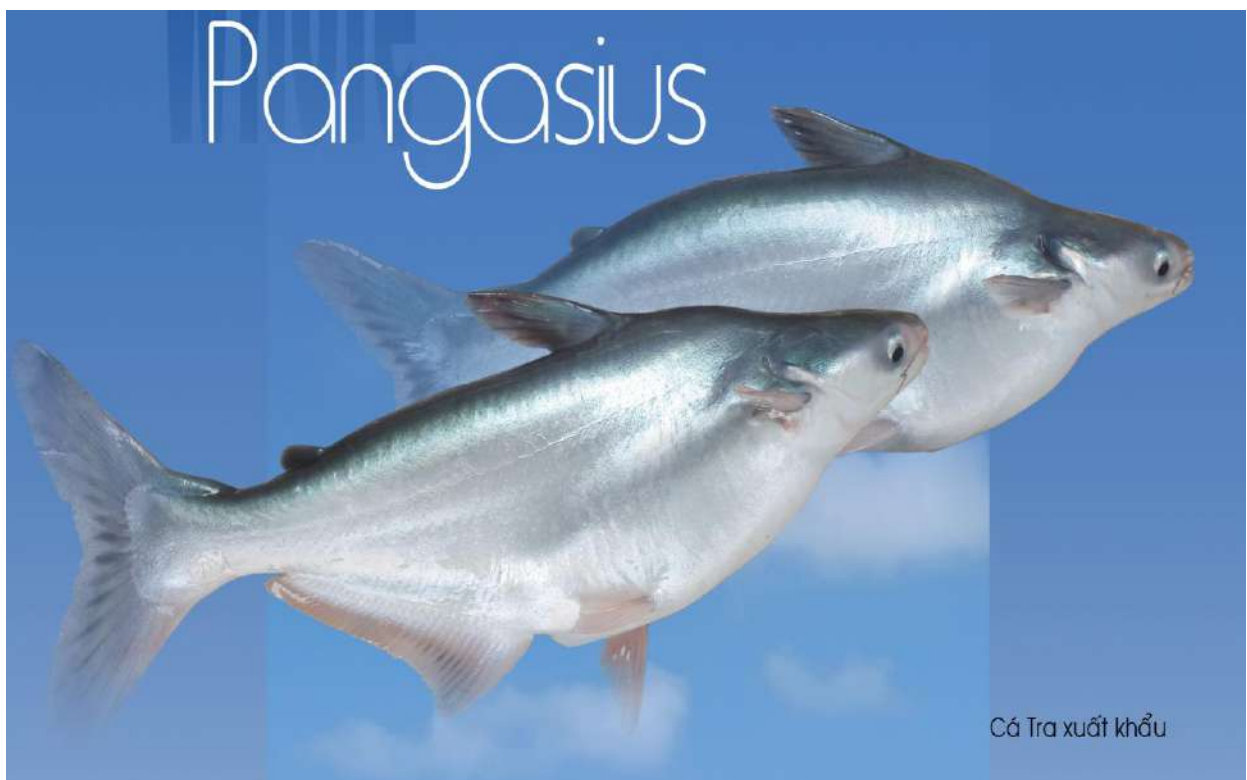
- Ngày 10/10/2015 Công ty IDI đã khởi công dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất thiết kế 378.000 tấn/năm. Công ty đã mạnh dạn đầu tư công nghệ hiện đại nhất nhằm tạo ra những sản phẩm tốt nhất với giá thành thấp. Ngoài ra dự án này cũng đang được nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện năng lượng mặt trời để thay thế cho nguồn điện phổ thông như hiện nay. Từ đó làm cơ sở đánh giá và mở rộng đầu tư cho toàn bộ tất cả các nhà máy nằm trong Cụm công nghiệp của Công ty.

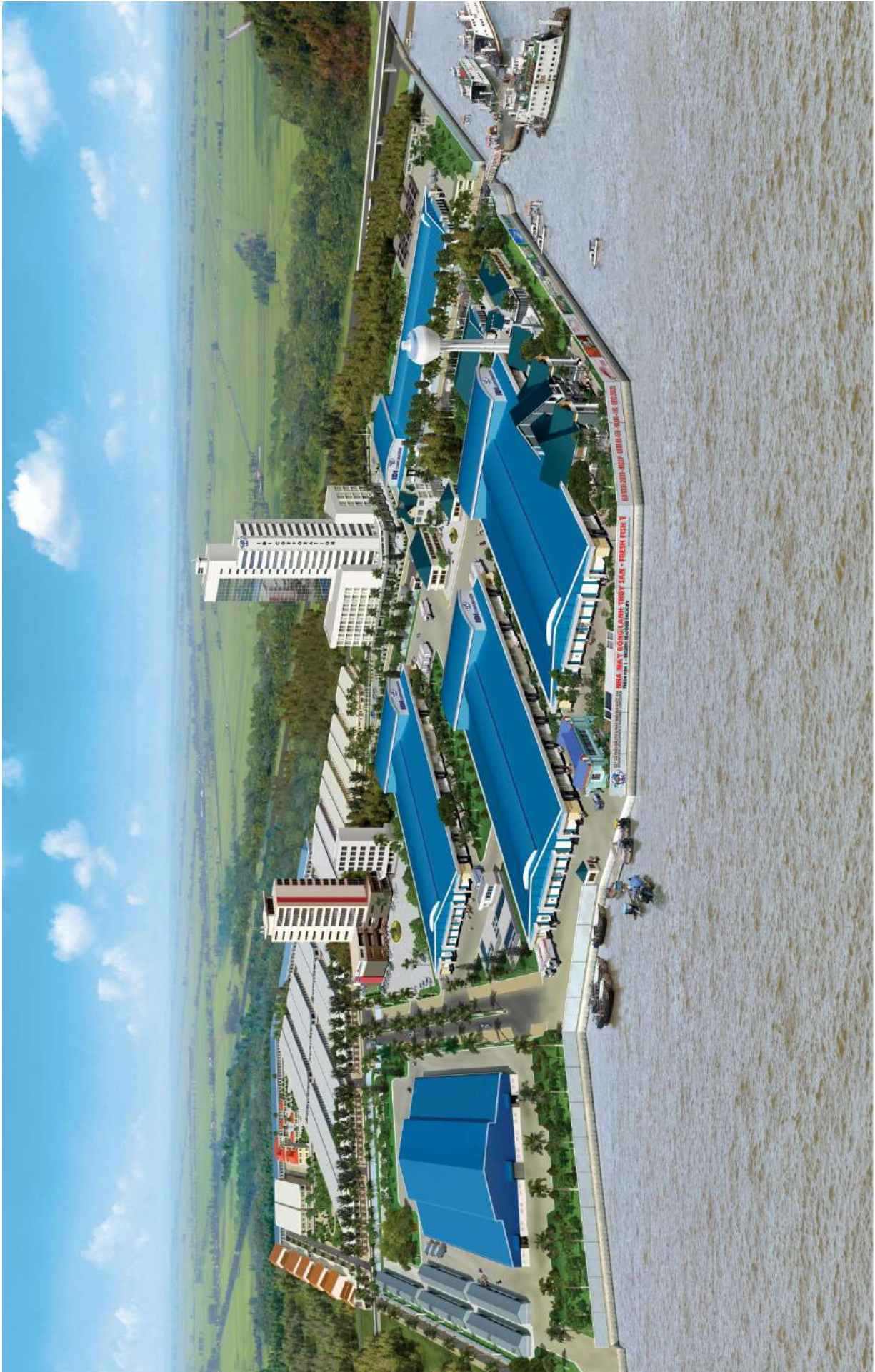


- Ngoài ra, I.D.I có tên trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.



IDI NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HCM





Cụm Công Nghiệp Vàm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản



### 2.3 Địa bàn kinh doanh:

- Các hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia IDI tập trung tại trụ sở của Công ty, địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Riêng vùng nuôi cá tra nguyên liệu công ty được xây dựng ở lân cận nhà máy đông lạnh với bán kính khoảng 30 km ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ.... Sau khi được chế biến thì sản phẩm cá tra đông lạnh cũng như các sản phẩm khác của Công ty được xuất đi rất nhiều nước ở 5 Châu lục.

## III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 3.1 Các mục tiêu chính của công ty

- Cá tra là đặc sản của người tiêu dùng trên thế giới, là sản vật của đất nước ta và vừa qua Chính phủ đã ký quyết định công nhận cá Tra là đối tượng thủy sản nuôi chủ lực bên cạnh tôm Sú và tôm Thẻ chân trắng. Đứng trước một đất nước Việt Nam đang đổi mới từng giờ và tầm nhìn đến năm 2022 thì ngành thủy sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, cơ hội sinh lời rất cao và luôn đóng một vai trò quan trọng để phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp của quốc gia. Nên hiện tại IDI đang tập trung hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín cho chuỗi thủy sản như sau:

#### 3.1.1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi một cách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do chất lượng đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non và đẻ nhiều lần trong năm, dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo trong việc nuôi cá như:

- Tỷ lệ hao hụt: lớn khoảng 40-60%, một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 70 – 80%.

- Chi phí nuôi tăng cao: Trước đây, giống cá tra còn tốt nên thời gian nuôi bình quân khoảng 5-6 tháng là cá đã đạt tiêu chuẩn sản xuất (0.8 – 0.9 kg/con) với hệ số thức ăn chỉ khoảng 1.5kg. Còn hiện nay để đạt được Size cá trên, người nuôi phải mất khoảng 8-9 tháng với hệ số thức ăn 1.55 – 1.6kg.

- Chất lượng cá nguyên liệu giảm: Chất lượng giống cá tra thấp không những ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ sống của cá nuôi, năng suất và thời vụ... mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng cá nguyên liệu, cá dễ bị còi cọc, dị hình, màu thịt cơ xấu, tỷ lệ thu hồi fillet giảm.

- Dịch bệnh nhiều hơn: Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ, tỷ lệ cá tra nuôi ở ĐBSCL bị nhiễm bệnh là khá cao. Hầu như tất cả các vùng nuôi đều xuất hiện những loại bệnh phổ biến trên cá tra như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mù... Có những vùng nuôi, tỷ lệ cá tra nhiễm bệnh gần như tới 100%. Cá tra ở ĐBSCL bị bệnh từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng..., hoặc bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe...), giáp xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng cho cá không cân đối đã gây ra các hội chứng thiếu vitamin, thiếu canxi, môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm....

- Trước những thách thức trên và mục tiêu phát triển bền vững thì yêu cầu cấp bách đặt ra là Công ty cần phải xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.





### 3.1.2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Với mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nỗ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

- Với tầm quan trọng như trên thì công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi đến năm 2020 thì diện tích vùng nuôi của công ty đạt khoảng 400 ha và đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P. Công ty đã lập dự án nuôi cá tra với diện tích 34 hecta tại Cồn Qua, xã Định Yên, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, bên cạnh đó Công ty cũng đã hoàn thành hồ sơ quy hoạch vùng nuôi ở xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 12 hecta. Công ty cũng đã mở rộng thêm được 11 hecta vùng nuôi cá nguyên liệu ở huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp và hiện đang được khai thác. Như vậy đến cuối năm 2018 diện tích tự nuôi cá và nuôi liên kết của Công ty đạt gần 300 hecta đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoảng 90-95% so với nhu cầu nguyên liệu của năm 2019. Các chính sách đi kèm là phải hỗ trợ người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng công ty trên tinh thần hợp tác cả hai bên cùng có lợi.



Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

### 3.1.3) Xây dựng nhà máy chế biến cá tra Fillet xuất khẩu số 3:

- Toàn bộ lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi của Công ty kết hợp với nuôi liên kết sẽ được đưa về nhà máy chế biến đông lạnh để fillet xuất khẩu. Với công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ) thì hiện tại nhà máy đã hoạt động hết công suất.



- Tháng 05/2016 thì nhà máy số 2 đã đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày thì năm 2017, 2018 cũng đã hoạt động hết công suất mà vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, Công ty đã thuê một số nhà máy để gia công thêm.





- Bên cạnh việc hoàn thành Kho lạnh số 3 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm, Công ty dự kiến sẽ khởi công xây dựng nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu số 3 với công suất 250 tấn nguyên liệu/ 12 giờ vào Quý II/2019, như vậy năng lực sản xuất của Công ty sẽ được tăng lên đáng kể và khắc phục được tình trạng phải thuê gia công bên ngoài. Tạo điều kiện để chúng ta mạnh dạn ký hợp đồng và đẩy mạnh doanh số trong những năm tiếp theo.





Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI



### 3.1.4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:



- Hiện tại nhà máy bột cá và mỡ cá là một nhà máy của Công ty CP đầu tư du lịch & phát triển thủy sản Trisedco. Đây là một công ty con của IDI với tỷ lệ góp vốn gần 80% và là một thành viên trong tập đoàn Sao Mai An Giang. Sử dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Hiện tại Công ty đã hoàn thành việc nhập dây chuyền sản xuất bột cá mỡ cá và đã đưa vào sử dụng với công suất 400 tấn nguyên liệu/ngày. Việc nhà máy đông lạnh của IDI được mở rộng và nâng công suất thì nhà máy bột cá và mỡ cá mặc nhiên cũng sẽ được nâng công suất lên. Với Công suất này thì hàng ngày sẽ cho ra 90 tấn mỡ và 85 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đáp ứng cho nhu cầu của nhà máy tinh luyện dầu cá.

### 3.1.5) Hoàn thiện nhà máy tinh luyện dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

Đây là dự án nằm trong chuỗi sản xuất liên kết khép kín và nâng cao giá trị gia tăng con cá Tra của Sao Mai Group, tận dụng từ nguồn phụ phẩm từ Công ty IDI để sản xuất ra mỡ cá, từ đó tinh luyện thành dầu ăn cao cấp dùng để chiên xào các món ăn hàng ngày. Hiện tại dự án được Công ty CP Dầu Cá Châu Á quản lý và khai thác từ việc thuê lại nhà máy của Công ty Trisedco. Cuối năm 2017, hệ thống bổ sung dây chuyền chiết rót đóng chai tự động và nâng Công suất lên 220 tấn nguyên liệu/ngày kết hợp với dây chuyền sản xuất Shorttarning đã hoàn thành đưa ra thị trường trong nước cũng như Thế Giới các sản phẩm dinh dưỡng nhất, chất lượng nhất.

Chúng ta đã biết dầu cá, một sản phẩm không hề xa lạ với mọi người vì từ lâu đã được biết đến như là thực phẩm tốt cho tim mạch, sáng mắt, bổ não. Dầu cá phổ biến vẫn là loại được trích ly từ cá đánh bắt ở vùng biển sâu như cá hồi, cá ngừ, cá trích, . . . và sản lượng rất hạn chế không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng. Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm gần 1,5 triệu tấn thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 180.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan



trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất an toàn vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu cá cũng rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay dầu cá tra thô (mỡ cá) đang được sử dụng lãng phí, sai mục đích. Trong khi đó, nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Người tiêu dùng đang ngày càng hướng về những sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng công nghệ tinh luyện hiện đại (tẩy sạch màu, loại hết tạp chất, đáng lưu ý là không còn mùi tanh, giữ lại trọn vẹn được các thành phần bổ dưỡng) để chuyển dầu (mỡ) cá tra thô thành dầu thành phẩm hảo hạng, phục vụ người tiêu dùng. Từ những lý do trên, IDI đã đặt hàng và tập đoàn Desmet – vương quốc Bỉ đã nghiên cứu chế tạo và chuyển giao thành công công nghệ tinh luyện mỡ cá tra hiện đại, đảm bảo cho ra những sản phẩm tốt nhất, để chiên xào hoặc ăn sống trong bữa ăn hàng ngày của mọi gia đình hay làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm. Nhà máy tinh luyện mỡ cá tra của công ty có công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động đầu tháng 7 năm 2013, tạo ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày. Hiện tại Công ty đã lắp ráp thiết bị của giai đoạn 2 để nâng công suất của nhà máy tinh luyện dầu lên 220 tấn/ngày (hoàn thành giai đoạn 2) sản phẩm chính của nhà máy này sẽ cung cấp ra thị trường gồm:



A. **DẦU NỀN (OLEIN)**: Là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:

**A1. Cảm quan.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Vàng nhạt (3R/30Y)
2	Mùi	Đễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Lỏng, nhớt





## A2. Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	$\leq 10$
3	E.Coli	$\leq 03$
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

## A3. Đặc tính hóa lý.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ )	
2	Điểm mờ ( $^{\circ}\text{C}$ )	$3.3^{\circ}\text{C}$
3	FFA (%)	$\leq 0.26$
4	IV (wigs)	$\geq 80$
5	PV (meq $\text{O}_2$ )	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	$\leq 3.49$
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện

## A4. Thành phần hóa học.

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	3.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	22.4
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.1
8	C17:0 (Margaric)	0.3
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1

10	C18:0 (Stearic)	6.4
11	C18:1t (Petroselenic)	0.6
12	C18:1c (Oleic)	45.6
13	C18:2t (Linoleic)	0.5
14	C18:2c (Linoleic)	15.0
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.4
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	1.0
19	C22:0 (Beheric)	0.2
20	C22:1 (Cetoleic)	0.6
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.8
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.5
23	C20:5 (EPA)	0.1
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.1
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.2
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.1
27	C22:6 (DHA)	0.3
28	β-Caroten (ppm)	0.88
SFA (%)		≤ 32
MUFA (%)		≥ 50
PUFA (%)		≥ 18

## A5. Công dụng:

Công nghệ tinh luyện hiện đại hàng đầu thế giới với hiệu suất thu hồi cao hơn 97%, đảm bảo lưu giữ hầu hết các dưỡng chất ban đầu đã cho phép Công ty IDI biến mỡ cá tra thô ĐBSCL thành sản phẩm dầu cá cao cấp Ranee đưa vào bếp ăn của mọi gia đình. Với cảm quan màu dầu rất đẹp, hoàn toàn không có mùi tanh và thành phần chính là các acid béo không no Omega 3, 6, 9, khoáng vi lượng canxi, vitamin E, đặc biệt là EPA, DHA dầu cá cao cấp Ranee không chỉ là một sản phẩm dầu ăn rất có giá trị cho người tiêu dùng mà còn là nguồn cung Omega 3 EPA, DHA dồi dào cho những ai cần loại dưỡng chất quý giá này. Ngoài ra không giống như cá biển, con cá tra ĐBSCL được nuôi xuất khẩu theo các tiêu chuẩn ATVSTP quốc tế nghiêm ngặt nên đương nhiên dầu cá cao cấp Ranee chiết xuất từ cá tra hoàn toàn không có nguy cơ gây mất an toàn với người tiêu dùng. Rõ ràng, sự ra đời của nhà máy tinh luyện dầu cá cao cấp Ranee của Công ty IDI đã tạo ra một tương lai mới tươi sáng hơn cho việc khai thác nguồn Omega 3 EPA, DHA vô tận từ ĐBSCL.

Theo những tài liệu khoa học được công bố, dầu cá có đến hơn 20 lợi ích đối với sức khỏe con người. Dùng dầu cá thường xuyên sẽ giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch, giúp điều trị huyết áp, chống béo phì, bảo vệ xương, da, mắt, tóc, móng tay, chống viêm, hỗ trợ điều trị hen suyễn, cải thiện tâm trạng, chống trầm cảm, tốt cho phụ nữ mang thai, có lợi cho hệ thần kinh, ngăn ngừa rối loạn tâm thần, tăng cường trí nhớ, hiệu quả làm việc và đặc biệt chống lại bệnh tiểu đường type 2, tăng cường hệ miễn dịch và giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh ung thư. Trong khi đó, theo số liệu báo cáo tại các hội thảo khoa học thì thực trạng bệnh ung thư ở Việt Nam rất đáng lo ngại vì mỗi năm phát hiện mới hơn 110.000 cas/năm) và 2/3 số đó bị cướp đi mạng sống (hơn 80.000 trường hợp/năm).

Giờ đây, giải pháp đơn giản để ngăn ngừa ung thư là người Việt Nam chỉ cần thường xuyên bổ sung EPA và DHA vào cơ thể qua bữa ăn hàng ngày bằng phương pháp chiên xào bình thường bởi dầu cá cao cấp Ranee giàu Omega-3. Hơn thế nữa, trong bối cảnh một số quốc gia đang mất kiểm soát về an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực dầu ăn thì sự xuất hiện của dầu cá cao cấp Ranee như một tương lai đầy hứa hẹn cho người tiêu dùng.



Việc sở hữu loài cá tra basa độc tôn cũng như sự ra đời của nhà máy tinh luyện mỡ cá thành dầu ăn cao cấp Raneer đầu tiên trên thế giới đã khẳng định những giá trị mới mà Công ty IDI mang lại, không những đem đến cho người tiêu dùng một loại dầu ăn bổ dưỡng mà còn làm phong phú thêm nguồn cung Omega 3 EPA, DHA cho thế giới.

**DẦU ĐẶC (STEARIN):** Là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:



**B1. Cảm quan.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Trắng ngà (0.3R/1.7Y)
2	Mùi	Đễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Đặc, sệt

**B2. Vi sinh vật.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	$\leq 10$
3	E.Coli	$\leq 03$
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

**B3. Đặc tính hóa lý.**

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ )	$44^{\circ}\text{C}$
2	Điểm mờ ( $^{\circ}\text{C}$ )	
3	FFA (%)	$\leq 0.16$
4	IV (wijs)	$\geq 57$
5	PV (meq $\text{O}_2$ )	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	$\leq 2.62$
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện



**B4. Thành phần hóa học.**

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	4.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	35.3
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.0
8	C17:0 (Margaric)	0.4
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	10.5
11	C18:1t (Petroselenic)	0.8
12	C18:1c (Oleic)	33.8
13	C18:2t (Linoleic)	0.4
14	C18:2c (Linoleic)	10.1
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.3
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	0.9
19	C22:0 (Beheric)	0.1
20	C22:1 (Cetoleic)	0.5
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.4
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.2
23	C20:5 (EPA)	0.0
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.0
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.1
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.0
27	C22:6 (DHA)	0.1
28	b-Caroten (ppm)	0.85
SFA (%)		≤ 50
MUFA (%)		≥ 38
PUFA (%)		≥ 12

**B5. Công dụng:**

Dầu đặc thu được sau tinh luyện có màu trắng đẹp, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 44<sup>0</sup>C, có thể được sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như: mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên, trái cây chiên đóng gói, . . . Ngoài ra, stearin là nguyên liệu chủ yếu và quan trọng nhất để chế biến shortening và margarine - sản phẩm sử dụng phổ biến trong công nghiệp thực phẩm, bánh kẹo.

Với công nghệ thiết bị hiện đại của Châu Âu, hoàn toàn tự động đã cho ra sản phẩm hoàn hảo và chính thức được bán trên thị trường trong nước tháng 12 năm 2014. Bộ phận kinh doanh của chúng ta cũng đã tìm các đối tác lớn từ trong cũng như ngoài nước để xúc tiến trong việc bán hàng và kết quả nhận được cũng rất ấn tượng. Từ những yếu tố như trên Công ty cố gắng đưa nhà máy lên hoạt động 100% công suất và đã nâng công suất lên 220 tấn nguyên liệu/ngày trong năm 2017.







### 3.1.6 Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản:

Hiện tại trong chuỗi sản xuất thủy sản của IDI gồm 2 nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu và đang chuẩn bị đầu tư thêm 1 nhà máy mới, 1 nhà máy chế biến phụ phẩm và đang tiếp tục được mở rộng nâng công suất lên gần 600 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy tinh luyện dầu ăn với công suất 220 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất 378.000 tấn/năm. Với số lượng và nhu cầu của các nhà máy này, hàng năm trong chuỗi cần mua hàng trăm tỷ đồng bao bì các loại. Chính vì nhu cầu này mà để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, tiết kiệm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Ban điều hành đã trình HĐQT về kế hoạch đầu tư dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu trên cũng như cung cấp bao bì các loại cho cả thị trường ở khu vực ĐBSCL. Với định hướng đầu tư dự án hiện đại, tự động hóa nhằm kiểm soát giá thành tốt nhằm giảm giá thành sản



phẩm của Công ty tăng tính cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành. Tổng giá trị của dự án đầu tư dự kiến khoảng 200 tỷ đồng, với quỹ đất sẵn có thì dự án có thể được khởi công trong Quý III/2019 và dự kiến hoàn thành trong năm 2020. Khi dự án hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại cũng góp phần nâng doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty lên đáng kể, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa và đầu tư quỹ bất động sản theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Trung Quốc, . . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Trung Đông, Ấn Độ, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Châu Phi, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam đối với sản phẩm cá tra, và cả đầu cá.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tăng giảm so với năm 2017		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	5.331.879	6.858.750	6.342.706	1.010.827	18,96%	-516.044	-7,52%
Tổng lợi nhuận sau thuế	342.892	580.026	643.813	300.921	87,76%	63.787	10,99%

➤ Doanh thu thuần năm 2018 so với năm 2017 tăng 1.010 tỷ đồng tương ứng với 18,96%. Nguyên nhân là do trong năm 2018 công ty chúng ta phát triển thị trường mới rất tốt, đặc biệt là thị trường Trung Quốc với dân số lớn nhất thế giới... Bên cạnh đó là tiếp tục giữ vững và phát triển các thị trường truyền thống từ đó làm cho việc bán hàng của chúng ta thuận lợi hơn. Ngoài ra do trong năm vừa qua chúng ta bổ sung thêm sản phẩm mới đến với người nuôi cá đó chính là thức ăn thủy sản với doanh số hơn 1.000 tỷ đồng đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu của Công ty lên đáng kể. Các thị trường xuất khẩu về bột cá và tình hình kinh doanh của Công ty Trisedco có nhiều khởi sắc cũng là một trong những nhân tố làm nên sự cộng hưởng đẩy doanh số tăng so với năm 2017 gần 19%. Như vậy hầu hết doanh thu trong năm đều đến từ việc kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thủy sản là chủ yếu và chúng ta đang thực hiện việc cơ cấu ngành giữa các Công ty trong Tập Đoàn theo đúng kế hoạch đề ra.

➤ So với kế hoạch năm 2018 thì doanh thu chúng ta gần đạt 92,48% kế hoạch đề ra. So với các công ty cùng ngành thì tốc độ tăng trưởng bình quân qua các năm cho thấy tốc độ tăng trưởng của Công ty chúng ta khá tốt và tương đối nhanh, ổn định so với các công ty cùng ngành. Với tốc độ này trong năm 2019 có thể chúng ta sẽ vươn lên nằm trong top đầu các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu cá tra Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định kể cả ở những năm được xem là rất khó khăn trong việc xuất khẩu cá Tra, đã cho chúng ta thấy được khả năng điều hành tuyệt vời của Ban giám đốc Công ty trong thời gian qua. Từ đó làm cơ sở để Hội đồng quản trị cũng như Quý cổ đông tin tưởng vào sự điều hành để phát triển trong tương lai.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng 301 tỷ đồng so với năm 2017 tương ứng tăng 87,76%. Kết quả này là rất ấn tượng, nó cho thấy một nỗ lực rất lớn của Ban giám đốc trong năm 2018, được xem là năm vẫn còn đan xen giữa những thuận lợi và khó khăn cho lĩnh vực cá tra khi mà nguồn nguyên liệu khan hiếm và các rào cản nhập khẩu cá tra của Mỹ và Châu Âu. Nguyên nhân của kết quả trên so với kế hoạch là do trong năm 2018 vừa qua có nhiều doanh nghiệp thủy sản lớn tiếp tục gặp khủng hoảng cho thấy một năm đầy khó khăn và các doanh nghiệp không đủ sức khỏe, tài chính không tốt kết hợp chưa có tư duy tự chủ về nguồn nguyên liệu, nên các doanh nghiệp này đã không có đủ nguyên liệu đưa vào sản xuất khiến một số nhà máy giảm mạnh sản xuất.

Trong khi đó, Công ty IDI với nguồn nguyên liệu tự chủ lên đến 90% nguyên liệu cần cung cấp cho KHSXKD năm 2018, thì nhà máy số 1 và nhà máy số 2 đã hoạt động gần như là hết công suất tổng 450tấn/12h/ngày, đỉnh điểm là Công ty phải thuê gia công tại một số nhà máy lân cận Công ty để đáp ứng các đơn hàng của Khách hàng trong năm 2018.

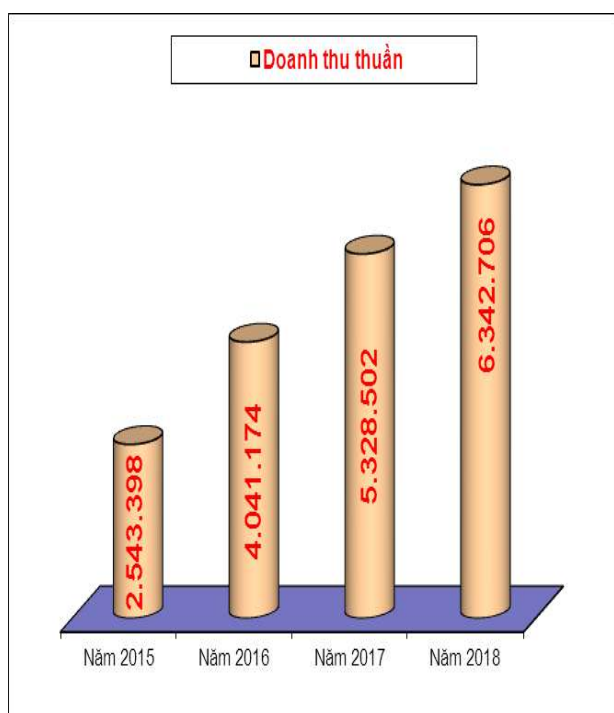
Năm 2018 này nguồn tín dụng ngân hàng vẫn mở tuy nhiên việc tiếp cận vốn cũng không dễ dàng gì do hầu hết các Ngân hàng vẫn không chịu rủi ro và còn nhiều thận trọng



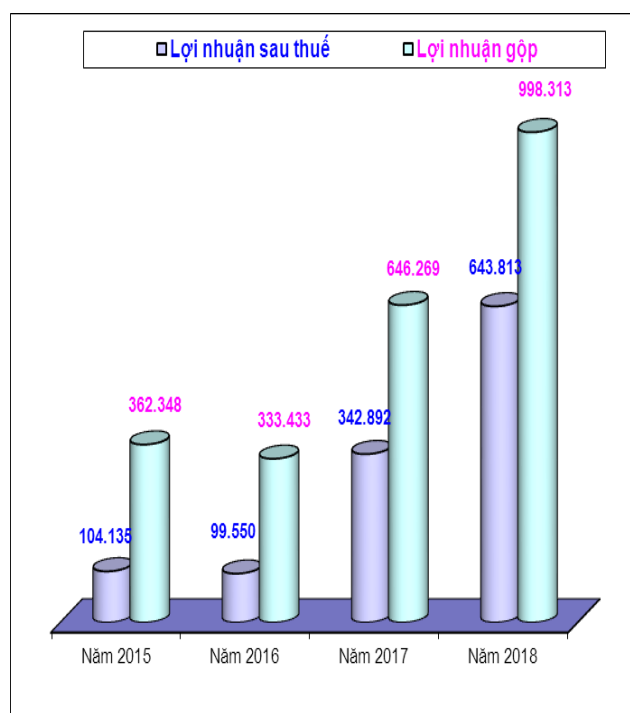
trong việc tiếp cận với doanh nghiệp khiến một số doanh nghiệp không đủ điều kiện sẽ bị loại khỏi cuộc chơi và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có sức khỏe tốt sẽ tiếp cận với các khách hàng mới và kết quả là đẩy một lượng khách hàng truyền thống của họ sang những doanh nghiệp khỏe mạnh và biểu hiện là khách hàng của IDI chúng ta tăng lên trong năm 2018 và những tháng đầu năm 2019 là tăng tương đối nhiều. Không những thế năm 2019 này việc biến động bất thường về nguyên liệu vẫn sẽ là bài toán nan giải cho các doanh nghiệp chế biến bởi vì việc tiếp cận vốn của nông dân nuôi cá cũng như của một số doanh nghiệp yếu kém không dễ dàng chút nào, trong khi việc thiếu hụt con giống trong những năm vừa qua cũng là một bài toán khó mà không dễ để doanh nghiệp nào cũng khắc phục được. Trước tình hình đó, nhận định được tình hình cũng như để ổn định sản xuất nên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc công ty tiến hành đầu tư mạnh vào việc nuôi liên kết với nông dân. Trong năm 2019 về cơ bản IDI chúng ta tự chủ động được khoảng 95% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy với giá cả bình quân dự kiến khoảng 23.500 đồng/kg. Việc thiếu hụt cá nguyên liệu sẽ đẩy giá cá nguyên liệu lên và điều không thể khác là các doanh nghiệp sẽ điều chỉnh giá xuất khẩu tăng theo, IDI cũng không ngoại lệ trong khi giá thành của chúng ta tốt thì năm 2019 này chắc chắn biên lợi nhuận của chúng ta sẽ còn được cải thiện nhiều hơn so với năm 2018.

Tóm tắt một số chỉ tiêu kinh doanh của IDI qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	2.543.398	4.041.174	5.328.502	6.342.706
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	109.993	100.331	362.059	721.847
Lợi nhuận trước thuế	120.704	105.575	361.333	717.894
Lợi nhuận sau thuế	104.135	99.550	342.892	643.813
Lợi nhuận gộp	362.348	333.433	646.269	998.313



Tăng trưởng doanh thu (Đvt: triệu đồng)

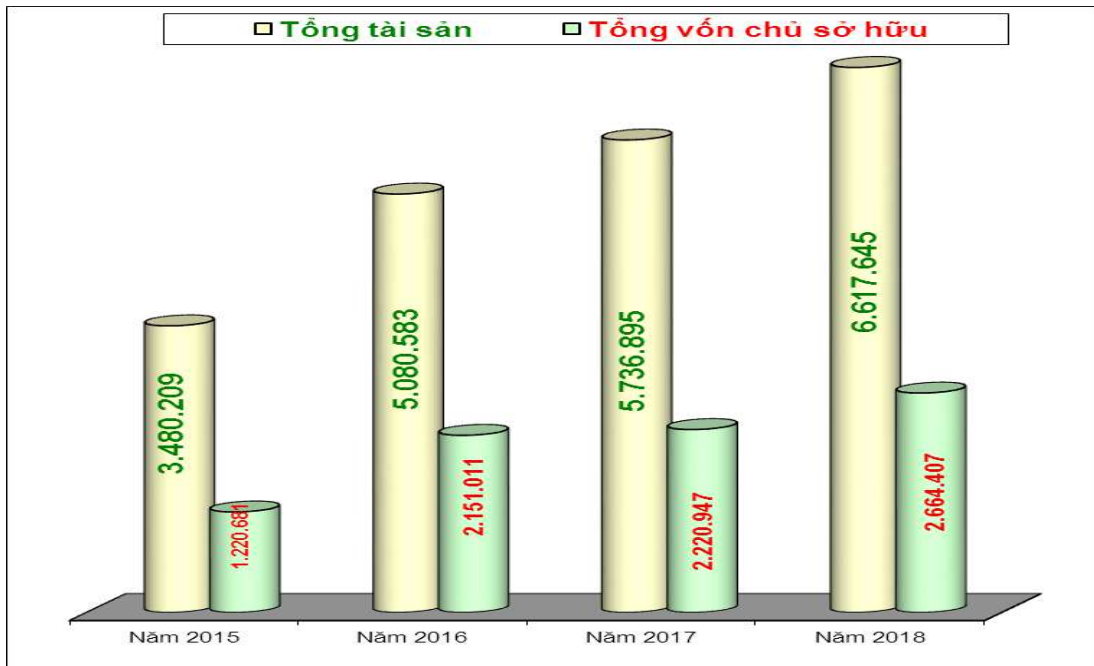


Tăng trưởng lợi nhuận (Đvt: triệu đồng)



Tóm tắt tình hình tài chính của IDI qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng tài sản	3.480.209	5.080.583	5.736.895	6.617.645
Tổng vốn chủ sở hữu	1.220.681	2.151.011	2.220.947	2.664.407
Nợ ngắn hạn	1.916.484	2.355.358	2.911.803	3.416.607
Nợ dài hạn	343.045	574.213	604.144	536.630



Tình hình tài sản (Đvt: triệu đồng)



\* Kế hoạch cũng như định hướng đầu tư sắp tới như sau: Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản cụ thể như sau:

- Nhanh chóng tiến hành đầu tư nhà máy bao bì. Dự kiến với quỹ đất sẵn có, chúng ta sẽ khởi công dự án này trong giai đoạn Quý II năm 2019. Khi nhà máy bao bì hoàn thành thì chúng ta cũng không phải đi mua mỗi năm hàng trăm tỷ đồng bao bì cho việc chế biến cá tra fillet xuất khẩu và việc chế biến dầu ăn, bao bì cho thức ăn thủy sản, bột cá... Và con số trên cũng sẽ lớn dần sau mỗi năm theo sự phát triển của công ty.

- Bên cạnh việc kho lạnh số 3 hoàn thành trong Quý IV/2018, được xây dựng bằng nguồn vốn tự có, với sức chứa thiết kế là 10.000 tấn để giảm chi phí thường xuyên phải thuê lưu kho, đồng thời để đáp ứng nhu cầu tăng cao của khách hàng, do công suất tối đa của nhà máy chế biến thủy sản số 1 và số 2 không đáp ứng đủ số lượng lớn đơn đặt hàng của khách hàng năm 2018 vì vậy chúng ta sẽ sớm đầu tư nhà máy thủy sản số 3. Khi nhà máy chế biến thủy sản số 3 hoàn thành sẽ đáp ứng các nhu cầu trên cũng như kế hoạch phát triển bền vững và lâu dài trong những năm tiếp theo.

- Xây dựng trung tâm giống chất lượng cao và hiện đại, với đội ngũ chuyên gia nghiên cứu có thể ứng dụng công nghệ sinh học phát triển những gen tốt để cho ra cá tra giống tốt. Mục tiêu cụ thể là sản phẩm cá tra giống sẽ cho chất lượng thịt tốt hơn, tỷ lệ thịt cao hơn và thời gian nuôi ngắn hơn, sức đề kháng tốt hơn... để cung cấp giống cho vùng nuôi cá của công ty góp phần hạ giá thành trong việc nuôi cá và đây sẽ là chìa khóa mới cho Công ty để bước vào giai đoạn phát triển mới.

- Trong 2 năm tới chúng ta phải có vùng nuôi tập trung khoảng 450 hecta đáp ứng đủ các yêu cầu khắt khe về nuôi cá và đạt tiêu chuẩn và sẵn sàng xuất đi được các nước khó tính như: Mỹ, Nhật,... Việc Công ty có thể phát triển tốt và bền vững hay không thì yếu tố này cũng không thể thiếu khi bước vào giai đoạn mới.

- Dự án khu liên hợp công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI: Với vị trí địa lý là trung tâm của vùng ĐBSCL nhưng hiện tại chưa có cảng xuất nhập khẩu nào hoạt động hiệu quả và khai thác được tiềm năng này của vùng. Hầu hết việc xuất hàng đi nước ngoài của vùng phải vận chuyển hàng lên Cảng Sài Gòn, Cảng Cát Lái tốn kém chi phí vận chuyển.... Vì thế Công ty cũng đang xúc tiến các thủ tục cũng như thu xếp nguồn vốn, tìm đối tác để sớm triển khai dự án này song song với việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng theo chủ trương của Chính Phủ.



## II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Ngày 28/11/2018 Công ty chi trả cổ tức còn lại năm 2017 là: 9% cổ tức bằng cổ phiếu. Làm tăng vốn điều lệ từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 17/12/2018, Công ty đã thực hiện báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

- Ngày 28/11/2018 Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt là: 11%/mệnh giá.

## III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

### \* Triển vọng kinh tế vĩ mô thế giới:

Theo dự báo của IMF (Tổ chức quốc tế giám sát hệ thống tài chính toàn cầu), tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 chỉ ở mức 3,5% so với mức 3,7% của năm 2018. Trừ Mỹ, các nền kinh tế lớn còn lại đều tiếp tục giảm tăng trưởng khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm sút trong năm 2019. Nguyên nhân của tình trạng này là do sự mất đà tăng trưởng của các nền kinh tế lớn ngay từ năm 2018, kéo dài sang năm 2019.

Sở dĩ kinh tế thế giới đang có dấu hiệu suy giảm là do tác động từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung, sự bế tắc của tiến trình Brexit, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ... Tất cả những điều này khiến các nền kinh tế chủ chốt mất đà tăng trưởng, trừ Mỹ. Cụ thể, trong khi kinh tế Mỹ tăng trưởng liên tục trong 4 quý của năm 2018 (2,5% quý I; 2,6% quý II, 2,9% quý III và 3% trong quý IV), thì EU lại suy giảm tăng trưởng. Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của EU liên tục giảm từ mức đỉnh 2,8% trong quý III/2017 xuống còn 1,6% trong quý III/2018.

Một lý do cơ bản là do tăng trưởng của Đức- nền kinh tế lớn nhất khu vực suy yếu đáng kể khi tăng trưởng quý III/2018 chỉ đạt 1,1% so với mức 2,1% và 2% trong hai quý trước đó. Sự sụt giảm tăng trưởng của Đức được cho là bắt nguồn từ căng thẳng thương mại với Mỹ và bất ổn từ Brexit.

Pháp là nền kinh tế lớn thứ hai của EU cũng không khá hơn khi GDP giảm liên tục trong năm 2018, chỉ số PMI công nghiệp chế tạo cũng giảm liên tục trong năm 2018 và chỉ còn 49 điểm trong tháng 12/2018. Trong khi nền kinh tế đang chịu nhiều bất ổn do các cuộc biểu tình lớn trong cả nước Pháp.

Cùng với EU, Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng nhiều từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, vì liên quan nhiều về chuỗi sản xuất với Trung Quốc, rồi bán sản phẩm sang Mỹ. Các doanh nghiệp Nhật hiện khá bi quan cho năm 2019 khi lo ngại rằng lợi nhuận sẽ bị giảm hơn nữa do sản xuất chuỗi của Nhật bị ảnh hưởng lớn hơn trong năm 2019.

Trương tự tại Trung Quốc, tình hình kinh tế cũng rất đáng lo ngại vì tốc độ tăng trưởng GDP giảm liên tục từ mức 6,8% quý I/2018 xuống còn 6,4% trong quý IV/2018, thấp nhất kể từ sau khủng hoảng 2008.

Dù không có chiến tranh thương mại với Mỹ thì tăng trưởng ở Trung Quốc cũng sẽ gặp vấn đề do nợ công đã lên tới 260% GDP, tình trạng dân số già nhanh, năng suất lao động giảm, bất động sản (BDS) dư thừa và bong bóng.

Tất cả những điều nói trên đã và đang đặt ra những thách thức to lớn cho giới lãnh đạo Trung Quốc trong năm 2019. Một mặt, ở trong nước, Trung Quốc cần phải có những kích thích kinh tế nhất định, nhưng vẫn phải lo đối phó với tình trạng nợ nần, tình trạng bong bóng BDS... như đề cập ở trên là điều không hề dễ. Mặt khác, về đối ngoại, cần phải nhượng bộ thể nào với Mỹ trong khi vẫn phải cố đạt được sự ổn định thương mại và tiến bộ công nghệ để có thể hiện đại hóa cơ cấu kinh tế cũng hết sức khó khăn. Những thách thức này, nếu không được xử lý đúng, rất có thể gây ra những bất ổn lớn cho Trung Quốc và cho cả kinh tế thế giới.



IMF cho rằng các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển châu Á sẽ giảm sút tăng trưởng nhẹ từ mức 6,5% năm 2018 xuống mức 6,3% năm 2019 và tăng lên 6,4% năm 2020. Trong khi đó, các nước nhóm này ở Mỹ Latinh lại có tăng trưởng tốt trong năm 2019 với mức tăng trưởng 2%, so với mức chỉ 1,1% năm 2018. Trái lại, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở châu Âu lại suy giảm mạnh với mức tăng trưởng chỉ vào khoảng 0,7% trong năm 2019, so với mức 3,8% trong năm 2018. Còn các nền kinh tế nhóm này ở Trung Đông vẫn duy trì tăng trưởng khá yếu là 2,4% như trong năm 2018.

Với quy mô lớn hơn, tầm quan trọng lớn hơn, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở châu Á và Mỹ Latinh sẽ trở lại vị trí dẫn dắt tăng trưởng của kinh tế thế giới kể từ 2019.

#### **\* Triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước:**

Năm 2018 là năm thành công toàn diện của kinh tế Việt Nam, khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra; bên cạnh đó là nhiều con số tăng trưởng kỷ lục đáng chú ý.

Tăng trưởng GDP trong năm 2018 đạt mức kỷ lục 7,08%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Kể từ năm 2008, sau khi Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tăng trưởng GDP của Việt Nam mới lại chạm ngưỡng 7%, cho thấy nền kinh tế đã từng bước hồi phục vững chắc hơn.

Đặc biệt, con số 7,08% của tăng trưởng GDP cao hơn mục tiêu 6,7% Quốc hội đã đề ra và cũng cao hơn mọi dự báo. Trước đó, nhiều dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín trong năm 2018 đã tin tưởng vào thành công của chúng ta và có những dự báo tích cực đối với Việt Nam.

Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP cả năm nay là 6,8%; Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tiếp tục dự báo khoảng 6,9%...

Tuy nhiên trong bối cảnh trong nước và thế giới nhiều biến động, thử thách, các chuyên gia, tổ chức quốc tế đã có những lo lắng cho việc đảm bảo mức tăng trưởng dự báo của Việt Nam. Nhưng, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP ở mức cao với con số 7,08%, vượt qua cả các dự báo. Điều đáng ghi nhận là, dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo mục tiêu kiểm soát dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2017... Điều đó cho thấy Chính phủ không chỉ tập trung cho con số tăng trưởng mà còn chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Đáng chú ý nữa là, kim ngạch xuất nhập khẩu thiết lập kỷ lục mới, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả năm đạt trên 482,23 tỷ USD.

Đặc biệt, lần đầu tiên, Việt Nam đạt mức xuất siêu trên 7 tỷ USD. Đây là con số mà trước nay Việt Nam chưa bao giờ đạt được. Như vậy, Việt Nam đã có 3 năm liên tục xuất siêu với con số năm sau luôn cao hơn năm trước, là kết quả ấn tượng so với mục tiêu cân bằng cán cân thương mại đặt ra cho năm 2020. Xuất siêu lớn không chỉ góp phần quan trọng gia tăng dự trữ ngoại hối của Việt Nam, mà còn góp phần ổn định tỷ giá hối đoái.

#### **Những thuận lợi**

Năm 2019 là năm được đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để chuẩn bị các điều kiện cần tốt nhất cho việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, do đó sẽ có nhiều yếu tố tích cực tác động đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là từ phía chính sách. Các yếu tố thuận lợi cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế thế giới mặc dù được dự báo suy giảm nhưng vẫn ở mức tăng khá cao so với giai đoạn trước. Kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở châu Á và Mỹ Latinh sẽ trở lại vị trí dẫn dắt tăng trưởng của kinh tế thế giới. Trong khi các nền kinh tế lớn (trừ Mỹ) sẽ ổn định hoặc giảm nhẹ. Tổ chức quốc tế giám sát hệ thống tài chính toàn cầu (IMF) đưa ra dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 đạt 3,5%, thấp hơn so với mức 3,7% của năm 2018.





Thứ hai, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và các đối tác. Việc tham gia vào các hiệp định CPTPP và EVFTA sẽ mang lại tác động tích cực tới kinh tế Việt Nam trong năm 2019. Theo đánh giá của Trung tâm, CPTPP sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 1,32%, tương đương với 1,7 tỷ USD. Tác động này có thể sẽ lớn hơn nếu Việt Nam thực hiện đồng thời cắt giảm thuế quan và tự do hóa dịch vụ theo kịch bản mở cửa dịch vụ (2,01%).

Thứ ba, kết quả tăng trưởng khả quan trong năm 2018 là điều kiện thuận lợi, tạo đà cho tăng trưởng năm 2019.

Thứ tư, kinh tế vĩ mô về cơ bản vẫn được đảm bảo, lạm phát được dự báo trong tầm kiểm soát, thanh khoản hệ thống ngân hàng được duy trì tốt, dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức cao là căn cứ để đảm bảo tỷ giá và lãi suất không có biến động quá lớn là điều kiện thuận lợi ổn định kinh tế vĩ mô giúp cho tăng trưởng kinh tế 2019.

Thứ năm, môi trường kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ hơn khi Việt Nam buộc phải thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP về cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời Chính phủ cũng đang nỗ lực “kiến tạo” để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát triển.

Ngoài những nhân tố thuận lợi trên, động lực tăng trưởng năm 2019 tiếp tục được duy trì bởi khu vực FDI (thông qua đóng góp trong xuất khẩu và công nghiệp chế biến, chế tạo) và khu vực tư nhân khi các yếu tố hỗ trợ khu vực này đã và đang được triển khai đồng bộ và mạnh mẽ hơn (với nỗ lực Chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh lên mức trung bình khu vực và đưa khu vực tư nhân làm động lực mới cho tăng trưởng). Nếu xét từ các ngành sản xuất, tăng trưởng kinh tế 2019 vẫn sẽ được dẫn dắt bởi ngành dịch vụ và sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo.

Xét theo các yếu tố phía cầu, tăng trưởng kinh tế 2019 có xu hướng được thúc đẩy bởi mức tăng mạnh của cầu tiêu dùng với niềm tin tiêu dùng được cải thiện do tăng thu nhập của người dân và lạm phát được duy trì ở mức thấp và ổn định và tăng trưởng xuất khẩu được hỗ trợ với việc thực hiện các hiệp định thương mại, tổng đầu tư toàn xã hội có thể được duy trì như những năm vừa qua với sự đóng góp nhiều hơn từ FDI và khu vực tư nhân.

### **Khó khăn và thách thức**

Mặc dù có nhiều yếu tố tích cực hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế năm 2019, nhưng nền kinh tế cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như:

Thứ nhất, kinh tế có thể bị tác động tiêu cực từ các biến động của kinh tế thế giới, trong đó nổi bật là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

Thứ hai, mô hình tăng trưởng mặc dù có sự cải thiện song chưa rõ rệt, tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào các nguồn lực như vốn đầu tư và tín dụng, trong khi chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực này chưa cao.

Thứ ba, chất lượng lao động chưa được cải thiện cùng năng lực khoa học - công nghệ ở mức thấp có thể ảnh hưởng tới lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế và khả năng thu hút các dòng vốn tới Việt Nam.

Thứ tư, công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành đã có tăng trưởng ấn tượng trong thời gian qua nhưng đang có xu hướng tăng chậm lại.

Thứ năm, xuất khẩu đối mặt với nhiều khó khăn khi mà các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều đối tác lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Thứ sáu, giá của các nhóm hàng y tế, giáo dục, điện, nước đã được chính phủ sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng làm tăng chi phí sản xuất và tiêu dùng, từ đó làm giảm sức mua trong nước, đồng thời gây áp lực gia tăng lạm phát.

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế 2018, cũng như xem xét triển vọng phát triển của các ngành, lĩnh vực, các nhân tố có thể tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2019, Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội quốc gia đưa hai kịch bản dự báo được xây dựng dựa trên các giả định về sự thay đổi của các biến số bao gồm: tăng trưởng kinh tế giới; chỉ số giá tiêu dùng thế giới; giá dầu thế giới; một số đánh giá tác động của chiến tranh



thương mại Mỹ - Trung; tỷ lệ đầu tư/GDP; tốc độ tăng lực lượng lao động và biến động tỷ giá, biến động lãi suất; tăng trưởng tín dụng; nợ công. Theo đó, dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam 2019 sẽ dao động trong khoảng 6,9%-7,2%.

### **\* Triển vọng ngành cá tra fillet xuất khẩu:**

Theo Hiệp hội cá tra Việt Nam (VASEP), năm 2018, xuất khẩu cá tra đạt hơn 2,3 tỉ USD. Trong đó, Mỹ vượt qua Trung Quốc, trở lại là thị trường dẫn đầu trong nhập khẩu cá tra từ Việt Nam - đạt giá trị hơn 525 triệu USD, tăng 57,7% so với năm 2017. Thị trường Trung Quốc tụt xuống vị trí thứ hai với kim ngạch hơn 505 triệu USD, tăng 28,9%. Đứng thứ ba là EU, đạt hơn 231 triệu USD, tăng 19,1%; ASEAN đạt hơn 194 triệu USD, tăng 43,1%.

Năm 2018, diện tích nuôi cá tra của Việt Nam trong năm 2018 đạt 5.400 ha, tăng 3,3% so với năm 2017, sản lượng thu được 1,42 triệu tấn, tăng 8,4%. Giá cá dao động ở mức từ 28.500-36.500 đồng/kg, hiện nay giá cá dao động ở mức 30.000 đồng/kg. Với sản lượng này, chưa đủ cung ứng cho hoạt động, chế biến xuất khẩu của các doanh nghiệp cá tra Việt Nam trong năm 2018. Thế nhưng, các địa phương sản xuất cá tra của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long phải thận trọng trong quy hoạch tăng diện tích sản xuất cá tra.

Năm 2019, mục tiêu xuất khẩu cá tra được đặt ra là 2,4 tỷ USD. Để đạt được kết quả này, diện tích nuôi cá tra trong năm tới dự kiến tăng lên 5,5 triệu ha với sản lượng ước đạt gần 1,47 triệu tấn.

### **Vấn đề quy hoạch và liên kết**

ĐBSCL là vùng nuôi cá tra chính của nước ta. Trước đây, có 10 tỉnh thả nuôi cá tra, nhưng hiện nay, theo Hiệp hội Cá tra Việt Nam, một số địa phương đã thu hẹp hoặc không còn nuôi cá tra nữa. Chẳng hạn, tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Long giảm diện tích và sản lượng nuôi, tỉnh Kiên Giang hoàn toàn không còn nuôi, trong khi một số địa phương khác lại tăng diện tích và sản lượng. Một số địa phương nuôi cá tra chủ lực như Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp đã ban hành quy hoạch vùng nuôi, một số địa phương khác cũng bước đầu hoàn thiện công tác rà soát quy hoạch vùng nuôi, góp phần định hình bản đồ quy hoạch vùng nuôi cá tra của cả nước, giúp nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất của chính phủ đối với hoạt động nuôi cá tra.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến cá tra cũng đã dần hình thành vùng nuôi nguyên liệu tự chủ, đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật nguyên liệu cũng như ổn định nguyên liệu đầu vào phục vụ cho chế biến xuất khẩu, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm của các thị trường xuất khẩu khó tính, nâng cao chất lượng và giá thành của sản phẩm cá tra của Việt Nam.

Ngược lại, trước đây nông dân nuôi cá tra tương đối dè dặt trong việc thả nuôi cá tra. Sau những khó khăn liên tiếp từ vài năm gần đây, người nuôi cá tra rơi vào cảnh cạn kiệt nguồn lực hoặc khá thận trọng trước quyết định thả nuôi vụ mới. Do đó, dù giá nguyên liệu đang tăng cao, song nhiều người nuôi vẫn không mặn mà thả giống vụ mới do lo ngại không biết giá còn duy trì được cho đến khi thu hoạch vụ mới hay lại rơi vào cảnh “được mùa mất giá”. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng trên là do khả năng liên kết giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến còn kém. Chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và người nuôi chưa nhiều, chưa chặt chẽ, nhiều hộ còn gặp khó khăn trong việc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp chế biến. Nguyên nhân đến từ cả 2 phía, doanh nghiệp và hộ nuôi. Có trường hợp doanh nghiệp không tái đầu tư cho người nuôi vụ kế tiếp, song cũng có trường hợp hộ nuôi tự ý phá hợp đồng, bán sản phẩm ra bên ngoài khi thấy được giá dẫn đến tình trạng trên.

Con giống cũng là vấn đề cần được tháo gỡ ngay nếu muốn đạt được mục tiêu đề ra cho ngành cá tra năm 2019. Hiện nay, cá tra giống đang đối mặt với nhiều bệnh như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mù... xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng..., hoặc



bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe...), giáp xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng cho cá không cân đối đã gây ra hội chứng thiếu vitamin, thiếu canxi; môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm... Cùng với đó, các nhà khoa học cũng chỉ ra vấn đề tồn tại hiện nay của các cơ sở ương nuôi cá tra giống, đó là tỷ lệ sống trong quá trình ương nuôi cá tra giống đang giảm. Minh chứng cho vấn đề này là sản lượng cá bột tăng nhưng cá giống không tăng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trước hết là do mật độ ương quá cao nên thức ăn tự nhiên ban đầu cho cá bột không đủ, môi trường ao ương không đảm bảo.

### Tháo gỡ khó khăn

Có thể nói tình hình quy hoạch nuôi chắc chắn sẽ được cải thiện sau khi các địa phương hoàn thành quy hoạch vùng nuôi, từ đó chấn chỉnh dần hoạt động thả nuôi của người dân, không để tái diễn hiện tượng tự phát, mạnh ai nấy làm như thời gian vừa qua. Tuy nhiên, Chính Phủ vẫn cần phải tăng cường hơn nữa liên kết giữa người nuôi và doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp và người nuôi hợp tác hiệu quả, bền vững để đạt mục tiêu cùng có lợi.

Đối với vấn đề con giống và vật tư, cơ quan quản lý nhà nước cần có thêm các chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống cá tra mở rộng quy mô, giúp các doanh nghiệp tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật để nâng cao chất lượng con giống, kiểm tra, kiểm soát chất lượng con giống chặt chẽ hơn. Cần phải hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương giống, nâng cao năng lực quản lý, cần có sự hỗ trợ tích cực từ ngành chức năng và sự liên kết giữa nông dân và nhà khoa học. Các nhà cung cấp thức ăn, thuốc thú y thủy sản cũng cần liên kết chặt hơn với doanh nghiệp chế biến và người nuôi cá để phân phối lợi nhuận hợp lý và chia sẻ rủi ro trong chuỗi sản xuất.



Sao Mai hợp tác với Hiệp hội cá giống tỉnh An Giang



Về thị trường tiêu thụ, hiện nay Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 cho mặt hàng cá tra của Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhận định của Hiệp hội Cá tra, tuy đang có mức tăng trưởng khá cao, song Trung Quốc vẫn luôn được đánh giá là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Không chỉ rủi ro trong hoạt động mua bán, thị trường Trung Quốc cũng ngày càng khó tính về chất lượng sản phẩm. Hiện thị trường Trung Quốc đã bắt đầu xiết chặt các quy định về quản lý chất lượng cá tra nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp cũng cần chú ý điều này. Cần đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm cá tra xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng cao. Theo nhận định của ngành hải quan, cá tra năm 2018 xuất khẩu với 35 loại sản phẩm, tuy nhiên, chủ yếu vẫn là cá tra đông lạnh, chiếm đến 99,2% kim ngạch; còn lại tỷ lệ quá nhỏ cá tra chế biến (cá tra tẩm gia vị, cá tra tẩm bột, cá tra cuộn hoa hồng và cá tra xiên que...). Một nghiên cứu của các chuyên gia ở Khoa Công nghệ thực phẩm (Trường ĐH Nông lâm TPHCM) cho biết, thịt phi lê chỉ chiếm khoảng 36% trọng lượng con cá. Còn lại 64% trọng lượng con cá thường được gọi là phụ phẩm, thậm chí là phế phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, chưa được quan tâm chế biến thành sản phẩm có chất lượng. Với sản lượng cá tra một năm trên 1 triệu tấn, tiềm năng chưa được khai thác còn rất lớn.

Để làm được điều này, các doanh nghiệp chế biến cần đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm theo hướng bền vững, gia tăng giá trị cho các sản phẩm chế biến. Cùng với sự hỗ trợ của Chính Phủ, các doanh nghiệp cũng cần tự nhận thức tầm quan trọng của việc cải tiến công nghệ nếu muốn tiếp tục tồn tại và phát triển trong bối cảnh hiện nay.

**\* Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2019 như sau:**

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh dự án nhà máy bao bì thủy sản, nhà máy chế biến Thủy sản số 3, trung tâm nghiên cứu giống thủy sản nhằm đảm bảo quy trình sản xuất khép kín, giảm giá thành sản phẩm xuất khẩu từ đó tăng sức đề kháng cho sản phẩm của công ty trước các đối thủ cạnh tranh.

+ Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 90-95% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhu cầu nguyên liệu nhà máy.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với xây dựng và phát triển trung tâm giống chất lượng cao.

+ Mở rộng thị trường xuất khẩu Châu Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN các nước SNG, thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài.

+ Xây dựng một thương hiệu mạnh về thức ăn thủy sản đi kèm đó là công tác hợp tác với nông dân trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác cả 2 cùng có lợi.

+ Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Nam Mỹ.

+ Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất.

+ Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng.

+ Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đính kèm báo cáo tài chính)

#### 1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018



Năm 2018, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bùng phát ngay trong nửa đầu năm 2018 làm đảo lộn cục diện kinh tế toàn cầu. Sóng gió trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng tiêu cực đến đà đi lên của kinh tế thế giới.

Xét về tổng thể, kinh tế Trung Quốc rơi vào tình trạng thiếu ổn định rõ rệt trong những tháng cuối năm 2018, các công ty Trung Quốc phải đối mặt với nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Trung Quốc bắt đầu chịu tác động. Doanh số bán lẻ chững lại, nhu cầu nội địa yếu đi, đầu tư sụt giảm, cùng với thị trường chứng khoán lao dốc, đồng Nhân dân tệ chưa có dấu hiệu phục hồi. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc đang có dấu hiệu chậm lại trong khi thuế quan của Mỹ đánh vào hàng xuất khẩu Trung Quốc vẫn còn hiệu lực. Trong năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc ước đạt 6,5%, dự kiến mức tăng trưởng về tiêu thụ và xuất khẩu sẽ giảm, chính quyền Trung Quốc sẽ phải lấy đầu tư vào hạ tầng cơ sở làm động lực phát triển. Trung Quốc sẽ phải giải quyết khó khăn trong nền kinh tế thông qua chính sách truyền thống là chi tiêu công. Đến nay, Trung Quốc đã giảm thuế, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nói lỏng chính sách tiền tệ. Ngày 04/01/2019, Ngân hàng Trung ương



Trung Quốc đã cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và đây là lần thứ 5 kể từ năm 2018, Trung Quốc đưa ra quyết định này.

Về phía Mỹ, hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ vào Trung Quốc giảm mạnh bắt đầu từ tháng 7-2018, sau khi Mỹ áp dụng thuế quan với Trung Quốc. Vấn đề an ninh mạng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp tại Mỹ vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện. Kinh tế Mỹ năm 2018 tăng trưởng là 2,9%, nền kinh tế đầu tàu thế giới, có dấu hiệu giảm tốc ngay trong những tháng cuối năm 2018.

Về phía Việt Nam, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 5,54 triệu tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 244,72 tỷ USD; kim ngạch nhập khẩu là 237,51 tỷ USD. Như vậy, cả nước xuất siêu khoảng 7,2 tỷ USD.

Về phía IDI, Công ty vẫn tiếp tục đà phát triển ổn định và bền vững, khẳng định thương hiệu và vị thế trên thị trường Quốc Tế. Năm 2018 vừa qua, Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:



Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	%	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.331.809.878.938	6.342.706.364.753	1.010.896.485.815	18,96%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.379.439.674	1.492.176.404	(2.887.263.270)	-65,93%	0,08%	0,02%	-0,06%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.327.430.439.264	6.341.214.188.349	1.013.783.749.085	19,03%	99,92%	99,98%	0,06%
4. Giá vốn hàng bán	4.681.161.393.778	5.342.900.722.193	661.739.328.415	14,14%	87,80%	84,24%	-3,56%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.269.045.486	998.313.466.156	352.044.420.670	54,47%	12,12%	15,74%	3,62%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	114.958.876.816	149.333.987.413	34.375.110.597	29,90%	2,16%	2,35%	0,20%
7. Chi phí tài chính	195.477.010.765	198.265.120.105	2.788.109.340	1,43%	3,67%	3,13%	-0,54%
Trong đó: Chi phí lãi vay	178.163.816.583	174.093.020.748	(4.070.795.835)	-2,28%	3,34%	2,74%	-0,60%
8. Chi phí bán hàng	164.216.174.982	175.825.549.268	11.609.374.286	7,07%	3,08%	2,77%	-0,31%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.475.534.127	51.709.947.828	12.234.413.701	30,99%	0,74%	0,82%	0,07%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	362.059.202.428	721.846.836.368	359.787.633.940	99,37%	6,79%	11,38%	4,59%
11. Thu nhập khác	993.411.776	3.131.673.749	2.138.261.973	215,24%	0,02%	0,05%	0,03%
12. Chi phí khác	1.719.034.158	7.084.741.899	5.365.707.741	312,14%	0,03%	0,11%	0,08%
13. Lợi nhuận khác	(725.622.382)	(3.953.068.150)	(3.227.445.768)	444,78%	-0,01%	-0,06%	-0,05%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	361.333.580.046	717.893.768.218	356.560.188.172	98,68%	6,78%	11,32%	4,54%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.417.157.725	74.088.655.259	55.671.497.534	302,28%	0,35%	1,17%	0,82%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.818.355	(8.108.069)	(31.926.424)	-134,04%	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	342.892.603.966	643.813.221.028	300.920.617.062	87,76%	6,43%	10,15%	3,72%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.859	3.465	1.606	86,39%	0,00%	0,00%	0,00%



**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tổng Doanh thu năm 2018 đạt 6.342 tỷ đồng tăng 1.010 tỷ đồng so với năm 2017. Với tốc độ tăng khá nhanh của doanh thu cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng cũng như mở rộng thị trường là hợp lý. Bên cạnh đó là sự chỉ đạo sâu sắc của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành đã cố gắng áp dụng nhiều chính sách linh hoạt trong việc bán hàng. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành nhưng với tốc độ phát triển trên sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng cho một tốc độ tăng trưởng vượt bậc khi năm 2019 kinh tế trong nước và Thế Giới có nhiều điểm sáng thuận lợi.

**Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp:** Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn 14,14 % chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu 18,96%. Nguyên nhân năm 2018 giá cá tra nguyên liệu liên tục tăng có lúc hơn 34.000 đồng/kg, đồng thời giá bán cá tra xuất khẩu tiếp tục tăng. Trong khi đó Công ty chúng ta đã chủ động đầu tư vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nuôi liên kết với diện tích tăng từ 240 hecta lên 300 hecta (thời điểm cuối năm 2018), do đó giá vốn hàng bán tăng chậm hơn doanh thu. Đó cũng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp tăng mạnh và cũng là nguyên nhân chính mà năm 2018 IDI vượt xa kế hoạch lợi nhuận đề ra và so với năm 2017.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính tăng 34,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 29,9% so với năm 2017. Kết quả này do trong năm dòng tiền kinh doanh của Công ty có nhiều thuận lợi nên Công ty có thực hiện gửi tiền có kỳ hạn đã góp phần làm tăng doanh thu hoạt động tài chính. Bên cạnh đó tỷ giá được điều chỉnh tăng khoảng 1,4% so với năm 2017 mà trong năm 2018 tổng doanh số xuất khẩu của IDI đạt 130 triệu USD cũng mang lại một khoản không nhỏ cho doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 2.8 tỷ đồng tương ứng 1,43 % so với năm 2017. Nguyên nhân là Công ty đang mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty cũng đang tăng tốc mở rộng đầu tư để hoàn thiện hàng loạt các dự án như: Dự án nhà máy thủy sản số 3, nhà máy bao bì thủy sản... Chính vì vậy mà chi phí tài chính của Công ty có tăng hơn so với năm 2017.

**Chi phí bán hàng:** Chi phí bán hàng tăng 11,6 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 7,07% so với năm 2017. Với tốc độ tăng của doanh thu 18,96% nhưng chi phí bán hàng tăng với tốc độ 7,07%. Điều này cho thấy hệ thống quản lý kiểm soát tốt khoản mục chi phí này là rất hiệu quả trong năm 2018. Ban giám đốc và bộ phận kinh doanh của Công ty luôn nhận thức rằng trước những khó khăn nhất định thì ngoài việc nắm bắt từng cơ hội cũng phải tiết kiệm từng đồng chi phí. Đây cũng thể hiện được việc tiết kiệm chi phí để mang lại hiệu quả và loại bỏ hoàn toàn các chi phí không cần thiết trong việc bán hàng. Đó là một nỗ lực của bộ phận kinh doanh đã thực hiện được triệt để những chỉ đạo sâu sắc của ban giám đốc góp phần không nhỏ trong việc cải thiện kết quả kinh doanh trong năm 2018.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 39,5 tỷ đồng năm 2017 lên 51,7 tỷ đồng năm 2018, tương ứng tăng 12,2 tỷ đồng so với năm 2017. Nhìn vào kết quả cho thấy Công ty đang mở rộng nhiều dự án cũng như việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng hơn, nên chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát tốt chi phí này cũng như các khoản chi phí khác như là một sự cộng hưởng nhằm đem lại kết quả kinh doanh khả quan hơn và đạt 100% kế hoạch đề ra trong năm 2018.

**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 359,8 tỷ đồng so với năm 2017, tương đương với tốc độ tăng 99,37%. Có được kết quả trên là do Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu thị trường, ổn định và phát triển thị trường truyền thống trên cơ sở chủ động đầu tư được vùng nguyên liệu cho kế hoạch SXKD. Bên cạnh đó với giá xuất khẩu tăng mạnh, đồng thời các phòng ban cũng đồng thuận trong việc tiết kiệm tất cả các chi phí đã mang lại một lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này sẽ khích lệ tinh thần của CBCNV hơn nữa và cũng là động lực phấn đấu cho năm 2019 có kết quả tốt hơn.

**Chi phí thuế TNDN:** Hiện tại công ty đang còn ưu đãi thuế suất cũng như ưu đãi theo địa bàn đầu tư chính, vì thế lợi nhuận 643 tỷ đồng nhưng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có 74 tỷ đồng. Tuy nhiên xét về vị trí địa lý thì IDI chúng ta rất thuận lợi về giao thông cả đường thủy lẫn đường bộ. Việc công ty chúng ta còn được ưu đãi thuế là một ưu thế rất lớn và đây cũng là một phần quyền lợi cho Quý cổ đông.





**1.2 Tình hình tài chính.**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,690	1,199
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)</u> Nợ ngắn hạn	1,484	0,968
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,577	0,596
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,362	1,282
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,905	6,764
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,795	0,958
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,064	0,054
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,046	0,129
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,020	0,054
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,025	0,114

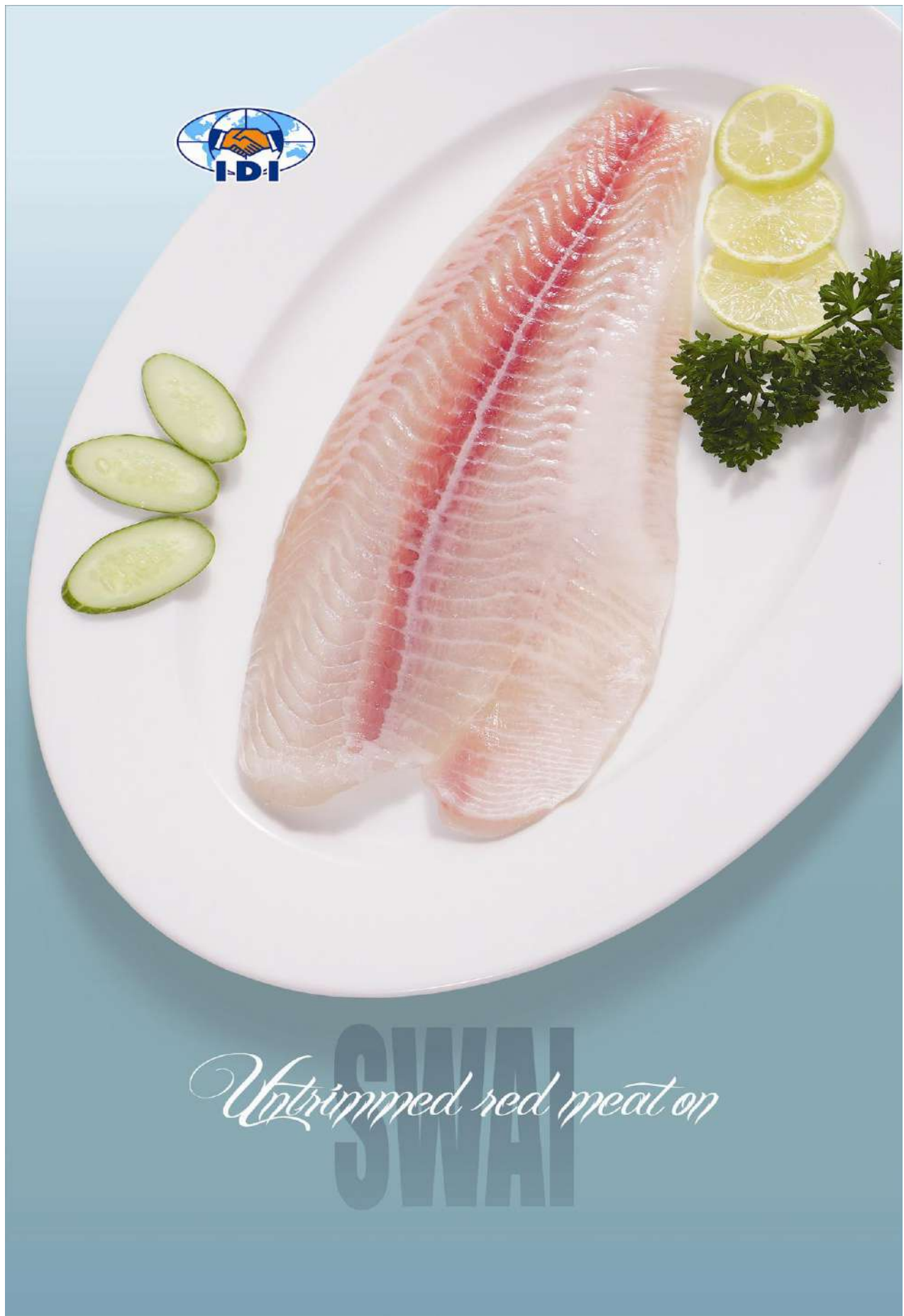
**II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH****2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ**

- Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... Giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.

- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động trong 12 giờ). Ngoài ra Công ty cũng đang vận hành nhà máy chế biến thủy sản số 2 của Tập Đoàn với công suất 300 tấn NL/ngày (nhà máy này chính thức được IDI nhận chuyển nhượng lại từ cuối năm 2018). Bên cạnh đó để đáp ứng đủ nhu cầu đơn hàng thì Công ty cũng thực hiện thuê gia công của 1 số đơn vị bên ngoài và tổng doanh số từ xuất khẩu mang về doanh trên 129 triệu USD trong năm 2018 (chưa kể doanh số xuất khẩu của Công ty Trisedco).







CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY THỦY SẢN



- Cơ cấu doanh thu trong năm:

### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.796.972.119.220	52,46%	3.563.411.225.486	56,18%
2	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	1.381.018.711.356	25,90%	1.530.473.348.214	24,13%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.064.535.312.011	19,97%	1.125.787.188.800	17,75%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.363.560.072	1,09%	84.210.411.816	1,33%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	30.989.355.279	0,58%	37.394.428.892	0,59%
6	Doanh thu khác	-	-	1.429.761.545	0,02%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>5.331.879.057.938</b>	<b>100%</b>	<b>6.342.706.364.753</b>	<b>100%</b>

+ Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm gần 98,16% trong năm 2018.

+ Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2018 tăng gần 978 tỷ đồng tương đương tăng 18,66% so với năm 2017. Điều đó cho thấy được tiềm năng phát triển rất ổn định và tương đối lớn của con cá tra tại Đồng bằng Sông cửu long nói chung và IDI nói riêng.

+ Còn cơ cấu doanh thu về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể. Theo cơ cấu ngành của Công ty và của cả Tập đoàn ASM thì IDI chỉ tập trung cho việc hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản khép kín chứ không còn tập trung vào các mảng khác như hiện nay.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

**CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN** Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.291.406.263.734	48,95%	2.769.977.030.227	51,84%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	1.331.270.504.348	28,44%	1.426.176.954.477	26,69%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.002.404.734.592	21,41%	1.047.534.976.592	19,61%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.670.337.171	0,36%	53.974.228.228	1,01%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	30.623.525.602	0,65%	36.039.365.816	0,67%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.855.207.331	0,19%	7.768.405.308	0,15%
7	Giá vốn khác	-	-	1.429.761.545	0,03%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>4.681.230.572.778</b>	<b>100%</b>	<b>5.342.900.722.193</b>	<b>100%</b>

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 98,14% trong năm 2018, tăng 619 tỷ đồng so với năm 2017. Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn hàng hóa thành phẩm tăng là 13,38% so với năm 2017 trong khi doanh thu tăng 18,66% cho thấy được Công ty đang tập trung vào lĩnh vực thủy sản đúng với cơ cấu của Tập Đoàn và hiệu quả được cải thiện rõ rệt hơn năm 2017, nguyên nhân là do sau một thời gian khủng hoảng kéo dài một số hộ nông dân không giám mạnh dạng đầu tư nuôi từ đó xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn cá nguyên liệu trên thị trường trong khi giá xuất khẩu thuận lợi và tăng mạnh. Là một trong những doanh nghiệp tự chủ được nguồn cá để đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh với giá thành thấp thông qua việc nuôi liên kết với các hộ nông dân, chính vì thế mà tỷ lệ lãi gộp của Công ty chúng ta tăng mạnh so với năm 2017 vừa qua. Nếu xét toàn ngành thì tỷ lệ này là tương đối tốt và IDI chúng ta vẫn là một trong những doanh nghiệp hoạt động thủy sản hiệu quả nhất của ngành trong năm 2018. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho Công ty làm tiền đề cho việc nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo. Sắp tới với sản phẩm thức ăn chất lượng của Tập Đoàn cung cấp kết hợp với chúng ta có trung tâm giống hiện đại cho ra các loại giống tốt, tự chủ bao bì thủy sản thì chuỗi sản xuất thủy sản của chúng ta sẽ khép kín và là cơ sở để hạ giá thành và đó cũng chính là chìa khóa để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian sắp tới.

## 2.2 Nguyên vật liệu:

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quảng đăng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu và cả giới thượng lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mêkong cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.

- Dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam đến năm 2022 sẽ tiến gần 3 tỉ USD. Người tiêu dùng lựa chọn cá tra làm thức ăn hằng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề



liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như bão hòa và sản lượng ngày càng cạn kiệt.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.

- FAO đánh giá sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế độc quyền con cá tra càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai sáng lạng và một mục tiêu phát triển bền vững.



Công nhân đang chuyển cá từ ghe lên nhà máy tại bến nhập nguyên liệu



- Theo quyết định số 332/QĐ-TTG ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Thì Viện nghiên cứu Thủy sản 2 xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh và cho nhân giống đàn cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi chuyển giao cho các trại giống, cung cấp

100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng, 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng.

- Tuy nhiên ngành cá tra trong năm 2018 tiềm ẩn không ít những rủi ro do hạn chế về chất lượng con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chế biến cũng như khâu tiêu thụ. Chi phí sản xuất trong nước tăng cao, nguồn nguyên liệu khan hiếm, nhiều Doanh nghiệp gặp khó khăn khi tập trung xuất khẩu nhiều trên thị trường Mỹ, Châu Âu vì trong năm 2018 các thị trường này vẫn còn nhiều rào cản gây cản trở mạnh lượng xuất khẩu cá tra Việt Nam.

- Công ty IDI luôn chủ động lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và bộ phận nuôi trồng của công ty luôn đảm bảo cung cấp được 90% nhu cầu cho nhà máy sản xuất trong năm 2018 với giá thành ổn định và tương đối thấp (bình quân khoảng 23.600 đồng/kg).

### 2.3 Trình độ công nghệ.

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

- Đầu năm 2011 nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày (12 giờ).

+ Nhà xưởng sản xuất 15.000 m<sup>2</sup>, hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 300 tấn NL/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

+ Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240 m<sup>3</sup> nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m<sup>3</sup> nước/giờ.

+ Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.

+ Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người/lượt ăn. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm được xây dựng khang trang sạch đẹp. Hệ thống sân đường nội bộ được giữ sạch với bóng cây xanh phủ mát tạo không khí trong lành thoải mái.

+ Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500m<sup>3</sup>, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò. . . .

+ Cuối năm 2013 thì công ty cũng đã hoàn thành dự án nhà máy tinh luyện dầu cá với dây chuyền, máy móc hiện đại được nhập từ Châu Âu và hoàn toàn tự động. Nhà máy hoạt động dựa vào hệ thống điều khiển trung tâm gồm 4 máy vi tính được lập trình và điều chỉnh các thông số cho nhà máy dầu theo yêu cầu. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy được Ban lãnh đạo công ty sàng lọc, đào tạo rất chuyên nghiệp. Từ trình độ chuyên môn đến phong cách làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm rất cao và hiện tại hoàn toàn làm chủ công nghệ tinh luyện dầu cá có thể nói là hiện đại nhất thế giới. Hiện tại dự án này đã được chuyển giao cho Công ty con của IDI là Công ty DAT quản lý và khai thác.

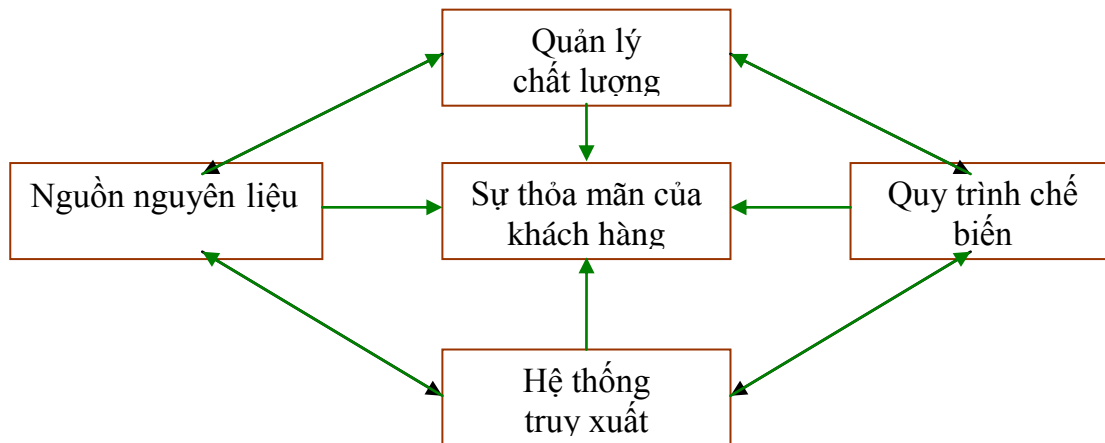
+ Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản chính thức đi vào hoạt động tháng 11/2017 được đầu tư hiện đại theo chiều sâu và tự động hóa cao, với máy móc thiết bị được nhập từ Châu Âu và các nước phát triển nhằm đảm bảo cho sản phẩm đầu ra đạt chất lượng tốt nhất cũng như tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành tăng tính cạnh tranh hơn.



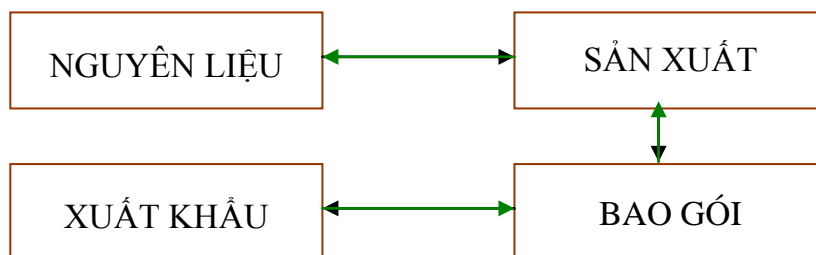
+ Đầu năm 2017 Công ty đã hoàn thành dự án hệ thống năng lượng mặt trời lắp trên mái che nhà máy đông lạnh của IDI. Đây được xem là một trong những dự án tận dụng nguồn năng lượng điện mặt trời vào sản xuất lớn nhất cả nước. Việc nhập khẩu thiết bị từ Tập đoàn Koyo của Nhật Bản cũng cho thấy Công ty IDI của chúng ta luôn đầu tư theo chiều sâu với Công nghệ hiện đại mà Công ty IDI luôn đi đầu trước các đối thủ cùng ngành.



### QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU



### QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT





## 2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới.

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của Omega-3, 6, 9 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản (cá có vây), tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước. Mặt khác với các phụ phẩm như tấm, cám, trấu... lại được cung cấp cho các nhà máy trong chuỗi thủy sản chúng ta.

- Công ty đang xúc tiến trong việc đầu tư trung tâm giống hiện đại với khả năng ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ Gen vào việc sản xuất giống. Khắc phục những hạn chế mà hiện tại giống cá tra đang bị để sản xuất ra giống có chất lượng cao, có sức khỏe tốt ... nhằm tăng hiệu quả cho công tác nuôi trồng góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh hơn nữa trong thời gian tới.

- Công ty cũng đang nghiên cứu triển khai dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm sản xuất ra các loại bao bì để cung cấp cho chuỗi thủy sản của chúng ta và một số bao bì khác có thể cung cấp ra thị trường với chất lượng tốt. Dự kiến dự án này cũng mang tính đột phá về ứng dụng công nghệ mới nhằm sản xuất sản phẩm chất lượng tăng tính cạnh tranh giữa các Công ty cùng ngành.



- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển đa quốc gia (Sao Mai-IDI) đã mạnh dạn đầu tư nghiên cứu để phát triển những sản phẩm mới mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Chính vì vậy mà trong năm 2017, IDI đã tiến thêm một bước dài trong việc kết nối toàn diện với Bộ khoa học và công nghệ thông qua “Lễ ký kết hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng con cá tra Việt Nam”. Bản Hợp tác có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký kết hướng đến tạo lợi thế cạnh tranh tuyệt đối cho con cá tra Việt Nam. Nhiều năm trước, Tập đoàn Sao Mai (Sao Mai – IDI) là Doanh nghiệp luôn biết cách tiên phong ứng dụng công nghệ mới, thành tựu KHKT để sản xuất ra sản phẩm chuyên sâu từ cá tra. Hiện nay, tiềm năng từ loài thủy sản này vẫn còn và lại một lần nữa Sao Mai-IDI lại tiếp tục đột phá để khai thác những giá trị mới từ cá tra. Không bỏ lỡ cơ hội khi trên nền tảng của mối quan hệ hợp tác với các nhà khoa học đã được xác lập từ nhiều năm, Sao Mai-IDI sẽ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất các sản phẩm: bột cá giàu lysine, cá tra hun khói, cá hộp, xúc xích từ cá tra, sản xuất Shortening từ dầu cá, lạp xưởng cá v.v. ... để tiêu thụ nội địa và phục vụ xuất khẩu. Đây sẽ là tiền đề để IDI mở rộng thị trường nội địa với doanh số ước đạt hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm và khả năng xuất khẩu để mang về hàng tỷ USD khác trong tương lai ngoài việc xuất khẩu cá tra fillet như hiện nay.



*Bộ trưởng Bộ NNo&PTNT Nguyễn Xuân Cường thăm và làm việc với Tập đoàn Sao Mai tại Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp*





*Bộ trưởng Bộ NN&PTNT thăm quan hệ thống tự động của nhà máy tinh luyện dầu ăn cao cấp Ranee*



**Bong bong cá khô**  
Fish Maw (Dried)  
鱼翅干

**Bao tử cá đông lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/túi nhựa**  
Frozen Fish Stomach - Pack size: 3 kg/plastic bag  
冷冻鱼肚 - 包装规格: 3公斤/塑料袋

**Bong bong cá đông lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/túi nhựa**  
Frozen Fish Swimming Bladder - Packing: 3 kg/plastic bag  
冷冻鱼泡 - 包装规格: 3公斤/塑料袋

**Vây cá tươi**  
Fresh fish Fins  
新鲜鱼鳍

**Bong bong cá tươi**  
Fresh Fish Swimming Bladder  
新鲜的鱼泡

**Uc cá tươi**  
Fresh Fish Belly  
新鲜的鱼腩

**Kỳ cá tươi**  
Fresh Dorsal Fin  
新鲜鱼背鳍

**Bao tử cá tươi**  
Fresh Fish Stomach  
新鲜的鱼肚

**Phụ phẩm từ Cá Tra**  
Pangasius Filletting offal Products  
巴沙鱼副产品



**AFO**  
**ASIA FISH OIL CORPORATION**  
Address: 80 National Road, An Thinh, Binh Thuan, Lop Vu, Dong Thap, Viet Nam  
Phone/Fax: +84576 623299  
Email: [info@afco.com.vn](mailto:info@afco.com.vn)

亚洲鱼油股份公司  
“Take care about your family health” 对老公好吃，对孩子好处，对家庭美妙  
越南同塔省顺城县社安盛村大道80号  
电话/电邮/传真: +84673 623299

**Raneer**  
UNIQUE FISH OIL  
巴沙鱼油

**IDI CORPORATION**  
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION  
跨国发展和投资股份公司  
Website: [www.idiseafood.com](http://www.idiseafood.com)  
Email: [ldiseafood@vnn.vn](mailto:ldiseafood@vnn.vn)

**SHORTENING AND MARGARINE**

✓ Giúp trẻ phát triển não bộ.  
✓ Nâng cao thị lực.  
✓ Tốt cho hệ tim mạch.  
✓ Làm chậm quá trình lão hóa.



Ranee

RANEE TINH KHIẾT, DỒI DÀO DƯỠNG CHẤT QUÍ TỰ NHIÊN



**AFO**  
ASIA FISH OIL CORPORATION  
Address: 80 National Road, An Thanh, Binh Thanh,  
Lap Vo, Dong Thap, Vietnam  
Phone/fax: +84873 823939  
Email: [tuvan@achhang@afo.com.vn](mailto:tuvan@achhang@afo.com.vn)

**Ranee**  
UNIQUE FISH OIL

**IDI CORPORATION**  
INTERNATIONAL DEVELOPMENT  
& INVESTMENT CORPORATION  
PURE SEAFOODS INC.  
1313 Center Court, Suite 202  
Alhambra, CA 91803, USA  
Phone: 618.883.2197  
Email: [www.pureseafoods.com](mailto:www.pureseafoods.com)

Take care about your family health





Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 50kg (trong lượng tịnh) /bao nhựa  
 Số lượng cung ứng: 1.000-1200 tấn/tháng

Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn Việt Nam
Độ ẩm (%)	58 - 62
Độ ẩm (%)	10 max
Tro (%)	30 max
Độ lười (mg/100g)	100 max
Chất béo (%)	10 max

Original: Vietnam  
 Species: Pangasius Fish  
 Packing: 50kg Net/polypropylene bag  
 Quantity for sales: 1000-1200 MT/month

Specification	TCVN Standard
Crude protein (%)	58 - 62
Moisture (%)	10 max
Ash content (%)	30 max
TVBN (mg/100g)	100 max
Lipid (%)	10 max

产地: 越南  
 鱼类: 巴沙鱼  
 包装规格: 50kg (净重) /聚丙烯袋  
 供应量: 1,000-1,200吨/月

质量标准	越南标准
蛋白质含量 (%)	58 - 62
湿度 (%)	10 max
灰份 (%)	30 max
新鲜度 (mg/100g)	100 max
脂肪含量 (%)	10 max

## Mỡ Cá Fish Oil 巴沙鱼油



## Bột cá Fish meal 鱼粉



Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 193kg/thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank  
 Số lượng cung ứng: 1000-1200 tấn/tháng  
**Tiêu chuẩn chất lượng**  
 Chỉ số Acid (mgKOH/g) 3% max  
 Chỉ số Iodine (gI2/100g) 80 max  
 Original: Vietnam  
 Species: Pangasius Fish  
 Packing: 193 kg Net weight/Drum or 20 MT net weight/flexitank  
 Quantity for sales: 1000-1200MT/month

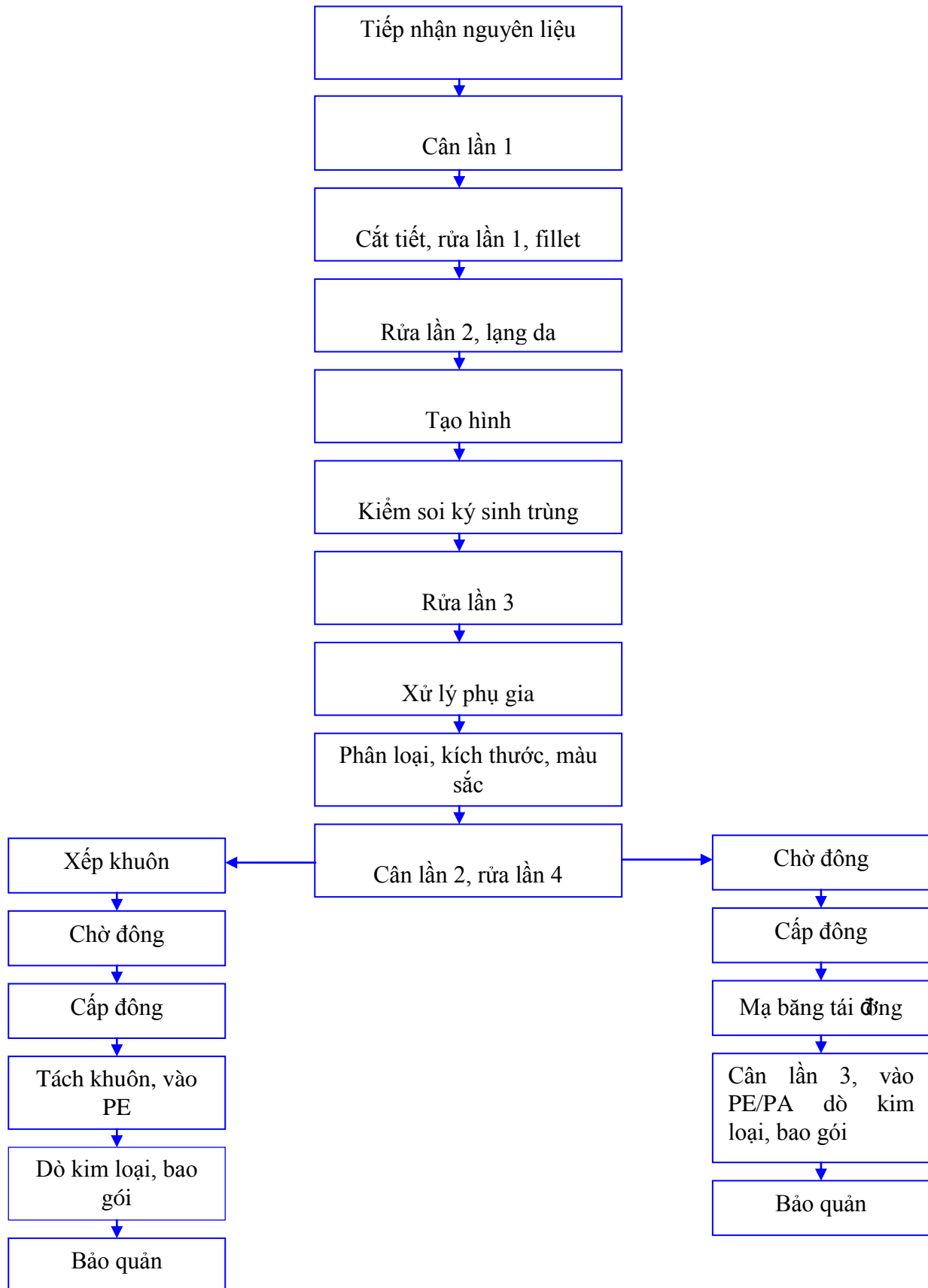
**Specification**  
 Acid value (mgKOH/g) 3% max  
 Iodine value (gI2/100g) 80 max

**TCVN Standard**  
 3% max  
 80 max

产地: 越南  
 鱼类: 巴沙鱼  
 包装规格: 193kg/桶或20吨/ flexitank  
 数量供应: 1000-1200吨/月  
**质量标准**  
 酸价 (mgKOH/g) 3% max  
 碘价 (gI2/100g) 80 max

**越南标准**  
 3% max  
 80 max

### QUY TRÌNH CHẾ BIẾN CÁ TRA FILLET





## 2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2011, ASC, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

## 2.6 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ, Hội chợ Vũ Hán, Thanh Đảo, Phúc Châu, Quảng Châu, Thượng Hải ở Trung Quốc.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.

- Thông qua việc nuôi liên kết với nông dân nhằm giới thiệu sản phẩm thức ăn thủy sản của Tập Đoàn đến với nông dân, tổ chức công tác đánh giá hiệu quả của việc sử dụng thức ăn thủy sản của Tập Đoàn. Từ đó xây dựng lòng tin cho những người nuôi cũng chính là khách hàng của Công ty bằng hiệu quả mà nông dân thu được. Tổ chức các hội thảo, hội nghị về thức ăn thủy sản, thông qua quảng cáo trên báo đài và các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá sản phẩm đến với người nuôi.





Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế





IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN DUBAI 2012





IDI tham gia hội chợ thủy sản tại Thanh Đảo – Trung Quốc



IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

## 2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.



- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, VTV3, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về Sao Mai - IDI đến với mọi người.

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.

- Trong năm 2018 Công ty IDI cùng Tập Đoàn Sao Mai tiếp tục chia sẻ với đồng bào bà con nghèo trong tỉnh An Giang, Đồng Tháp... để cùng vui đón xuân Kỷ Hợi 2019.



## 2.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhân hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/3/2009.

- Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhân hiệu:

- Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá cá tra, cá basa, tôm, mực, nghêu, sò.
- Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
- Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
- Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bớp, cá nù, nuôi trồng thủy hải sản.

## III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### 3.1 Tình hình sản xuất kinh doanh 2018

#### A) Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2018:

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2018 biến động theo chiều hướng tăng cao ngay từ những tháng đầu năm 2018, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình cạnh tranh thu mua cá nguyên liệu từ các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường vẫn là vấn đề rất khó cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, ba tháng và sáu tháng. Đồng thời quản lý được tỉ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài.

Trong năm nhà máy sản xuất được 92.944 tấn cá nguyên liệu với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: Cá Công ty nuôi và nuôi liên kết là 69.708 tấn chiếm tỷ lệ 75% tổng sản lượng cá đưa vào sản xuất trong năm. Công ty thực hiện mua ngoài tổng lượng cá là 23.236 tấn chiếm tỷ lệ 25%. Với cơ cấu đầu vào như thế với giá bình quân trong năm 2018 của Công ty là 23.642 đồng/kg trong khi giá mua cá ngoài trung bình năm 2018 là 30.425 đồng/kg. Cơ cấu như vậy sẽ đảm bảo cho Công ty có giá thành ổn định và tương đối thấp góp phần nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

#### A1. Tình hình thu mua nguyên liệu:

Giá cá tra nguyên liệu liên tục biến động tăng mạnh trong năm 2018. Trong Quý I,II, III thì giá cá dao động từ 28.000 – 31.000 đồng/kg nhưng trong Quý IV thì dao động từ 33.000 – 34.000 đồng/kg. Việc giá cá tăng cao vậy là tạo cơ hội cho người nuôi cá thu về lợi nhuận mong ước nhưng trước việc chất lượng cá giống và quá trình nuôi ngày càng khó khăn khiến năm 2018 lượng cá tra nguyên liệu trên thị trường luôn trong tình trạng thiếu hụt, khiến cho các doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước hoặc không dự đoán được tình hình nguyên liệu cho thời gian 6-9 tháng. Công ty IDI đã, đang và ngày càng tạo được lòng tin cho các hộ dân từ khâu tư vấn về giá, đến các cam kết mua và việc thanh toán cũng đúng hạn. Chính vì thế với lượng cá phải mua cho nhu cầu của nhà máy, IDI hoàn toàn có thể chủ động và có thể chốt giá với người nuôi tốt nhất.

#### A2. Tình hình nuôi cá và đầu tư liên kết:

Năm 2018, sản lượng cá Công ty tự nuôi và đầu tư nuôi liên kết với cá hộ nông dân là: 69.708 tấn cá với giá thành bình quân từ 23.642 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg so với năm 2017). Hình thức này đã giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không thể dự báo giá cá được trong tương lai, yên tâm nuôi cá. Các hộ nông dân lựa chọn theo hình thức này rất an toàn và nhận khoản chi phí với giá từ 5.000 đồng – 9.500 đồng/kg tùy từng thời điểm. Với hình thức này có lợi thế tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ nuôi, công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu



tư dài hạn cho ao nuôi giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có, để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.

### A3. Tình hình vùng nuôi công ty:

Công ty có hai vùng nuôi là Tân Hòa Lai Vung và khu Cồn Quạ Định Yên và trong năm 2017 Công ty đang xây dựng vùng nuôi ở xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 12 hecta với quy hoạch từ vùng nuôi này sẽ là cơ sở để nuôi cá giống thuộc trung tâm giống của Công ty. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được thực hiện theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Hệ số thức ăn của các hầm từ 1.57 kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 390 - 420 đồng/kg cá nguyên liệu, đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì hai vùng nuôi này cũng đã hình thành được qui trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá.



VÙNG NUÔI TẠI AN THANH TRUNG

### A4. Tình hình quản lý chất lượng:

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sau:

\* Tất cả vùng nuôi của Công ty đều được thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, đối với vùng nuôi liên kết thì được thực hiện theo tiêu chuẩn Viet Gap. Như vậy với các tiêu chuẩn này thì sản phẩm cá tra của IDI sẽ đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu các thị trường khắt khe nhất. Không những thế với chuỗi sản xuất khép kín trong đó có đầu ăn Ranne thì sản phẩm này được làm từ mỡ cá tra nên chất lượng cũng được kiểm soát và độ an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.



**A6. Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2018:**

Trong năm 2018 công ty đã dùng tổng cộng gần 110.000 tấn thức ăn tự sản xuất để cung cấp cho vùng nuôi của công ty và vùng nuôi liên kết. Thông qua hình thức này sẽ đảm bảo Công ty có sẵn nguồn nguyên liệu kế hoạch từ 3-6 tháng từ đó bộ phận kinh doanh sẽ mạnh dạn bán hàng cho những đơn hàng 3-6 tháng. Bên cạnh đó việc sản xuất thức ăn cũng khá hiệu quả từ đó góp phần làm tăng hiệu quả của chuỗi sản xuất thủy sản đồng thời cũng làm tăng hiệu quả của công ty.

**B. Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh IDI năm 2018:**

- Sản lượng và định mức năm 2018 so với năm 2017:

Năm	2017	2018	Tăng	Tỷ lệ tăng
Sản lượng nguyên liệu (tấn)	73.332	92.944	19.612	26,70%
Thành phẩm (tấn)	43.106	51.378	8.272	19,19%
Công suất (tấn/ngày)	300	450	150	7,14%
Định mức	1.840	1.850	10	0,54%

- Công suất nhà máy hiện tại:

- + Size từ 1000 gr/con trở lên: 455 tấn/ngày.
- + Size từ 850 đến nhỏ hơn 1000 gr/con: 435 tấn/ngày.
- + Size từ 800 đến nhỏ hơn 850 gr/con: 425 tấn/ngày.
- + Size từ 750 đến nhỏ hơn 800 gr/con: 415 tấn/ngày.
- + Size từ 700 đến nhỏ hơn 750 gr/con: 405 tấn/ngày.
- + Size từ 650 đến nhỏ hơn 700 gr/con: 400 tấn/ngày.
- + Size nhỏ hơn 650 gr/con: 390 tấn/ngày.

Tuy nhiên, ngoài phụ thuộc vào size cá, công suất nhà máy còn phụ thuộc vào quy cách hàng hóa sản xuất (làm cá đồ hoặc cá nguyên con càng nhiều thì công suất nhà máy sẽ cao hơn).

Cụm công nghiệp Vàm Cống và các nhà máy thủy sản





## C. Tình hình kinh doanh năm 2018.

## C.1 Khối lượng và doanh thu xuất khẩu.

THÁNG	Số lượng net (kg)	Số lượng gross (kg)	Giá trị (USD)
01/2017	4.482.320,00	5.752.669,00	12.083.170,13
02/2017	1.963.249,00	2.751.534,00	5.013.077,60
03/2017	3.662.542,00	4.621.736,00	10.371.714,95
04/2017	3.614.465,00	4.479.556,70	10.447.976,58
05/2017	4.058.566,00	5.238.892,00	11.804.557,06
06/2017	3.873.402,00	4.857.137,30	12.065.219,36
07/2017	2.911.432,42	3.792.791,14	8.319.424,19
08/2017	2.942.011,58	3.902.831,36	8.124.920,33
09/2017	3.246.807,00	4.322.188,00	9.487.629,44
10/2017	4.894.487,00	6.441.531,00	14.404.891,77
11/2017	4.740.260,00	6.015.350,00	14.203.946,14
12/2017	4.283.769,00	5.681.575,00	13.052.011,89
<b>Tổng</b>	<b>44.673.311,00</b>	<b>57.857.791,50</b>	<b>129.378.539,43</b>

## C.2 Tỷ lệ các sản phẩm bán ra:

Stt	Sản phẩm	Khối lượng net (tấn)	Khối lượng gross (tấn)
1	Fillet tạo hình sạch	34.808.844	45.851.512
2	Cá nguyên con	2.042.869	2.351.241
3	Cá còn thịt đỏ	2.499.439	3.727.762
4	Cá loại 2	1.041.322	1.110.455
5	Cá cắt khúc, cắt miếng	2.261.932	2.622.407
6	Dè cá	864.791	873.000
7	Da cá	2.544.625	2.571.350
8	Các loại khác	170.117	170.117
<b>Tổng</b>		<b>46.233.938</b>	<b>59.277.844</b>





Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia

**C.3 Thị trường & khách hàng mới:**

Trong năm 2018, công ty đã xuất khẩu đến hơn 200 khách hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 Châu lục.

- Thị trường các quốc gia mà IDI xuất khẩu trong năm 2018:

STT	THỊ TRƯỜNG	K LƯỢNG (NET)	K LƯỢNG (GROSS)	DOANH THU (USD)	TỶ LỆ
1	<b>Algeria</b>	<b>274.400</b>	<b>392.000</b>	<b>895.720</b>	<b>0,7%</b>
2	<b>Brazil</b>	<b>40.000</b>	<b>50.000</b>	<b>167.500</b>	<b>0,1%</b>
3	<b>Brunei</b>	<b>61.900</b>	<b>126.300</b>	<b>207.176</b>	<b>0,2%</b>
4	<b>Canada</b>	<b>87.234</b>	<b>102.026</b>	<b>281.467</b>	<b>0,2%</b>
5	<b>Chile</b>	<b>503.874</b>	<b>671.930</b>	<b>1.431.849</b>	<b>1,1%</b>
6	<b>China</b>	<b>20.285.930</b>	<b>23.932.196</b>	<b>60.368.200</b>	<b>46,7%</b>
7	<b>Colombia</b>	<b>1.518.449</b>	<b>2.003.900</b>	<b>4.094.405</b>	<b>3,2%</b>
8	<b>Egypt</b>	<b>175.500</b>	<b>195.000</b>	<b>536.480</b>	<b>0,4%</b>
9	<b>France</b>	<b>64.000</b>	<b>80.000</b>	<b>160.228</b>	<b>0,1%</b>
10	<b>GERMANY</b>	<b>946.710</b>	<b>1.138.200</b>	<b>2.715.529</b>	<b>2,1%</b>
11	<b>Malaysia</b>	<b>616.255</b>	<b>982.338</b>	<b>1.930.178</b>	<b>1,5%</b>
12	<b>Mexico</b>	<b>6.788.464</b>	<b>10.106.355</b>	<b>21.255.919</b>	<b>16,4%</b>
13	<b>Moroco</b>	<b>69.610</b>	<b>97.200</b>	<b>188.460</b>	<b>0,1%</b>
14	<b>Netherlands</b>	<b>677.409</b>	<b>758.245</b>	<b>2.093.163</b>	<b>1,6%</b>
15	<b>New Zealand</b>	<b>70.912</b>	<b>88.700</b>	<b>194.606</b>	<b>0,2%</b>
16	<b>Oman</b>	<b>16.250</b>	<b>25.000</b>	<b>46.370</b>	<b>0,0%</b>



17	<b>Peru</b>	<b>39.800</b>	<b>48.500</b>	<b>123.095</b>	<b>0,1%</b>
18	<b>Philippines</b>	<b>279.850</b>	<b>472.500</b>	<b>794.725</b>	<b>0,6%</b>
19	<b>Saudi Arabia</b>	<b>13.120</b>	<b>21.790</b>	<b>37.697</b>	<b>0,0%</b>
20	<b>Singapore</b>	<b>926.034</b>	<b>1.223.996</b>	<b>2.749.032</b>	<b>2,1%</b>
21	<b>South Africa</b>	<b>56.750</b>	<b>61.750</b>	<b>142.583</b>	<b>0,1%</b>
22	<b>Spain</b>	<b>19.110</b>	<b>24.500</b>	<b>61.495</b>	<b>0,0%</b>
23	<b>Taiwan</b>	<b>680.960</b>	<b>962.249</b>	<b>1.751.297</b>	<b>1,4%</b>
24	<b>Thailand</b>	<b>572.770</b>	<b>831.900</b>	<b>1.610.751</b>	<b>1,2%</b>
25	<b>Turkey</b>	<b>74.924</b>	<b>94.360</b>	<b>230.454</b>	<b>0,2%</b>
26	<b>UAE</b>	<b>275.250</b>	<b>368.020</b>	<b>849.237</b>	<b>0,7%</b>
27	<b>IRAQ</b>	<b>14.840</b>	<b>26.500</b>	<b>41.340</b>	<b>0,0%</b>
28	<b>USA</b>	<b>472.562</b>	<b>626.422</b>	<b>1.116.492</b>	<b>0,9%</b>
29	<b>KUWAIT</b>	<b>16.800</b>	<b>24.000</b>	<b>42.160</b>	<b>0,0%</b>
30	<b>TUNISIA</b>	<b>41.500</b>	<b>75.000</b>	<b>130.250</b>	<b>0,1%</b>
31	<b>LEBANONE</b>	<b>36.750</b>	<b>47.500</b>	<b>121.850</b>	<b>0,1%</b>
32	<b>INDIA</b>	<b>1.399.530</b>	<b>2.393.540</b>	<b>4.327.528</b>	<b>3,3%</b>
33	<b>PAKISTAN</b>	<b>467.300</b>	<b>575.500</b>	<b>1.340.890</b>	<b>1,0%</b>
34	<b>ITALIA</b>	<b>2.193.120</b>	<b>2.194.200</b>	<b>1.819.540</b>	<b>1,4%</b>
35	<b>ISRAEL</b>	<b>78.800</b>	<b>98.500</b>	<b>250.890</b>	<b>0,2%</b>
36	<b>BELGIUM</b>	<b>124.680</b>	<b>135.600</b>	<b>361.875</b>	<b>0,3%</b>
37	<b>Australia</b>	<b>379.520</b>	<b>380.900</b>	<b>1.318.067</b>	<b>1,0%</b>
38	<b>LIBANG</b>	<b>25.150</b>	<b>34.500</b>	<b>79.225</b>	<b>0,1%</b>
39	<b>ENGLAND</b>	<b>74.375</b>	<b>94.500</b>	<b>233.530</b>	<b>0,2%</b>
40	<b>HONGKONG</b>	<b>3.835.729</b>	<b>5.752.875</b>	<b>11.909.674</b>	<b>9,2%</b>
41	<b>SRI LANKA</b>	<b>20.000</b>	<b>21.000</b>	<b>55.000</b>	<b>0,0%</b>
42	<b>BAHRAIN</b>	<b>302.150</b>	<b>449.500</b>	<b>1.143.695</b>	<b>0,9%</b>
43	<b>CUBA</b>	<b>16.640</b>	<b>20.800</b>	<b>44.720</b>	<b>0,0%</b>
44	<b>DANMARK</b>	<b>19.200</b>	<b>24.000</b>	<b>61.200</b>	<b>0,0%</b>
45	<b>FINLAND</b>	<b>19.200</b>	<b>24.000</b>	<b>63.000</b>	<b>0,0%</b>
<b>CỘNG</b>		<b>44.673.311</b>	<b>57.857.792</b>	<b>129.378.539</b>	<b>100%</b>

Theo Hiệp hội Cá tra Việt Nam, trong năm 2018 tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 2,26 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2017, đây là bước đột phá lớn của cá tra Việt Nam từ trước đến nay. Hầu như tất cả các thị trường nhập khẩu chính đều tăng trưởng mạnh. Các thị trường chủ lực chiếm tỷ trọng cao là Mỹ chiếm 24,3%, Trung Quốc và Hongkong chiếm 23,4%, EU chiếm 10,8%, ASEAN chiếm 9%. Ngoài ra 3 quốc gia Nam Mỹ cũng là thị trường lớn của cá tra Việt Nam: Mexico (4,4%), Brazil (3,8%), Colombia (2,8%).

Năm 2018, Mỹ đã trở lại thành thị trường dẫn đầu về giá trị xuất khẩu cá tra với kim ngạch gần 550 triệu USD (tăng 59,5% so với 2017) mặc dù chỉ đứng thứ 2 về khối lượng xuất khẩu với 124,6 nghìn tấn so với 255,7 nghìn tấn của thị trường Trung Quốc và Hongkong. Xuất khẩu cá tra vào



thị trường Mỹ tăng vọt sau khi Cục kiểm tra an toàn thực phẩm (FSIS) thuộc Bộ Nông Nghiệp Mỹ công nhận tương đương đối với cá tra Việt Nam. Ngoài ra việc Mỹ áp thuế nhập khẩu cao đối với cá rô phi Trung Quốc trong chiến tranh thương mại Mỹ- Trung cũng gián tiếp tạo ra nguồn thiếu hụt cá thịt trắng, đẩy giá bán lên cao, tạo lợi thế cho cá tra Việt Nam. Mặc dù gặp rào cản thuế chống bán phá giá đối với cá fillet, IDI vẫn có thể xuất khẩu các mặt hàng không chịu thuế như cá nguyên con và cá cắt khúc vào thị trường Mỹ.

Trung Quốc- Hong Kong đứng thứ hai về giá trị xuất khẩu nhưng vẫn là thị trường lớn nhất của cá tra Việt Nam về lượng với tổng cộng 255,7 nghìn tấn. Trong thời gian tới đây vẫn là thị trường hết sức tiềm năng của cá tra Việt Nam với dân số lớn nhất thế giới và xu hướng thay đổi thói quen ăn uống của người tiêu dùng từ thịt sang các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe hơn như thủy sản. IDI là doanh nghiệp tiên phong mở cửa thị trường Trung Quốc từ những năm 2010 và cũng là doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất tại Trung Quốc- Hong Kong, liên tục nắm giữ khoảng 13,5% thị phần toàn thị trường. Với lượng khách hàng lớn, ổn định và ngày càng mở rộng, dự kiến doanh thu xuất khẩu của IDI tại Trung Quốc- Hong Kong sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong thời gian tới.

Sau nhiều năm sụt giảm, thị trường EU đã tăng trưởng trở lại vào năm 2018 với giá trị xuất khẩu đạt gần 244 triệu USD, chiếm 10,8% tổng giá trị xuất khẩu cá tra, tăng trưởng hơn 20% so với 2017. Với nỗ lực quay trở lại thị trường EU, trong năm qua IDI đã xuất khẩu sang EU với giá trị gần 7,6 triệu USD, tăng trưởng hơn 36% so với 2017. IDI sẽ tiếp tục mở rộng thêm khách hàng ở các nước châu Âu, đặc biệt là Hà Lan, Đức và Anh, mục tiêu đạt doanh số 10 triệu USD vào năm 2019.

Châu Á hiện đang là thị trường lớn nhất của IDI, xuất khẩu tới gần 30 quốc gia, chiếm gần 70% giá trị xuất khẩu của công ty. Ngoài Trung Quốc và Hong Kong thì ASEAN đang ngày càng trở thành khu vực tiêu thụ cá tra chủ lực của ngành với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt gần 203 triệu USD, tăng trưởng 41,5% so với 2017, đặc biệt là 3 quốc gia Thái Lan (76 triệu USD, tăng 48,8%), Singapore (46 triệu USD, tăng 20,7%) và Philippines (40,6 triệu USD, tăng trưởng 32,1%). Xuất khẩu của IDI vào 3 quốc gia này cũng tăng trưởng hơn 32% trong năm 2018, đạt hơn 5,2 triệu USD. Ngoài ra thị trường Malaysia cũng đạt giá trị gần 2 triệu USD, tăng hơn 170% so với 2017. Với đà tăng trưởng này, có lẽ chỉ một vài năm nữa thôi, ASEAN sẽ vượt EU thành thị trường lớn thứ 3 của cá tra Việt Nam. Ấn Độ cũng là một thị trường châu Á mà công ty nhận thấy còn nhiều tiềm năng và đang tập trung phát triển, giá trị xuất khẩu của IDI sang Ấn Độ đạt 4,3 triệu USD, tăng 167% so với 2017.

Ba nước Mỹ Latinh, Mexico, Brazil và Colombia tổng cộng nhập khẩu 248,8 triệu USD cá tra năm 2018, vượt hơn cả thị trường EU. Hiện IDI đang chiếm thị phần lớn nhất tại Mexico với doanh số hơn 21 triệu USD tăng gần 50% so với 2017 và chiếm hơn 21% thị phần. Tuy nhiên, trong năm qua thị phần của IDI ở Colombia và Brazil bị giảm sút, công ty cũng đang có kế hoạch giành lại hai thị trường này.

Với chiến lược đa dạng hóa thị trường, công ty sẽ tiếp tục cố gắng hết sức để giữ vững thị phần hiện có ở các thị trường truyền thống và có thể mạnh; đồng thời mở rộng thêm các thị trường tiềm năng khác, mục tiêu hướng đến tăng trưởng bền vững trong thời gian tiếp theo.

#### C.4 Thị phần theo châu lục

CHÂU LỤC	DOANH THU	TỶ LỆ %
CHÂU ÂU	7.800.013	6,03%
CHÂU MỸ	28.515.446	22,04%
CHÂU Á	89.656.914	69,30%
CHÂU PHI	1.893.493	1,46%
CHÂU ÚC	1.512.673	1,17%
<b>TỔNG</b>	<b>129.378.539</b>	<b>100,00</b>



### 3.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:(kế hoạch kinh doanh riêng Công ty mẹ)

#### Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.

- Giữ vững khách hàng và thị phần của công ty, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng.
- Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của công ty đạt mức khoảng 148,7 triệu USD và đạt lợi nhuận trước thuế là khoảng 546 tỷ đồng.
- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.
- Phân đấu nâng thứ hạng của công ty IDI lên top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.
- Đối với những thị trường hiện có, công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách qua việc chăm sóc khách hàng, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài.
- Mặt khác, công ty cũng sẽ quan tâm nhiều đến các khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6 đến 12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.

#### C.5.1 Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2019:

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	1.029	1.887	343	172	686	229	229	4.575
2	588	1.078	196	98	392	131	131	2.614
3	1.029	1.887	343	172	686	229	229	4.575
4	1.029	1.887	343	172	686	229	229	4.575
5	817	1.960	327	163	653	218	218	4.356
6	817	1.960	327	163	653	218	218	4.356
7	858	2.058	343	172	686	229	229	4.575
8	858	2.058	343	172	686	229	229	4.575
9	858	2.058	343	172	686	229	229	4.575
10	878	2.107	351	176	702	234	234	4.682
11	878	2.107	351	176	702	234	234	4.682
12	1.078	1.976	359	180	719	240	240	4.792
<b>Tổng</b>	<b>10.717</b>	<b>23.023</b>	<b>3.969</b>	<b>1.988</b>	<b>7.937</b>	<b>2.649</b>	<b>2.649</b>	<b>52.932</b>

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá, và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.
- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.
- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.
- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.

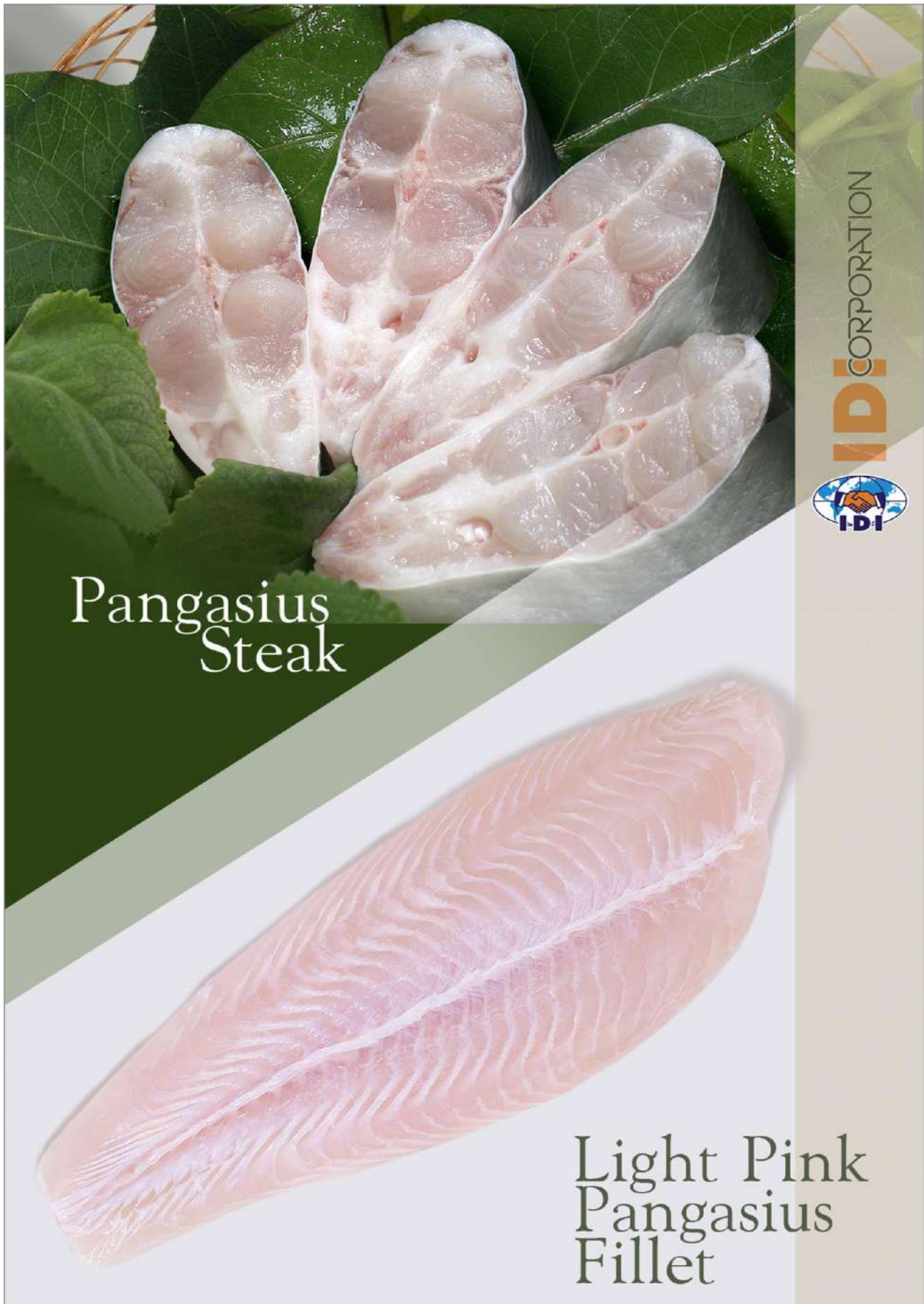


- Đối với thị trường cao cấp, công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận, ASC, VietGap sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông CO<sub>2</sub>, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới) và sản phẩm đông block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion v.v....

- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, VietGap... công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn trên Thế Giới.

- Đối với thị trường bình dân, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet còn thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.





Các sản phẩm của nhà máy thủy sản IDI



**C.5.2 Doanh thu kế hoạch năm 2019: ( Đvt : USD )**

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	3.067.838	5.487.203	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.864.267</b>
2	1.753.906	3.136.379	567.272	283.994	959.808	320.907	327.886	<b>7.350.152</b>
3	3.067.838	5.487.203	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.864.267</b>
4	3.067.838	5.487.203	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.864.267</b>
5	2.436.313	5.700.383	948.363	469.460	1.599.680	535.668	547.318	<b>12.237.185</b>
6	2.436.313	5.700.383	948.363	469.460	1.599.680	535.668	547.318	<b>12.237.185</b>
7	2.556.033	5.983.650	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.848.909</b>
8	2.556.033	5.983.650	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.848.909</b>
9	2.556.033	5.983.650	994.908	495.541	1.680.894	562.821	575.062	<b>12.848.909</b>
10	2.615.893	6.126.744	1.018.181	507.132	1.720.271	575.164	587.673	<b>13.151.058</b>
11	2.615.893	6.126.744	1.018.181	507.132	1.720.271	575.164	587.673	<b>13.151.058</b>
12	3.214.496	5.747.108	1.041.454	518.724	1.762.109	589.975	602.806	<b>13.476.672</b>
<b>Tổng</b>	<b>31.944.427</b>	<b>66.950.300</b>	<b>11.511.262</b>	<b>5.729.148</b>	<b>19.447.183</b>	<b>6.509.472</b>	<b>6.651.046</b>	<b>148.742.838</b>

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là “giá tốt, chất lượng tốt và dịch vụ tốt”.
- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ Thủy sản quốc tế và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyên khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Trung Quốc, Colombia, Peru, khu vực Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, An Giê Ri, v.v...







SẢN PHẨM TỪ CÁ TRA XUẤT KHẨU



IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

**C.5.3 Kế hoạch sản xuất năm 2019: (Đvt: Tấn)**

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	1.029	1.887	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
2	588	1.078	196	98	392	131	131	<b>2.614</b>
3	1.029	1.887	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
4	1.029	1.887	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
5	817	1.960	327	163	653	218	218	<b>4.356</b>
6	817	1.960	327	163	653	218	218	<b>4.356</b>
7	858	2.058	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
8	858	2.058	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
9	858	2.058	343	172	686	229	229	<b>4.575</b>
10	878	2.107	351	176	702	234	234	<b>4.682</b>
11	878	2.107	351	176	702	234	234	<b>4.682</b>
12	1.078	1.976	359	180	719	240	240	<b>4.792</b>
<b>Tổng</b>	<b>10.717</b>	<b>23.023</b>	<b>3.969</b>	<b>1.988</b>	<b>7.937</b>	<b>2.649</b>	<b>2.649</b>	<b>52.932</b>

- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.
- Luôn đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến bộ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.
- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.
- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

**C.5.4 Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.**

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	5.931	3.194	9.125
2	3.390	1.825	5.215
3	5.931	3.194	9.125
4	5.931	3.194	9.125
5	5.213	3.475	8.688
6	5.213	3.475	8.688
7	5.475	3.650	9.125
8	5.475	3.650	9.125
9	5.475	3.650	9.125
10	5.605	3.736	9.341
11	5.605	3.736	9.341
12	6.214	3.346	9.560
<b>Tổng</b>	<b>65.458</b>	<b>40.125</b>	<b>105.583</b>

- Diện tích vùng nuôi riêng của công ty là 40 ha với sản lượng 16.000 Tấn cá nguyên liệu/năm hơn 10% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy.

- Diện tích vùng nuôi liên kết là 260 ha ước cho tổng sản lượng là 84.000 Tấn cá nguyên liệu đáp ứng gần 85% nhu cầu nguyên liệu trong năm.

- Còn lại khoảng 5% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (5.000 Tấn), công ty sẽ thu mua từ nông dân bên ngoài.

- Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 100.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.





Vùng nuôi thủy sản



➤ **Kinh doanh thức ăn thủy sản.**

**D.5.1 Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2019 (đvt: tấn).**

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	3.200	12.800	16.000
2	3.200	12.800	16.000
3	3.200	12.800	16.000
4	3.200	12.800	16.000
5	3.200	12.800	16.000
6	3.500	14.000	17.500
7	3.500	14.000	17.500
8	3.500	14.000	17.500
9	3.500	14.000	17.500
10	3.900	15.600	19.500
11	3.900	15.600	19.500
12	3.900	15.600	19.500
<b>Tổng</b>	<b>41.700</b>	<b>166.800</b>	<b>208.500</b>



- Thông qua việc phân phối cho các hộ nông dân nuôi liên kết với Công ty và những nông dân bán cá nhiều năm cho Công ty và được Công ty bao tiêu sản phẩm thì với lượng thức ăn sản xuất được của Tập Đoàn trong năm được đảm bảo phân phối hết theo kế hoạch.



**D.5.3 Dự báo giá bán thức ăn thủy sản tiêu thụ trong năm 2019 (đvt: ngàn đồng).**

Loại thức ăn	Đồng/kg
Thức ăn 3 ly 28% đạm	<b>11.200</b>
Thức ăn 5 ly 26% đạm	<b>10.600</b>

**D.5.4 Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn thủy sản 2019 (đvt: ngàn đồng).**

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	35.840.000	135.680.000	171.520.000
2	35.840.000	135.680.000	171.520.000
3	35.840.000	135.680.000	171.520.000
4	35.840.000	135.680.000	171.520.000
5	35.840.000	135.680.000	171.520.000
6	39.200.000	148.400.000	187.600.000
7	39.200.000	148.400.000	187.600.000
8	39.200.000	148.400.000	187.600.000
9	39.200.000	148.400.000	187.600.000
10	43.680.000	165.360.000	209.040.000
11	43.680.000	165.360.000	209.040.000
12	43.680.000	165.360.000	209.040.000
<b>Tổng</b>	<b>467.040.000</b>	<b>1.768.080.000</b>	<b>2.235.120.000</b>





*Bộ trưởng Bộ NNo&PTNT tham quan nhà máy chế biến thức ăn Thủy Sản Sao Mai*



**Dự báo kết quả kinh doanh năm 2019.**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch KD năm 2019 riêng Công ty mẹ		Kế hoạch KD năm 2019 Trisedco	Kết quả kinh doanh hợp nhất 2019
		Cá tra Fillet	Thức ăn thủy sản		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.754.422.162.901	3.653.610.855.000	2.235.120.000.000	1.650.042.000.000	7.538.772.855.000
4. Giá vốn hàng bán	3.871.690.938.814	2.865.655.684.000	2.089.211.700.000	1.511.404.000.000	6.466.271.384.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	881.290.574	787.955.171.000	145.908.300.000	138.638.000.000	1.072.501.471.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	119.471.172.611	113.676.810.546	10.513.782.163	31.051.000.000	155.241.592.709
7. Chi phí tài chính	153.123.451.290	136.735.641.238	70.059.800.125	57.673.000.000	264.468.441.363
8. Chi phí bán hàng	147.880.819.435	125.497.710.231	13.456.710.820	29.057.000.000	168.011.421.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.892.089.291	35.789.632.710	9.895.075.978	14.868.000.000	60.552.708.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	660.865.386.718	603.608.997.367	63.010.495.240	68.091.000.000	734.710.492.607
11. Thu nhập khác	3.114.243.191	3.942.781.320	2.235.120.000	5.396.000.000	11.573.901.320
12. Chi phí khác	5.014.592.723	2.842.731.280	1.341.072.000	7.544.000.000	11.727.803.280
13. Lợi nhuận khác	(1.900.349.532)	1.100.050.040	894.048.000	(2.148.000.000)	(153.901.960)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.642.911.195	78.612.176.163	-	5.944.000.000	84.556.176.163
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>592.322.125.991</b>	<b>526.096.871.244</b>	<b>63.904.543.240</b>	<b>59.999.000.000</b>	<b>650.000.414.484</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**AASCS**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán*

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942  
Email: [info@aascs.com.vn](mailto:info@aascs.com.vn) Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 48



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo minh và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: **1.979.534.200.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

**4. Cấu trúc Công ty**

**Công ty con**

**- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 438.149.200.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 79,25%

**- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính**

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang

+ Vốn điều lệ: 52.168.970.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 75,35%

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2018 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Phạm Đình Nam	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà :	Lê Thị Phương	Thành viên
Ông:	Trương Công Khánh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông:	Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Võ Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Lê Hoàng Cương	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Dũng	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông: Lê Xuân Định

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 379 /BCKT/TC/2019/AASCS

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 31 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Phó Tổng giám đốc**

  
**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

  
**Nguyễn Vũ**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0699-2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.096.433.878.461</b>	<b>3.272.727.439.101</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.01	<b>358.749.624.778</b>	<b>459.950.883.817</b>
111	1. Tiền		296.564.771.218	315.016.030.257
112	2. Các khoản tương đương tiền		62.184.853.560	144.934.853.560
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>435.026.736.414</b>	<b>567.533.083.214</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh			1.844.862.388
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			(755.415.588)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		435.026.736.414	566.443.636.414
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.481.589.509.431</b>	<b>1.676.818.350.216</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.723.824.507.331	691.126.691.372
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		633.997.051.137	900.430.878.279
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	181.218.241.709	138.615.072.929
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(57.450.290.746)	(53.354.292.364)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.06</b>	<b>789.845.962.824</b>	<b>522.528.202.881</b>
141	1. Hàng tồn kho		805.615.164.250	531.567.759.782
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(15.769.201.426)	(9.039.556.901)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.222.045.014</b>	<b>45.896.918.973</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	2.017.313.004	1.607.452.969
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.831.378.689	43.923.817.800
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		373.353.321	365.648.204
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.521.211.500.364</b>	<b>2.464.167.830.057</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.755.093.504</b>	<b>11.474.842.809</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	8.755.093.504	11.474.842.809
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.094.448.259.516</b>	<b>768.254.446.365</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	625.207.824.738	322.211.780.498
222	- Nguyên giá		901.668.031.360	544.300.981.505
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(276.460.206.622)	(222.089.201.007)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	291.868.758.554	285.778.437.979
225	- Nguyên giá		324.142.037.979	315.042.736.446
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.273.279.425)	(29.264.298.467)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	177.371.676.224	160.264.227.888
228	- Nguyên giá		188.128.520.003	167.905.802.469
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.756.843.779)	(7.641.574.581)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.11</b>	<b>104.188.305.421</b>	<b>110.734.765.202</b>
231	- Nguyên giá		124.429.500.002	124.429.500.002
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.241.194.581)	(13.694.734.800)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.07</b>	<b>19.473.637.364</b>	<b>477.709.557.712</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.473.637.364	477.709.557.712
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>1.283.378.000.000</b>	<b>1.090.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.283.378.000.000	1.090.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.968.204.559</b>	<b>5.994.217.969</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	10.793.511.039	5.786.909.989
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		133.925.441	133.925.441
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.12	40.768.079	73.382.539
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.617.645.378.825</b>	<b>5.736.895.269.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.953.237.752.849</b>	<b>3.515.948.226.110</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.416.607.736.334</b>	<b>2.911.803.605.573</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	547.301.387.755	209.288.069.358
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		70.558.968.172	60.387.695.988
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	68.825.837.440	26.099.051.367
314	4. Phải trả người lao động		39.421.556.653	31.777.742.652
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		982.814.221	
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	105.929.192	105.929.192
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	47.110.188.427	105.470.763.444
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	2.636.821.314.097	2.473.187.113.195
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.479.740.377	5.487.240.377
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>536.630.016.515</b>	<b>604.144.620.537</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	536.614.306.229	604.120.802.182
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		15.710.286	23.818.355
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.18</b>	<b>2.664.407.625.976</b>	<b>2.220.947.043.048</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.664.407.625.976	2.220.947.043.048
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.979.534.200.000	1.816.096.710.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.979.534.200.000	1.816.096.710.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		45.288.900.000	45.288.900.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			(42.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		24.913.358.033	23.897.550.302
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		1.983.271.394	967.463.663
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.983.271.394	967.463.663
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		470.091.998.643	203.864.215.358
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		36.755.302.165	11.531.800.685
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		433.336.696.478	192.332.414.673
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		123.551.926.512	112.846.040.062
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.617.645.378.825</b>	<b>5.736.895.269.158</b>

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	6.342.706.364.753	5.331.879.057.938
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.492.176.404	4.379.439.674
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.341.214.188.349	5.327.499.618.264
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	5.342.900.722.193	4.681.230.572.778
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		998.313.466.156	646.269.045.486
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	149.333.987.413	114.958.876.816
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	198.265.120.105	195.477.010.765
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		174.093.020.748	178.163.816.583
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	175.825.549.268	164.216.174.982
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	51.709.947.828	39.475.534.127
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		721.846.836.368	362.059.202.428
31	11. Thu nhập khác	VI.07	3.131.673.749	993.411.776
32	12. Chi phí khác	VI.08	7.084.741.899	1.719.034.158
40	13. Lợi nhuận khác		(3.953.068.150)	(725.622.382)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		717.893.768.218	361.333.580.046
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	74.088.655.259	18.417.157.725
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(8.108.069)	23.818.355
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		643.813.221.028	342.892.603.966
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		633.107.334.578	337.620.151.473
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		10.705.886.450	5.272.452.493
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	3.465	1.859
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	3.465	1.859

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

VŨ THỊ LỆ

Kế toán trưởng

LÊ XUÂN ĐỊNH

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>717.893.768.218</b>	<b>361.333.580.046</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		71.269.448.083	55.908.341.404
03	2. Các khoản dự phòng		10.070.227.319	12.177.677.682
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.616.582.222)	(7.744.421.342)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(132.437.223.531)	(102.314.150.853)
06	5. Chi phí lãi vay		174.093.020.748	178.163.816.583
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>839.272.658.615</b>	<b>497.524.843.520</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(310.067.786.953)	164.589.426.053
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(274.048.560.549)	(46.148.449.170)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		48.279.665.882	(105.843.756.808)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.037.491.401)	(3.359.774.359)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		1.886.862.388	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(180.192.202.925)	(170.842.808.106)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.848.062.882)	(6.363.791.552)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.500.000)	(266.946.396)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>93.237.582.175</b>	<b>329.288.743.182</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(124.237.195.002)	(189.460.815.486)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.240.884.004	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(660.186.473.891)	(1.813.671.371.131)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		599.658.973.891	1.625.379.371.131
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			14.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		121.924.678.872	102.310.361.270
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(57.599.132.126)</b>	<b>(261.442.454.216)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2018

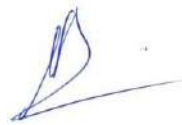
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.143.817.846.636	8.080.700.007.760
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(8.036.517.314.531)	(7.556.801.250.633)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(48.215.489.621)	(29.622.288.272)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(197.182.207.830)	(270.026.961.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(138.097.165.346)</b>	<b>224.249.507.855</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(102.458.715.297)</b>	<b>292.095.796.821</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>459.950.883.817</b>	<b>168.228.465.119</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.257.456.258	(373.378.123)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>358.749.624.778</b>	<b>459.950.883.817</b>

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu



VŨ THỊ LỆ

Kế toán trưởng



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: **1.979.534.200.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

#### - Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	72,80%	75,35%	75,35%

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

01172  
 CÔNG TY  
 NIÊM HỮU  
 VỤ TƯ  
 KHẾ  
 KIỂM TOÁN  
 Á NẠN  
 PHỐ

011296  
 CÔNG TY  
 PHÂN ĐẦU TƯ  
 PHÁT TRIỂN  
 QUỐC GIA I.D.I  
 V. Đ. Đ. Đ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### 11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### 13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án... cái được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### *- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *- Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### *- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### *- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

## **17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2018*

*Đơn vị tính: VND*

Giá bán hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công tác phí, chi phí vận chuyển, chi phí thuê văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; chi phí mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

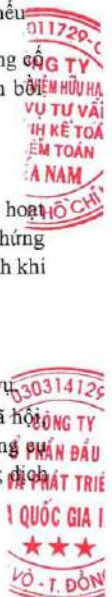
**21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 23 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### 24 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 25 . Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

### 26 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

#### Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

#### Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

**b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chi tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.189.380.566	785.411.260
Tiền gửi không kỳ hạn	295.375.390.652	314.230.618.997
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	62.184.853.560	144.934.853.560
- Tiền gửi có kỳ hạn	62.184.853.560	144.934.853.560
<b>Cộng</b>	<b>358.749.624.778</b>	<b>459.950.883.817</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏng xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh				
Tổng giá trị cổ phiếu	1.844.862.388	1.089.446.800	1.844.862.388	1.089.446.800
+ ASM	1.844.862.388	1.089.446.800	1.844.862.388	1.089.446.800
<b>Cộng</b>	<b>1.844.862.388</b>	<b>1.089.446.800</b>	<b>1.844.862.388</b>	<b>1.089.446.800</b>

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	435.026.736.414	435.026.736.414	566.443.636.414	566.443.636.414
- Tiền gửi có kỳ hạn	435.026.736.414	435.026.736.414	566.443.636.414	566.443.636.414
b2) Dài hạn	1.283.378.000.000	1.283.378.000.000	1.090.000.000.000	1.090.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.276.518.000.000	1.276.518.000.000	1.090.000.000.000	1.090.000.000.000
- Trái phiếu	6.860.000.000	6.860.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>1.718.404.736.414</b>	<b>1.718.404.736.414</b>	<b>1.656.443.636.414</b>	<b>1.656.443.636.414</b>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Không có**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.723.824.507.331</b>	<b>691.126.691.372</b>
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	66.312.657.489	5.723.990.531
+ LLC"MEKONG FOOD"	25.430.529.440	24.888.075.900
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	159.599.011.133	162.225.182.840
+ CÔNG TY TNHH SAO MAI SUPER FEED	694.980.000.000	
+ Đối tượng khác	777.502.309.269	498.289.442.101
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.723.824.507.331</b>	<b>691.126.691.372</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>181.218.241.709</b>	<b>(528.000.000)</b>	<b>138.615.072.929</b>	<b>(528.000.000)</b>
Tạm ứng	77.903.803.366		58.496.722.653	
Cho mượn			4.450.000.000	
Các khoản chi hộ			543.564.500	
Phải thu khác	103.314.438.343	(528.000.000)	75.124.785.776	(528.000.000)
+ Cty CP Tập đoàn Sao Mai			29.090.066.740	
+ Cty CT tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	12.004.228.943		14.659.356.407	
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế	62.607.901.898			
+ Đối tượng khác	28.702.307.502	(528.000.000)	31.375.362.629	(528.000.000)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.755.093.504</b>		<b>11.474.842.809</b>	
Ký cược, ký quỹ	8.755.093.504		11.474.842.809	
<b>Cộng</b>	<b>189.973.335.213</b>	<b>(528.000.000)</b>	<b>150.089.915.738</b>	<b>(528.000.000)</b>

### 05 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	10.202.672.250		9.468.303.750	
+ Alfredo Foods	9.271.636.173		9.073.864.755	
+ Alliance Seafood Group	9.306.594.220		9.108.077.119	
+ Lapson International Trading Ltd	7.036.435.330		6.886.342.534	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI** Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

NỢ XẤU (tiếp theo)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Sarl Globe Alliance	7.259.837.002		7.104.978.870	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.697.585.116		6.554.720.267	1.966.416.080
+ Đối tượng khác	8.376.997.055	701.466.400	11.297.834.803	4.173.413.654
<b>Cộng</b>	<b>58.151.757.146</b>	<b>701.466.400</b>	<b>59.494.122.098</b>	<b>6.139.829.734</b>

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

06 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.226.113.781		6.863.757.129	
- Công cụ, dụng cụ	867.098.517		623.240.513	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.062.776.828		6.424.770.434	
- Thành phẩm	558.781.039.715	(7.492.749.426)	223.588.097.257	(9.039.556.901)
- Hàng hóa	194.559.346.849	(8.276.452.000)	275.976.492.815	
- Hàng gửi đi bán	25.118.788.560		18.091.401.634	
<b>Cộng</b>	<b>805.615.164.250</b>	<b>(15.769.201.426)</b>	<b>531.567.759.782</b>	<b>(9.039.556.901)</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 543.018.840.451 đ
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2018

**07 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm	12.145.184.307	115.199.998
+ Hệ thống dây chuyền Trung Quốc và máy nghiên	10.858.661.309	
+ Khác	1.286.522.998	
Xây dựng cơ bản	7.328.453.057	477.594.357.714
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	9.488.800	1.565.846.400
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá		1.893.218.502
+ Nhà máy thức ăn		462.454.394.911
+ Khu đất tái định cư	3.090.905.217	3.329.825.217
+ Công trình khác	4.206.932.684	3.966.309.964
+ Công trình 5 bồn dầu nguyên liệu		2.727.272.728
+ Nhà lò hơi		1.636.363.636
+ Khác	21.126.356	21.126.356
Sửa chữa		
<b>Cộng</b>	<b>19.473.637.364</b>	<b>477.709.557.712</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Đông, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCD khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu năm	195.716.909.347	325.265.585.430	16.219.942.911	1.602.737.758	5.495.806.059	544.300.981.505	
2. Số tăng trong năm	185.367.042.364	181.853.271.391	877.920.000		321.000.000	368.419.233.755	
- Mua trong năm	180.503.406.000	136.322.308.286	877.920.000		321.000.000	318.024.634.286	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.863.636.364					4.863.636.364	
- Mua lại TSCD thuê tài chính		45.530.963.105				45.530.963.105	
3. Số giảm trong năm		11.052.183.900				11.052.183.900	
- Chuyển sang BĐS đầu tư		2.338.544.000				2.338.544.000	
- Bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính		8.713.639.900				8.713.639.900	
4. Số dư cuối năm	381.083.951.711	496.066.672.921	17.097.862.911	1.602.737.758	5.816.806.059	901.668.031.360	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu năm	47.782.071.152	161.553.293.911	8.446.909.111	1.054.881.531	3.252.045.302	222.089.201.007	
2. Khấu hao trong năm	7.883.634.042	46.944.743.108	2.780.898.206	231.573.526	757.889.265	58.598.738.147	
- Khấu hao trong năm	7.883.634.042	29.387.187.798	2.780.898.206	231.573.526	757.889.265	41.041.182.837	
- Tăng khác		17.557.555.310				17.557.555.310	
3. Giảm trong năm		4.227.732.532				4.227.732.532	
- Chuyển sang BĐS đầu tư		647.959.597				647.959.597	
- Thanh lý, nhượng bán		3.579.772.935				3.579.772.935	
4. Số dư cuối năm	55.665.705.194	204.270.304.487	11.227.807.317	1.286.455.057	4.009.934.567	276.460.206.622	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu năm	147.934.838.195	163.712.291.519	7.773.033.800	547.856.227	2.243.760.757	322.211.780.498	
2. Tại ngày cuối năm	325.418.246.517	291.796.368.434	5.870.055.594	316.282.701	1.806.871.492	625.207.824.738	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCD hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 182.731.802.029 VND  
 - Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.034.526.954 VND  
 - Nguyên giá TSCD cuối năm chờ thanh lý: 0 VND  
 - Các cam kết về việc mua, bán TSCD hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:



Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>									
1. Số dư đầu năm			309.056.433.448	5.986.302.998				315.042.736.446	
2. Số tăng trong năm			54.469.071.600					54.469.071.600	
- Thuế tài chính trong năm			45.058.428.395					45.058.428.395	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính									
- Tăng khác			9.410.643.205					9.410.643.205	
3. Số giảm trong năm			45.369.770.067					45.369.770.067	
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính			45.369.770.067					45.369.770.067	
- Giảm khác									
4. Số dư cuối năm			318.155.734.981	5.986.302.998				324.142.037.979	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
1. Số dư đầu năm			27.351.242.721	1.913.055.746				29.264.298.467	
2. Khấu hao trong năm			19.384.906.096	1.181.630.172				20.566.536.268	
- Khấu hao trong năm			19.384.906.096	1.181.630.172				20.566.536.268	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính									
- Tăng khác									
3. Giảm trong năm			17.557.555.310					17.557.555.310	
- Thanh lý TSCĐ thuê tài chính			17.557.555.310					17.557.555.310	
- Giảm khác									
4. Số dư cuối năm			29.178.593.507	3.094.685.918				32.273.279.425	
<b>III. Giá trị còn lại</b>									
1. Tại ngày đầu năm			281.705.190.727	4.073.247.252				285.778.437.979	
2. Tại ngày cuối năm			288.977.141.474	2.891.617.080				291.868.758.554	

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 16.557.376.132 VND

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

Điều khoản giá hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Bắc, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH	Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND	
							Cộng	
<b>I. Nguyên giá</b>								
1. Số dư đầu năm		167.250.802.469			655.000.000			167.905.802.469
2. Số tăng trong năm		20.212.717.534			10.000.000			20.222.717.534
- Mua trong năm		18.656.359.934			10.000.000			18.666.359.934
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1.556.357.600						1.556.357.600
- Tăng khác								
3. Số giảm trong năm								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư								
4. Số dư cuối năm		187.463.520.003			665.000.000			188.128.520.003
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
1. Số dư đầu năm		7.289.288.880			352.285.701			7.641.574.581
2. Khấu hao trong năm		2.959.758.156			155.511.042			3.115.269.198
- Khấu hao trong năm		2.959.758.156			155.511.042			3.115.269.198
- Tăng khác								
3. Giảm trong năm								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư								
4. Số dư cuối năm		10.249.047.036			507.796.743			10.756.843.779
<b>III. Giá trị còn lại</b>								
1. Tại ngày đầu năm		159.961.513.589			302.714.299			160.264.227.888
2. Tại ngày cuối năm		177.214.472.967			157.203.257			177.371.676.224

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 174.459.104.624 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 281.500.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Đông, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) BĐS đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>124.429.500.002</b>			<b>124.429.500.002</b>
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	107.174.772.729			107.174.772.729
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>13.694.734.800</b>	<b>6.546.459.781</b>		<b>20.241.194.581</b>
- Quyền sử dụng đất	1.174.041.318	392.211.852		1.566.253.170
- Nhà	12.520.693.482	6.154.247.929		18.674.941.411
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>110.734.765.202</b>			<b>104.188.305.421</b>
- Quyền sử dụng đất	16.080.685.955			15.688.474.103
- Nhà	94.654.079.247			88.499.831.318
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Tổn thất do suy giảm giá trị</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 63.101.937.505 VND				
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND				

01172  
 CÔNG TY  
 NHIỆM VỤ  
 VỤ TƯ  
 NH KẾT  
 KIỂM TOÁN  
 Á NAM  
 P.HỒC

030314129  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN ĐẦU  
 TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
 ĐA QUỐC GIA I  
 Đ I  
 VÒ - T. Đ. Đ.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Đông, xã Bình Thành, Lập Vò, Đông Tháp.  
 Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngân hạn</b>	<b>2.017.313.004</b>	<b>1.607.452.969</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.527.155.031	1.524.288.803
Các khoản khác	490.157.973	83.164.166
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.793.511.039</b>	<b>5.786.909.989</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.877.680.855	3.159.271.260
Sửa chữa	2.885.802.412	2.568.610.948
Các khoản khác	30.027.772	59.027.781
<b>c) Lợi thế thương mại</b>	<b>40.768.079</b>	<b>73.382.539</b>
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	40.768.079	73.382.539
<b>Cộng</b>	<b>12.851.592.122</b>	<b>7.467.745.497</b>

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn - VND	1.916.361.304.900	1.916.361.304.900	6.118.378.810.948	5.964.219.565.367	1.762.202.059.319	1.762.202.059.319
Vay ngắn hạn - USD	683.963.068.629	683.963.068.629	2.028.643.729.524	2.018.745.497.317	674.064.836.422	674.064.836.422
<b>Cộng</b>	<b>2.600.324.373.529</b>	<b>2.600.324.373.529</b>	<b>8.147.022.540.472</b>	<b>7.982.965.062.684</b>	<b>2.436.266.895.741</b>	<b>2.436.266.895.741</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Trên 1 năm đến 5 năm - VND	254.621.316.644	254.621.316.644	53.295.595	55.317.009.784	309.885.030.833	309.885.030.833
Trên 5 năm - VND	254.621.316.644	254.621.316.644	53.295.595	55.317.009.784	309.885.030.833	309.885.030.833
<b>Cộng</b>	<b>254.621.316.644</b>	<b>254.621.316.644</b>	<b>53.295.595</b>	<b>55.317.009.784</b>	<b>309.885.030.833</b>	<b>309.885.030.833</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ Đông, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
<b>Thời hạn</b>				
Từ 1 năm trở xuống	2.372.685.056	232.073.927	278.998.629	2.876.716.896
Trên 1 năm đến 5 năm	62.400.180.697	16.325.302.205	12.333.733.309	26.745.571.376
<b>Cộng</b>	<b>64.772.865.753</b>	<b>16.557.376.132</b>	<b>12.612.731.938</b>	<b>29.622.288.272</b>

d) Giá trị nợ thuế tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
<b>Ngắn hạn</b>				
Gốc nợ thuế tài chính	36.496.940.568	36.496.940.568	36.920.217.454	36.920.217.454
Lãi thuế tài chính phải trả	36.496.940.568	36.496.940.568	36.920.217.454	36.920.217.454
<b>Dài hạn</b>				
Gốc nợ thuế tài chính	131.992.989.585	131.992.989.585	145.614.741.033	145.614.741.033
Lãi thuế tài chính phải trả	131.992.989.585	131.992.989.585	145.614.741.033	145.614.741.033
<b>Cộng</b>	<b>168.489.930.153</b>	<b>168.489.930.153</b>	<b>182.534.958.487</b>	<b>182.534.958.487</b>

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có

đ) Trái phiếu thường	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
+ Ngắn hạn	150.000.000.000		148.621.030.316	
+ Dài hạn	150.000.000.000	10,4%/năm	148.621.030.316	10,4%/năm
Loại phát hành theo mệnh giá	150.000.000.000		148.621.030.316	
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>148.621.030.316</b>	
				36 tháng
				10,4%/năm
				36 tháng

đ) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan năm giữ: Không có



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống,xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>547.301.387.755</b>	<b>547.301.387.755</b>	<b>209.288.069.358</b>	<b>209.288.069.358</b>
+ RONGCHENG PINGFANG FISHERY MACHINERY CO.,LTD	10.427.707.000	10.427.707.000		
+ Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ			1.315.850.000	1.315.850.000
+ Công ty cổ phần Hum			16.940.822.700	16.940.822.700
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	11.457.350.562	11.457.350.562	13.395.429.628	13.395.429.628
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai	11.093.873.000	11.093.873.000	18.332.798.000	18.332.798.000
+ Công ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	15.007.965.825	15.007.965.825	14.678.056.570	14.678.056.570
+ Công ty CP Xuất khẩu Hải Sản Sạch	289.900.864.815	289.900.864.815	25.125.710.279	25.125.710.279
+ Desmet Ballestra (SEA) pte. Ltd	14.179.450.000	14.179.450.000	13.868.350.000	13.868.350.000
+ Công ty TNHH Hòa Thuận Bình Long			9.213.766.070	9.213.766.070
+ Phải trả cho các đối tượng khác	195.234.176.553	195.234.176.553	96.417.286.111	96.417.286.111
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>547.301.387.755</b>	<b>547.301.387.755</b>	<b>209.288.069.358</b>	<b>209.288.069.358</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LTD.**  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính	4.466.352	17.588.651.807	74.088.655.259	27.848.062.882	12.171.469	63.836.949.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động KD bất động sản	361.181.852				361.181.852	
Thuế GTGT		484.966.849	7.988.172.886	8.473.139.735		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			5.003.548.800	5.003.548.800		
Thuế xuất nhập khẩu			197.064.734	197.064.734		
Thuế thu nhập cá nhân		8.007.576.711	6.252.400.018	9.306.224.590		4.953.752.139
Thuế tài nguyên		17.856.000	257.520.000	240.240.000		35.136.000
<b>Cộng</b>	<b>365.648.204</b>	<b>26.099.051.367</b>	<b>93.787.361.697</b>	<b>51.068.280.741</b>	<b>373.353.321</b>	<b>68.825.837.440</b>

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I** Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>47.110.188.427</b>	<b>105.470.763.444</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết		52.287.503
Kinh phí công đoàn	1.571.984.872	612.270.746
Bảo hiểm xã hội	55.329.730	185.094.355
Bảo hiểm y tế	30.372.022	24.377.363
Bảo hiểm thất nghiệp	11.562.680	7.730.680
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.940.117.500	6.892.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.667.031.000	3.031.795.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.833.790.623	94.665.089.797
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	11.477.715.504	5.885.709.744
+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Và Đầu Tư Tài Chính	1.162.175.000	1.162.175.000
+ Phải trả khác	21.193.900.119	87.617.205.053
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>47.110.188.427</b>	<b>105.470.763.444</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>105.929.192</b>	<b>105.929.192</b>
Doanh thu nhận trước	105.929.192	105.929.192
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>105.929.192</b>	<b>105.929.192</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống,xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2018

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.816.096.710.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>(42.000.000)</b>	<b>23.791.570.926</b>	<b>186.527.725.687</b>	<b>107.576.653.210</b>	<b>2.151.011.359.823</b>
Tăng vốn trong năm trước								
Lãi trong năm trước						337.620.151.473	5.270.038.252	342.890.189.725
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		45.288.900.000						45.288.900.000
Tăng khác								
Trích quỹ từ lợi nhuận					2.040.906.702	(2.040.255.302)	(651.400)	(317.703.406.500)
Chia cổ tức						(317.703.406.500)		(540.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị						(540.000.000)		(540.000.000)
Giảm khác								
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.816.096.710.000</b>	<b>45.288.900.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>(42.000.000)</b>	<b>25.832.477.628</b>	<b>203.864.215.358</b>	<b>112.846.040.062</b>	<b>2.220.947.043.048</b>
Lãi trong năm nay						633.107.334.578	10.705.886.450	643.813.221.028
Tăng do trích từ lợi nhuận								163.437.490.000
Trích quỹ từ lợi nhuận		163.437.490.000			3.047.423.193	(3.047.423.193)		
Chia cổ tức						(363.208.128.100)		(363.208.128.100)
Thù lao hội đồng quản trị						(624.000.000)		(624.000.000)
Giảm khác				42.000.000				42.000.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.979.534.200.000</b>	<b>45.288.900.000</b>	<b>17.060.700.000</b>		<b>28.879.900.821</b>	<b>470.091.998.643</b>	<b>123.551.926.512</b>	<b>2.664.407.625.976</b>

(\*) Xem thuyết minh V.18.5: Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	1.012.325.360.000	51,14%	713.463.780.000	39,29%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.012.325.360.000	51,14%	713.463.780.000	39,29%
Vốn góp của các đối tượng khác	967.208.840.000	48,86%	1.102.632.930.000	60,71%
<b>Cộng</b>	<b>1.979.534.200.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.816.096.710.000</b>	<b>100,00%</b>

### 18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
- Vốn góp tăng trong năm	163.437.490.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	1.979.534.200.000	1.816.096.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	363.208.128.100	317.703.406.500

### 18 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	197.953.420	181.609.671
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	197.953.420	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	197.953.420	181.609.671
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	197.953.420	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	197.953.420	181.609.671
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 18 . 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	24.913.358.033	23.897.550.302
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.983.271.394	967.463.663
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.983.271.394	967.463.663

### 18 . 6. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

Thù lao hội đồng quản trị	624.000.000
---------------------------	-------------

### 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	2.812.974,94	1.968.135,90
- Bảng Anh (EUR)	40.286,71	2.248,64
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	19.175,00	2.753,00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	3.563.411.225.486	2.796.972.119.220
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	1.530.473.348.214	1.381.018.711.356
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.125.787.188.800	1.064.535.312.011
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.210.411.816	58.363.560.072
Doanh thu kinh doanh bất động sản	37.394.428.892	30.989.355.279
Doanh thu khác	1.429.761.545	
<b>Cộng</b>	<b>6.342.706.364.753</b>	<b>5.331.879.057.938</b>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm nay
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	187.761.854.038
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Thành viên trong tập đoàn	15.500.000.000

#### 02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	1.492.176.404	2.394.897.374
Hàng bán bị trả lại		1.984.542.300
<b>Cộng</b>	<b>1.492.176.404</b>	<b>4.379.439.674</b>

#### 03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.769.977.030.227	2.291.406.263.734
- Giá vốn bột cá, mỡ cá	1.426.176.954.477	1.331.270.504.348
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.047.534.976.592	1.002.404.734.592
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.974.228.228	16.670.337.171
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản	36.039.365.816	30.623.525.602
+ Chi phí kinh doanh BĐS	36.039.365.816	30.623.525.602
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.768.405.308	8.855.207.331
- Giá vốn khác	1.429.761.545	
<b>Cộng</b>	<b>5.342.900.722.193</b>	<b>4.681.230.572.778</b>

#### 04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.437.807.067	100.526.930.447
Cổ tức, lợi nhuận được chia		169.749.541
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.173.517.027	12.459.940.422
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.722.663.319	1.787.220.406
Doanh thu hoạt động tài chính khác		15.036.000
<b>Cộng</b>	<b>149.333.987.413</b>	<b>114.958.876.816</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	174.093.020.748	178.163.816.583
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		12.563.129
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	351.562.388	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.765.067.344	15.142.611.862
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu	(755.415.588)	268.206.500
Chi phí tài chính khác	3.810.885.213	1.889.812.691
<b>Cộng</b>	<b>198.265.120.105</b>	<b>195.477.010.765</b>

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>06 . 1. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	13.206.106.198	9.164.534.696
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.000.000	181.900.000
Chi phí khấu hao	1.468.799.112	1.203.249.932
Chi phí vận chuyển hàng hóa	60.567.580.995	71.963.625.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.683.618.833	32.184.788.558
Chi phí bằng tiền khác	61.866.444.130	49.518.076.036
<b>Cộng</b>	<b>175.825.549.268</b>	<b>164.216.174.982</b>

### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	28.630.020.781	22.193.996.606
Chi phí công cụ, dụng cụ	689.229.325	217.711.209
Chi phí khấu hao	3.844.837.241	3.347.660.305
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.095.998.382	3.038.422.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	792.925.724	791.588.638
Các khoản chi phí QLDN khác	13.656.936.375	9.886.154.720
<b>Cộng</b>	<b>51.709.947.828</b>	<b>39.475.534.127</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thu được	19.266.000	21.715.500
Các khoản khác	3.112.407.749	971.696.276
<b>Cộng</b>	<b>3.131.673.749</b>	<b>993.411.776</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.598.421.956	
Các khoản bị phạt	1.415.807.604	1.427.431.316
Các khoản khác	1.070.512.339	291.602.842
<b>Cộng</b>	<b>7.084.741.899</b>	<b>1.719.034.158</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.757.146.188.192	2.101.993.438.932
Chi phí nhân công	319.498.664.430	334.392.101.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.571.216.437	55.576.355.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.091.149.758	142.766.264.610
Chi phí khác bằng tiền	160.709.290.752	135.561.092.975
<b>Cộng</b>	<b>3.438.016.509.569</b>	<b>2.770.289.253.135</b>

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	73.449.299.276	18.274.544.153
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	639.355.983	142.613.572
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>74.088.655.259</b>	<b>18.417.157.725</b>

### 11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(8.108.069)	23.818.355
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(8.108.069)</b>	<b>23.818.355</b>

### 12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	633.107.334.578	337.620.151.473
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	182.729.106	181.609.671
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.465</b>	<b>1.859</b>

### 13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	633.107.334.578	337.620.151.473
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	182.729.106	181.609.671
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.465</b>	<b>1.859</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>	<u>Số cuối năm</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	45.058.428.395
- Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu	163.437.490.000
<b>2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có</b>	
<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<u>Năm nay</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.143.817.846.636
<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>	<u>Năm nay</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	8.036.517.314.531
<b>5. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không có</b>	



### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

**01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có**

**02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**03. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	880.000.000	880.000.000
Tiền lương	3.008.812.500	2.973.569.557

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏ, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Xuất bán cá tra đông lạnh	95.328.250.400
	- Chi phí ủy thác xuất khẩu	839.300.000
	- Thu hộ cước vận chuyển cước tàu	998.298.435
	- Phí cho thuê nhà máy chế biến thức ăn	8.250.000.000
	- Thu hoàn tiền thuế Nhập khẩu	28.606.302.240
	- Mua thức ăn thủy sản	25.144.782.920
	- Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn	150.828.067.218
	- Ủy thác nhập khẩu tài sản	76.284.221.795
	- Phải trả tiền mua tài sản	6.780.183.957
	- Chi đùm tiền phí hoa hồng	1.062.265.015
	- Chi hộ tiền bảo hiểm	19.904.000
	- Chuyển nhượng Quyền sử đất	32.960.835.000
	- Bán Mỡ cá	2.730.000
	- Bán Bột cá	80.375.000.000
	- Thiết kế và thi công công trình	1.608.873.638
	- Tiền bán nền Bến xe Châu Đốc	2.184.000.000
	- Cho mượn vốn + bảo hiểm	5.334.000.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Tiền cho thuê nhà máy chế biến thức ăn	17.050.000.000
	- Chuyển nhượng nhà máy thức ăn	685.580.000.000
	- Thi công xây dựng	2.150.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Mua tài sản của nhà máy chế biến gạo	729.000.000
	- Vé máy bay	3.610.000
	- Ăn uống + phòng nghỉ	121.988.000
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	- Vé máy bay	1.111.399.550
	- Ăn uống	53.760.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Bán cá tra đông lạnh, chi phí ủy thác xuất khẩu, thu hộ cước vận chuyển cước tàu	1.524.011.660
	- Ứng trước tiền tổng thầu nhà máy thức ăn	200.015.213.159
	- Thiết kế công trình	256.041.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed		
	- Tiền cho thuê nhà máy chế biến thức ăn	9.400.000.000
	- Chuyển nhượng nhà máy thức ăn	685.580.000.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	9.785.137.000
	- Ứng trước tiền thiết kế và thi công công trình	2.963.115.000
	- Cho mượn vốn + bảo hiểm	11.477.715.504
+ Công ty TNHH DŨNG THỊNH PHÁT		
	- Tiền thuê mặt bằng	38.000.000



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống,xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.848.874.470.015	3.492.339.718.334	6.341.214.188.349	2.671.249.599.763	2.656.250.018.501	5.327.499.618.264
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.848.874.470.015</b>	<b>3.492.339.718.334</b>	<b>6.341.214.188.349</b>	<b>2.671.249.599.763</b>	<b>2.656.250.018.501</b>	<b>5.327.499.618.264</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.253.636.141	828.059.830.015	998.313.466.156	253.164.149.371	393.104.896.115	646.269.045.486
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(227.535.497.096)			(203.691.709.109)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>770.777.969.060</b>		<b>770.777.969.060</b>			<b>442.577.336.377</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	149.333.987.413		149.333.987.413			114.958.876.816
Chi phí tài chính			(198.265.120.105)			(195.477.010.765)
Phân lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết			3.131.673.749			993.411.776
Thu nhập khác			(7.084.741.899)			(1.719.034.158)
Chi phí khác			(74.088.655.259)			(18.417.157.725)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			8.108.069			(23.818.355)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>643.813.221.028</b>		<b>643.813.221.028</b>			<b>342.892.603.966</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			124.237.195.002			189.460.815.486
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ			71.269.448.083			57.782.397.654
Chi phí trả trước dài hạn						



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.871.266.691.683	307.528.965.595	2.178.795.657.278	1.319.531.745.513	272.150.014.939	1.591.681.760.452
Tài sản không phân bổ			4.438.849.721.547			4.145.213.508.706
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.871.266.691.683</b>	<b>307.528.965.595</b>	<b>6.617.645.378.825</b>	<b>1.319.531.745.513</b>	<b>272.150.014.939</b>	<b>5.736.895.269.158</b>
Nợ phải trả bộ phận	558.692.901.965	96.092.185.912	654.785.087.877	187.506.747.743	93.291.084.726	280.797.832.469
Nợ phải trả không phân bổ			3.298.452.664.972			3.235.150.393.641
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>558.692.901.965</b>	<b>96.092.185.912</b>	<b>3.953.237.752.849</b>	<b>187.506.747.743</b>	<b>93.291.084.726</b>	<b>3.515.948.226.110</b>

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay	Chi tiêu	Năm nay			Tổng	
		Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	Tài sản bộ phận	3.561.970.575.522	1.530.421.821.774	1.125.787.188.800	6.341.214.188.349	
		1.701.448.932.365	1.198.892.739.045	401.046.732.493	6.617.645.378.825	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận					
<b>Năm trước</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Sản xuất chế biến cá tra</b>	<b>Doanh thu Bột Cá, mỡ cá</b>	<b>Dầu cá</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	Tài sản bộ phận	2.875.897.302.924	1.436.018.711.356	977.640.161.435	37.943.442.549	5.327.499.618.264
		1.482.179.578.905	305.774.417.252	312.087.942.852	3.636.853.330.149	5.736.895.269.158
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận					
						<b>124.237.195.002</b>
						<b>189.460.815.486</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

**05 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**- Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

**- Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.





**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống,xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	547.301.387.755			547.301.387.755
Người mua trả tiền trước	70.558.968.172			70.558.968.172
Vay và nợ	2.636.821.314.097	536.614.306.229		3.173.435.620.326
Trái phiếu chuyển đổi				
Chi phí phải trả	982.814.221			982.814.221
Các khoản phải trả phải nộp khác	47.110.188.427			47.110.188.427
<b>Cộng</b>	<b>3.302.774.672.672</b>	<b>536.614.306.229</b>		<b>3.839.388.978.901</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



46



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I** Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.812.975	4.683.933
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	13.279.680	11.528.656
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(5.090.775)	(947.553)
Vay và nợ thuê tài chính	(29.832.955)	(16.577.445)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(18.831.075)</b>	<b>(1.312.410)</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(8.782.944.640)	(619.450.273)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	8.782.944.640	619.450.273

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### - Rủi ro về giá

##### + Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I** Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**+ Rủi ro về giá bất động sản**

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

**d. Tài sản đảm bảo**

**- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm
Tiền gửi có kỳ hạn	1.773.729.589.974
Hàng tồn kho	538.242.430.453
Tài sản cố định hữu hình	182.731.802.029
Quyền sử dụng đất	174.459.104.624
Bất động sản đầu tư	63.101.933.505

**- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**06. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**07. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

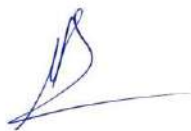
Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





VŨ THỊ LỆ

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG

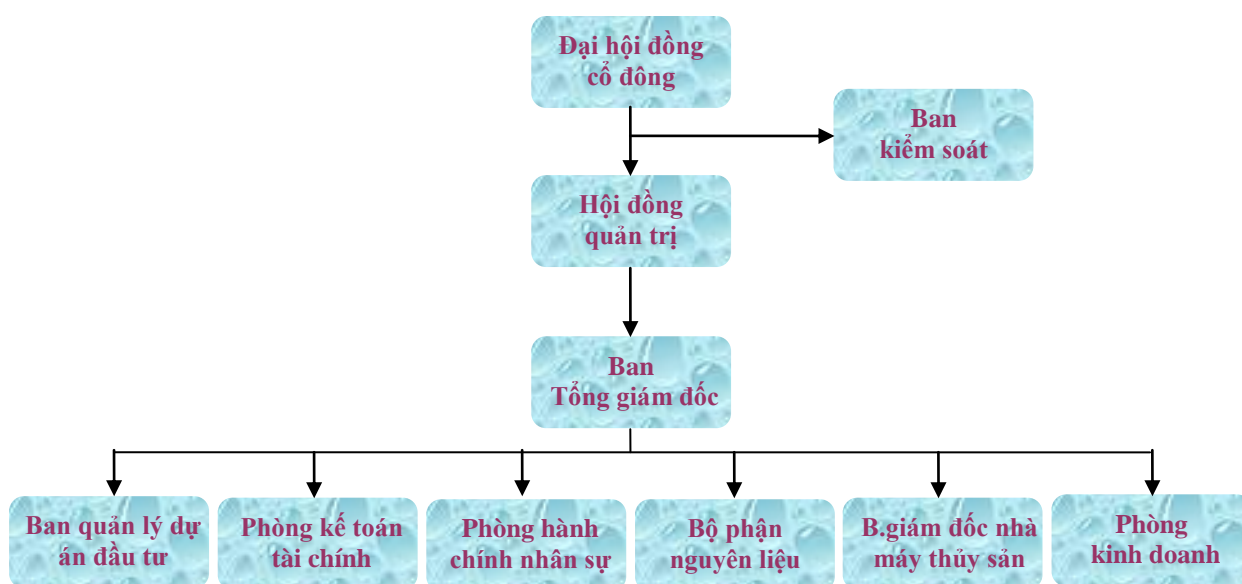
## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY I/CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án khác tại huyện Lập Vò (kể cả việc đầu tư liên kết với nông dân trong việc nuôi cá), tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.



## II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



## 2.1 Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 09 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2015 – 2019 gồm:

- |                         |               |
|-------------------------|---------------|
| ○ Ông Lê Thanh Thuận    | Chủ tịch.     |
| ○ Ông Nguyễn Văn Hưng   | Phó chủ tịch. |
| ○ Ông Lê Văn Chung      | Thành viên.   |
| ○ Ông Lê Xuân Quế       | Thành viên.   |
| ○ Ông Trương Vĩnh Thành | Thành viên.   |
| ○ Ông Phạm Đình Nam     | Thành viên.   |
| ○ Ông Lê Văn Thành      | Thành viên.   |
| ○ Bà Lê Thị Phượng      | Thành viên.   |
| ○ Ông Trương Công Khánh | Thành viên.   |



Các thành viên HĐQT và ban lãnh đạo công ty tại ĐHĐCĐTN 2018

## 2.2 Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 07 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 04 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.



- Ban tổng giám đốc gồm có:
  - o Ông Lê Văn Chung                      Tổng Giám đốc.
  - o Ông Lê Văn Cảnh                      Phó Tổng Giám đốc.
  - o Ông Phạm Đình Nam                   Phó Tổng Giám đốc.
  - o Ông Nguyễn Thanh Hải              Phó Tổng Giám đốc
  - o Bà Võ Thị Minh Tâm                Phó Tổng Giám đốc
  - o Ông Trương Công Khánh          Giám đốc tài chính.
  - o Ông Lê Xuân Định                    Kế toán trưởng.

### 2.3 Ban kiểm soát

- Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- BKS công ty nhiệm kỳ 2015 – 2019 gồm:
  - o Ông Lê Hoàng Cương                Trưởng ban.
  - o Bà Nguyễn Thị Hương              Thành viên.
  - o Ông Lê Thanh Dũng                Thành viên.

### 2.4 Các phòng ban khác

#### a) Phòng kế toán tài chính:

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung dài hạn, giải quyết công nợ với khách hàng.

#### b) Phòng hành chính nhân sự:

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự. Hoạch định nhân sự nhằm mục đích phục vụ cho mục đích kinh doanh cũng như chiến lược của Công ty. Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGĐ với Người lao động trong Công ty. Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGĐ và Người lao động trong Công ty. Hỗ trợ cho các bộ phận liên quan về công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự...

#### c) Xí nghiệp phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch. Xây dựng quy trình nuôi cá cũng như quy trình xử lý khi vùng nuôi khi cá gặp dịch bệnh. Kiểm soát và quản lý sao cho giá thành nuôi thấp nhất nhằm nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### d) Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu. Luôn chủ động mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng mới. Nắm bắt nhu cầu của khách hàng cũng như những phản ánh của khách hàng nhằm khắc phục những hạn chế từ đó hoàn thiện hơn trong việc chăm sóc khách hàng.



### III/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

#### 3.1 Hội đồng quản trị



#### **Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT**

- CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/3/1958
- Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Thanh Thuận sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng An Giang.

- Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang.

- Năm 1982, ông Thuận được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.

- Từ năm 1992, ông Thuận được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2003, ông thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 10.900.000 cp, chiếm 5,51% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai sở hữu là: 101.402.116 cổ phần, chiếm 51,23% vốn điều lệ.



#### **Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó chủ tịch HĐQT**

- CMND số: 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/05/1954
- Địa chỉ thường trú: 49/30 Khúc Thừa Dụ, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Hưng sinh tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

- Năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995.

- Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai và giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

- Năm 2003, ông tham gia thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) và giữ chức vụ phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.

- Ngoài ra, Ông cũng đang giữ vị trí lãnh đạo khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 655.604 cổ phần, chiếm 0.33% vốn điều lệ.



**Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.
- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 129,380 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



**Ông Lê Văn Thành – Thành viên HĐQT**

- CMND số: 351400599 cấp ngày 12/12/2012 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú: Số 706 Hà Hoàng Hổ, Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang AG

- Ông Lê Văn Thành sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông Thành tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, quá trình công tác như sau:
- Từ năm 1997 – 1998 : Phó phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai( Nay là Tập đoàn Sao Mai)
- Từ năm 1999 - 2001 : Đội trưởng đội xây dựng số 5 Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai
- Từ năm 2002 – 2006 : Phó phòng kế hoạch Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai.
- Từ năm 2007 – 2009 : Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai
- Từ 2010 – 2015: Trưởng phòng quản lý Bất động sản Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai.
- Từ 2015 đến nay: Ông được bầu vào TV.HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 9.303 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ.





**Ông Phạm Đình Nam – Thành viên HĐQT**

- CMND số: 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú: 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –TP.Long Xuyên – An Giang.

- Ông Phạm Đình Nam sinh tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nam tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại Trường Xây dựng Miền Tây, quá trình công tác như sau:

- Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu
- Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu
- Từ 1998-2005 : Giám đốc XN Phương Nam thuộc công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Từ 2006- 2009 : Giám đốc ban quản lý dự án Sao Mai Bến Tre
- Từ 2009- 2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản ( Trisedco)
- Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 209.094 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.



**Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT**

- CMND số: 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/05/1968
- Địa chỉ thường trú : 647B/33. Tôn Thất Thuyết, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Xuân Quế sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng.
- Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam trực thuộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2003, Ông được điều về công tác tại văn phòng công ty Sao Mai sau đó giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty.
- Năm 2010, ông Lê Xuân Quế được bầu vào và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của công ty IDI cho đến nay.
- Ngoài ra, Ông Quế còn giữ các chức vụ quản trị tại các công ty khác như thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 1.814 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ.



**Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.**

- CMND số: 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/7/1977
- Địa chỉ thường trú: Số 83.Lô E1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Trương Vĩnh Thành sinh ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Bách khoa TPHCM năm 1999.
- Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.
- Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.
- Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
- Năm 2008 - 2011: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Từ 2011 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 6 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ.



**Bà Lê Thị Phụng – Thành viên HĐQT**

- CMND số: 171 652 200 cấp ngày 04/08/2010 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1980
- Địa chỉ thường trú: 54G1, Khu đô thị Sao Mai, Bình Khánh, LX,AG

- Bà Lê Thị Phụng sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà Phụng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh Tế TP HCM, quá trình công tác như sau:
- Từ năm 2004 – 2006 : Kế toán Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai.
- Từ năm 2007 – 2015 : Kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai
- Từ 2015 đến nay: Bà được bầu vào TV.HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
- Từ năm 2016 đến nay Bà giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Tập Đoàn Sao mai
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

	<p style="text-align: center;"><b>Ông Trương Công Khánh – TV.HĐQT kiêm GĐTC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số : 341365203 cấp ngày 23/08/2008 tại CA Đồng Tháp.</li> <li>- Giới tính : Nam</li> <li>- Ngày sinh : 13/03/1987</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 175 Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Trương Công Khánh sinh tại An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp.</li> <li>- Năm 2009 tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành kế toán kiểm toán.</li> <li>- Tháng 08 năm 2009 làm việc tại Ban kiểm toán nội bộ Công Ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành.</li> <li>- Tháng 11/2011 Làm Kế toán Trưởng Công Ty CP Đầu Tư Địa Ốc &amp; Khoáng Sản Châu Á.</li> <li>- Tháng 10/2013 Làm GĐTC Công Ty CP Đầu Tư &amp; Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- Tháng 05/2015 Ông được bầu làm TV.HĐQT Công ty CP Đầu Tư &amp; Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- Tháng 06/2015 Ông được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> <li>- Tháng 08/2017 Ông giữ chức vụ giám đốc tài chính Tập Đoàn Sao Mai kiêm giám đốc tài chính IDI.</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.</li> </ul>	


**Hoạt động của Hội đồng quản trị:**


- Trong năm hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 25 cuộc họp với tỷ lệ tham dự đầy đủ 100% của tất cả các thành viên.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2018 đồng thời kết hợp với Ban tổng giám đốc để đặt mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như chỉ đạo với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm đảm bảo tình hình kinh doanh chung của Công ty được ổn định và an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo trực tiếp trong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

**3.2 Ban Tổng giám đốc**

- |                       |   |
|-----------------------|---|
| Ông Lê Văn Chung      | Tổng Giám đốc.(đã tóm tắt ở trên).      |
| Ông Phạm Đình Nam     | Phó Tổng Giám Đốc (đã tóm tắt ở trên).  |
| Ông Trương Công Khánh | Giám đốc tài chính (đã tóm tắt ở trên). |



	<p><b>Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 352349644 cấp ngày 12/10/2011 tại CA An Giang</li> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 20/09/1988</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 72 Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh ở xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh trường California State University, Long Beach năm 2011.</li> <li>- Từ năm 2011-2012: Nhân Viên Kinh Doanh, Trợ lý Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.</li> <li>- Từ năm 2012-2015: Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.</li> <li>- Từ 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I .</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</li> </ul>	

	<p><b>Bà Võ Thị Minh Tâm – Thành viên HĐQT.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CMND số: 024 725 058 cấp ngày 01/11/2007 tại CA TP.HCM</li> <li>- Giới tính: Nữ</li> <li>- Ngày sinh: 07/07/1966</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 49 Trương Phước Phan, Bình Trị Đông, Bình Tân, TP.HCM</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh ở Long Xuyên, An Giang. Tốt nghiệp đại học kinh tế năm 1991</li> <li>- Từ năm 1992 – 1998: Quản lý sản xuất Cty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ</li> <li>- Từ năm 1999 – 2000: Học tiếng Trung ở Bắc Kinh – Trung Quốc</li> <li>- Từ năm 2001 – 2010: Làm ở <b>Cty Transimex</b> Sài Gòn</li> <li>- Từ năm 2011 – 2016: Chánh văn phòng Cty IDI</li> <li>- Từ tháng 02/2016 đến nay làm Phó tổng giám đốc Cty IDI, thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư &amp; Phát triển Đa Quốc Gia</li> <li>- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</li> </ul>	



**Ông Lê Đình Lịch - Phó Tổng giám đốc**

- CMND số : 113242305 cấp ngày 04-6-2003 tại CA Hòa Bình.
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh: 12-5-1957.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2A Phường Tân Thịnh TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông Lê Đình Lịch sinh tại Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.

- Ông tốt nghiệp khoa tiếng Nga trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà nội và tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng Trường Đại học xây dựng Hà Nội.

Qua trình công tác như sau:

- Từ 1975 – 1978 : Học tại Liên Xô ( cũ ).
- Từ 1979 – 1993 : Tham gia xây dựng Thủy điện Sông Đà Hòa bình.
- Từ 1993 – 1997 : Quản đốc phân xưởng May công nghiệp Tổng đội thanh niên Sông Đà.
- Từ 1997 – 2007: Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty May xuất khẩu 3-2 Hòa Bình.
- Từ 2007 – 2009 : Giám đốc Chi nhánh Công ty CPĐT & XD Sao Mai tại tỉnh hòa Bình.
- Từ 2009 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CPĐT & PT Đa quốc gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: không có.




**Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc**

- CMND số: 352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại CA tỉnh Thanh Hóa.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/09/1975
- Địa chỉ thường trú: 46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh , TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn Cảnh sinh tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ngành xây dựng.

Quá trình công tác như sau:

- Từ 2000 – 2005: Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2006 – 2010: Phó giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng Cụm Công nghiệp Vàm Cống.
- Từ 2010 đến nay: Làm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 9.626 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

	<b>Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.</b>
	- CMND số: 341 964 156 cấp ngày 18/06/2015 tại CA Đồng Tháp - Giới tính: Nam. - Ngày sinh : 04/03/1985 - Địa chỉ thường trú : Số 04B. Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.
- Ông Lê Xuân Định sinh tại Minh Khôi, Nông Công, Thanh Hóa. - Năm 2007 Ông Lê Xuân Định tốt nghiệp cử nhân kế toán và cũng trong năm 2007 ông làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI. - Năm 2011 ông Lê Xuân Định giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI cho đến nay. - Số lượng cổ phần sở hữu: Không có. - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.	

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Thiên Trang	Ông Lê Thanh Thuận CT.HĐQT	414,000	0.23%	3,201,540	1.76%	Nâng tỷ lệ nắm giữ
2	Nguyễn Thanh Sơn	Ông Nguyễn Thanh Hải Phó Tổng Giám Đốc	200,000	0.11%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
3	Ông Phạm Đình Nam - Phó Tổng Giám		2,211,830	1.22%	211,830	0.12%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
4	Ông Lê Xuân Quế -TV.HĐQT		1,421,665	0.78%	421,665	0,23%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
5	Ông Lê Xuân Quế - TV.HĐQT		421,665	0.23%	1.665	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
6	Ông Lê Hoàng Cương – Trưởng Ban kiểm soát		1,600,000	0.88%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
7	Lê Thị Thiên Trang	Ông Lê Thanh Thuận CT.HĐQT	3,201,540	1.76%	414.000	0.23%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân



8	Ông Lê Văn Cảnh- Phó Tổng Giám Đốc		1,060,582	0.58%	60.582	0.03%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
9	Ông Trương Công Khánh-TV.HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính		1,000,000	0.55%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
10	Bà Lê Thị Phụng – TV. HĐQT		1,000,000	0.55%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
11	Ông Trương Vĩnh Thành – TV. HĐQT		1,020,286	0.56%	20,286	0.01%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
12	Ông Lê Văn Thông	Ông Lê Thanh Thuận – CT.HĐQT	2,016,560	1.11%	16,560	0.01%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
13	Ông Nguyễn Văn Hưng-TV.HĐQT		1,001,472	0.55%	601,472	0.33%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân

### 3.3 Ban kiểm soát

a) Ông Lê Hoàng Cương – TB. Kiểm Soát.

- CMND số : 370 990 568 cấp ngày 24/03/2000 tại CA Kiên Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 21N1, KDC Bình Khánh 3 - P. Bình Khánh - Long Xuyên - An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

b) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.

- CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1984
- Địa chỉ thường trú : Số 34D3. Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

c) Ông Lê Thanh Dũng – Ủy viên.

- CMND số : 173 526 473 cấp ngày 22/10/2008 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1990
- Địa chỉ thường trú : KDC Sao Mai, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

#### Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty.
- Giám sát việc chấp hành các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất



kinh doanh.

- Kiểm tra công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của công ty và các đơn vị trong

Công ty.

- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra chi phí để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn.
- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của công ty.

#### IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm, Công ty không có thay đổi ban điều hành

#### V/ NGUỒN NHÂN LỰC

##### 5.1 Lực lượng lao động

- Năm 2018, Công ty đã thực hiện tuyển dụng và đào tạo được nhiều kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề cao từ 3.684 người lúc đầu năm 2018 và tăng lên 3.845 người lúc cuối năm 2018 để bổ sung cho nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và nhà máy chế biến fillet xuất khẩu.

- Trong năm 2018 Công ty cũng đã thực hiện nhiều chính sách đào tạo cán bộ theo chiều sâu mà cụ thể là đã cử nhiều cán bộ đi du học tại các nước phát triển như: Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Úc.... Với nhiệm vụ vừa học vừa phát triển thị trường Trung Quốc đi kèm với việc quản lý khách hàng. Cử các cán bộ chuyên trách tham gia các lớp huấn luyện, học tập nghiệp vụ chuyên môn cũng như nắm bắt các thay đổi, các quy định mới về thuế, về quản lý chất lượng... Trong năm Công ty cũng có mời các chuyên gia nước ngoài về Công ty để tư vấn hướng dẫn và đào tạo cán bộ nâng cao trình độ tay nghề, nắm bắt công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực trẻ giúp Công ty phát triển được bền vững.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, hỗ trợ xe về nghỉ tết âm lịch, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

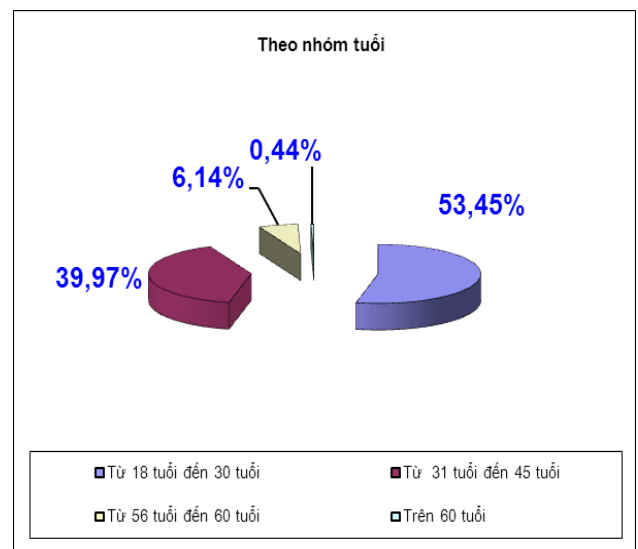
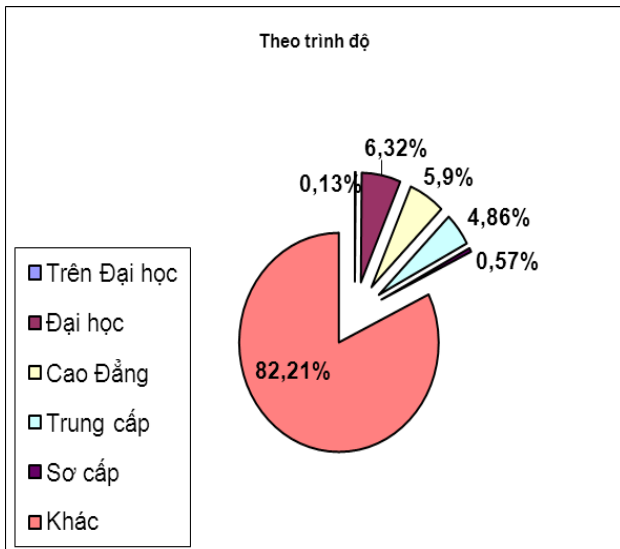
#### BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

ĐVT: Người

A	Theo trình độ	3.845	100,00%
1	Trên Đại học	5	0,13%
2	Đại học	243	6,32%
3	Cao Đẳng	227	5,90%
4	Trung cấp	187	4,86%
5	Sơ cấp	22	0,57%
6	Khác	3.161	82,21%
B	Theo nhóm tuổi	3.845	100,00%
1	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	2.055	53,45%
2	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.537	39,97%
3	Từ 56 tuổi đến 60 tuổi	236	6,14%
4	Trên 60 tuổi	17	0,44%



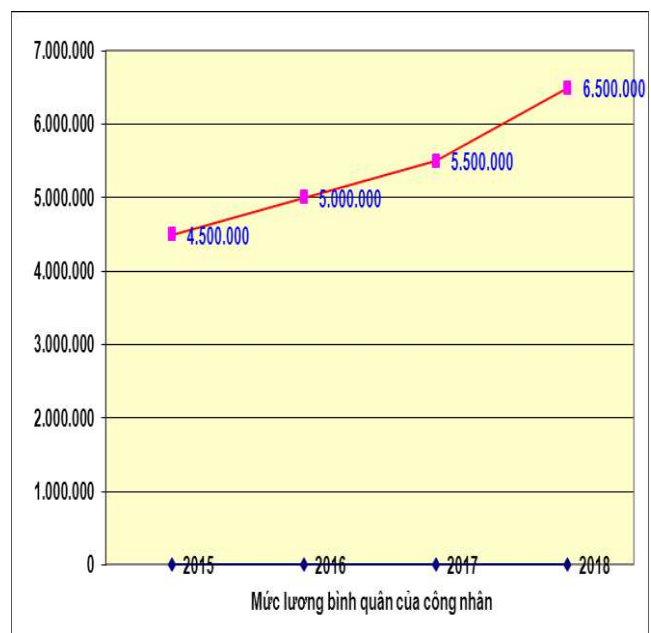
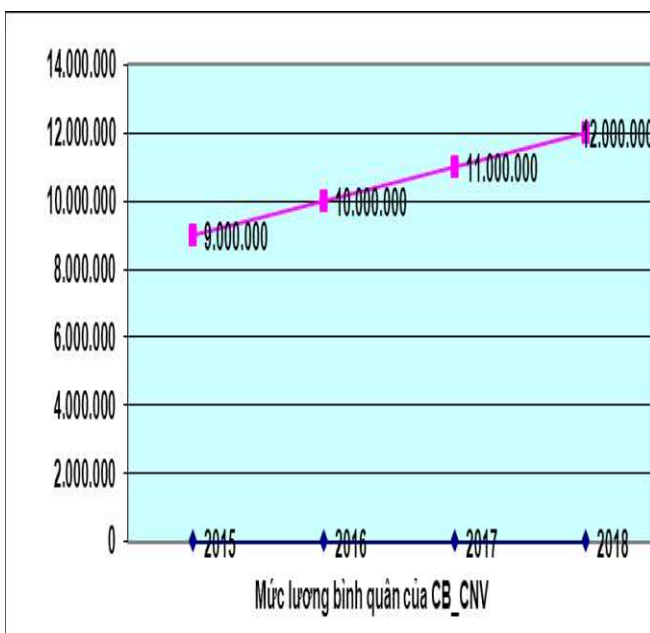




Chính sách lương, thưởng: Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến nâng suất lao động.

**Mức lương bình quân**

Năm	Mức lương bình quân của CB_CNV	Mức lương bình quân của công nhân
2015	9.000.000 đồng	4.500.000 đồng
2016	10.000.000 đồng	5.000.000 đồng
2017	11.000.000 đồng	5.500.000 đồng
2018	12.000.000 đồng	6.500.000 đồng



## 5.2 Chính sách đối với người lao động

- Năm 2018, công ty tuyển dụng hơn 600 công nhân và liên kết với Trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho toàn bộ lao động phổ thông. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất. Nhưng công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của luật lao động như : Các chế độ bảo hiểm, ốm đau, sinh sản . . .

- Thu nhập bình quân của CB-CNV là 12 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 6,5 triệu đồng/người/tháng. Thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết dương lịch và âm lịch, lương tháng 13... Mỗi tháng, công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

## 5.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, lao động trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

### I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019 có 09 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 07 thành viên HĐQT. Trong đó, có 03 thành viên tham gia điều hành và 06 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Hàng tuần/tháng/quý, Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng và các đợt kiểm tra đội xuất.

- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng Quý, đồng thời kết hợp với Ban tổng giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Quý tiếp theo.

- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc cơ cấu thị trường, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh chung của năm 2018 được hoàn thành và cho thời gian sắp tới.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc thực hiện chi trả phần còn lại của cổ tức năm 2017 và ứng trước cổ tức lần 1 năm 2018.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;

- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;





Các thành viên HĐQT và ban lãnh đạo Công ty tại ĐHĐCĐTN năm 2018

## 1.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2019 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên. Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy chế chế của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà đại hội đồng cổ đông giao.

## II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### 2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 29/03/2019 của Công ty gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh:

#### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuần	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	101.402.116	51,23%
2	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	10.900.000	5,51%
<b>Tổng cộng:</b>				<b>112.302.116</b>	<b>56,74%</b>

## 2.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập của công ty IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 02/01/2019 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2019 đã lưu ký như sau:

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuận	350006170	326. Hùng Vương - TP.LX – AG.	10.900.000	5,51%
2	Công Ty CP Tập Đoàn Sao Mai. Đại diện pháp luật: Ông Lê Thanh Thuận.	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	101.402.116	51,23%
3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ -TP.LX	655.604	0,33%
4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.LX	129.380	0,07%
5	Lê Xuân Quế	351259440	647B/33. Trần Hưng Đạo – LX	1.814	0,00%
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu Sao Mai - Bình Khánh 3 – TP.LX	6	0,00%
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên.	9.626	0,00%
8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.LX.	209.094	0,11%
9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai – Bình Khánh 3 – LX	79	0,00%
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn – Thanh Hóa	0	0,00%
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	0	0,00%
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định – TP.LX	18.050	0,01%
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	9.303	0,00%
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo – TP.LX.	126.916	0,64%
15	Lê Khắc Tám	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - LX	95.920	0,05%
<b>Tổng cộng:</b>				<b>113.557.908</b>	<b>57,95%</b>

### 2.3 Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	<b>197.953.420</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông lớn	112.302.116	56,73%
+ Cổ đông nhỏ	85.651.304	43,27%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	<b>197.953.420</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông tổ chức	108.490.951	54,81%
+ Cổ đông cá nhân	89.462.469	45,19%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	<b>197.953.420</b>	<b>100,00%</b>
+ Cổ đông trong nước	182.466.834	92,18%
+ Cổ đông nước ngoài	15.486.586	7,82%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	<b>197.953.420</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt ( HDQT, Ban Giám đốc, BKS....)	11.914.827	6,02%
+ Cổ đông khác	186.038.593	93,98%

Nguồn: Theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 15/03/2019

### 2.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

o Trong năm 2018, Công ty thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu làm thay đổi vốn điều lệ tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 17/12/2018, Công ty đã thực hiện báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

### 2.5 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI.

#### ➤ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)

- Vốn điều lệ : 2.419.338.530.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 241.933.853 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 29 ngày 08/06/2018.
- Điện thoại : 0296 3840 138 Fax: 0296 3840 139.
- Website : www.saomaig.vn Email: thuansaomai@hotmail.com
- Mã số thuế : 16001690241.
- Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuận** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
  - o Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.
  - o Nuôi trồng, chế biến thủy sản.
- Tình hình cổ phần:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2017	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
1.979.534.200.000	1.014.021.160.000	51,23%





## 2.6 Doanh nghiệp là công ty con của IDI:

### ➤ Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR:

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 9 ngày 14/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Bùi Cao Cường** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
  - Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.
- + Tình hình góp vốn:



ĐVT: VND

Vốn điều lệ ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2018	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	90.420.000.000	75.35%

➤ Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT):

- + Vốn điều lệ : 438.149.200.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 43.814.920 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 19 ngày 02/07/2018 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Lâm** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
  - Nuôi trồng thủy sản nội địa.
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
  - Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
  - Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
438.149.200.000	347.233.241.000	79,25%



Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá



**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

(ĐVT: đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.322.056.031.851	1.367.409.230.528	45.353.198.677	3,43%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.435.878.018.454	1.586.843.348.214	150.965.329.760	10,51%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.352.493.670	61.025.544.311	33.673.050.641	123,11%
4	Lợi nhuận khác	-522.823.400	-2.066.097.660	-1.543.274.260	295,18%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.829.670.270	58.959.446.651	32.129.776.381	119,75%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.363.885.576	51.513.702.587	26.149.817.011	103,10%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	665	1.176	511	76,84%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2017)

**+ Các sản phẩm chính của Công ty Trisedco.****Bột Cá**

Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)/bao nhựa  
 Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng  
 Tiêu chuẩn: Độ đậm 58-60%, độ ẩm (%) 10 max, Tro (%) 25 max, độ tươi (%) 50 max, chất béo (%) 12 max

**Mỡ Cá Thô**

Xuất xứ: Việt Nam  
 Loại cá: cá Tra  
 Qui cách đóng gói: 193kg / thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank  
 Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng  
 Tiêu chuẩn: Acid (mgKOH/g) 3%max, Iodine (gI2/100g) 80max





**Bong Bóng Tươi**



**Bao Tử Cá**

**Sản Phẩm Khác**



**Ức Cá, Vây Cá**



**Sản phẩm bong bóng**



Dầu cá cao cấp

# Ranee

*Ngon cho Chồng - Tốt cho Con  
Tuyệt vời cho cả gia đình*



**VI CHẤT**  
đinh dưỡng Việt Nam



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### I/ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng sản lượng cá tra nguyên liệu (mua ngoài và tự chăn nuôi) để phục vụ sản xuất trong năm 2018 là gần 90.000 tấn.
- Công ty không có tái chế hoặc chế biến sản phẩm phụ.

### II/ Tiêu thụ năng lượng:

#### 1/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 37.361.933 kw và gián tiếp: 0kw

#### 2/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Trong năm 2018, công ty đã tiết kiệm thông qua các sáng kiến: 1.500.000kw (tỷ lệ: 4%)

#### 3/ Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:

- Quản lý vận hành thiết bị điện hiệu quả tránh lãng phí.
- Tận dụng điện trong khoảng thời gian thấp điểm, giá thành thấp.
- Đầu tư thay các thiết bị tiêu thụ điện hiệu suất thấp bằng thiết bị hiệu suất cao.
- Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1,06 MW.



### III/ Tiêu thụ nước:

#### 1/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước được lấy từ nguồn giếng nước ngầm và đưa vào sử dụng với khối lượng 300.100m<sup>3</sup>/năm.

**2/ Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Công ty không dùng nước đã tái chế để bảo đảm chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

#### IV/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI luôn nhận thức được tầm quan trọng việc bảo vệ môi trường. Nên ban lãnh đạo công ty thường xuyên nhắc nhở cán bộ nhà máy phải kiểm tra quá trình xử lý nước thải phải đúng theo quy định của Nhà nước. Việc đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời là một minh chứng cho thấy trách nhiệm với môi trường của IDI khi mà IDI là người tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch.



Trên đây là báo cáo thường niên 2018 của Công ty CP đầu tư & phát triển đa quốc gia IDI. Trân trọng!